

Hồ Chí Minh

VỚI VĂN NGHỆ SĨ
VĂN NGHỆ SĨ VỚI HỒ CHÍ MINH

Tập 3

HỒ CHÍ MINH TRONG TRÁI TIM VĂN NGHỆ SĨ THẾ GIỚI



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NỘI DUNG

Gs.Ts. PHÙNG HỮU PHÚ (Chủ tịch)

Nhà thơ HỮU THỈNH (Phó Chủ tịch)

Hoạ sĩ VŨ GIÁNG HƯƠNG

Pgs.Ts. NGUYỄN VĂN THẠO

Gs. HÀ MINH ĐỨC

Pgs.Ts. PHAN TRỌNG THƯỜNG

Nhà văn ĐỖ KIM CUÔNG

Nhà văn TRUNG TRUNG ĐÌNH

Ts. NGUYỄN DANH NGÀ

BAN BIÊN SOẠN

Nhà thơ HỮU THỈNH (Chủ biên)

Nhà văn TRUNG TRUNG ĐÌNH

Nhà thơ TRẦN QUANG QUÝ

Nhà văn PHẠM SÔNG HỒNG

Nhà văn NGUYỄN THỊ ANH THƯ

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

*Hồ Chí Minh trong trái tim văn nghệ sĩ thế giới là cuốn sách tập hợp các tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ, nhà đạo diễn điện ảnh, các nghệ sĩ, diễn viên, họa sĩ, nhạc sĩ ... nổi tiếng của nhiều nước trên thế giới; và một phần các bài viết, những hồi ức chân thành của họ về những ấn tượng, những cảm xúc vô cùng sâu sắc, xúc động thể hiện lòng kính yêu của họ đối với **Chủ tịch Hồ Chí Minh** trong những dịp may hiếm có, được diện kiến Người.*

*Trước đây, đã có một vài cuốn sách tập hợp các bài viết và tác phẩm văn học nghệ thuật của nước ngoài viết về **Chủ tịch Hồ Chí Minh** nhưng quá mỏng, chưa đầy đủ và chưa thật khoa học. Thực hiện cuốn sách này, Nhà xuất bản Hội Nhà văn có tham vọng tập hợp và trình bày lại một cách đầy đủ hơn, có hệ thống hơn các tác phẩm và các bài viết của giới văn nghệ sĩ nước ngoài đã viết về Người.*

*Đặc biệt, Nhà xuất bản dành phần mở đầu trang trọng cho một số những trang viết rất quý, là bài điểm sách, Thiệp mừng của **Chủ tịch Hồ Chí Minh** dành cho tác giả hoặc tổ chức văn học nước ngoài. Những trang viết ân tình này đã lý giải một cách sâu sắc hơn mối tình cảm chân thành và cảm động của các văn nghệ sĩ nước ngoài đối với **Chủ tịch Hồ Chí Minh**.*

Trong quá trình sưu tầm và tuyển chọn tác phẩm, Nhà xuất bản đã trao đổi trực tiếp với tác giả hoặc xin phép các cơ quan lưu trữ, nhưng vẫn còn một số tác giả, do thời gian biến đổi, do hoàn cảnh xã hội của một đất nước có chiến tranh kéo dài, do

địa lý...Nhà xuất bản không tìm được địa chỉ để liên hệ lại với các tác giả ở các nước khác nhau. Nhân đây, Nhà xuất bản chúng tôi thành thực cáo lỗi các tác giả, cho phép được chọn tác phẩm của các quý vị vào cuốn sách này.

Nhà xuất bản cũng gặp một thực tế vô cùng khó khăn là, do nhiều nguyên nhân khác nhau, nguồn tài liệu rất phân tán, thất thoát và không đồng bộ. Hơn nữa, để tôn trọng tính chính xác của tư liệu gốc và tính lịch sử của văn bản, Nhà xuất bản cho in gần như nguyên bản những trang tư liệu sưu tầm được. Và để có được sự bình đẳng một cách khả dĩ nhất đối với từng tác phẩm, không câu nệ quốc gia, sắc tộc...Ban biên soạn xin được xếp bài, tác phẩm theo họ tác giả với thứ tự ABC của từ điển tiếng Việt.

Ra mắt cuốn sách **Hồ Chí Minh trong trái tim văn nghệ sĩ thế giới**, trong Bộ sách **Hồ Chí Minh với văn nghệ sĩ - Văn nghệ sĩ với Hồ Chí Minh**, không chỉ một lần nữa cho thấy một cách sinh động, chân thực và cao đẹp tình cảm, tâm hồn, nhân cách **Hồ Chí Minh** trong bạn bè thế giới, mà cuốn sách còn là nguồn tư liệu cho những độc giả muốn tìm hiểu, ở nhiều góc độ khác nhau về tâm vóc **Hồ Chí Minh**.

Nhà xuất bản Hội Nhà văn chân thành đón nhận những góp ý xây dựng và mong muốn tiếp tục nhận được những trang tư liệu mới của quý độc giả để bổ sung, sửa chữa cho cuốn sách hoàn thiện hơn trong những lần tái bản sau.

Nhà xuất bản Hội Nhà văn

LỜI TỰA

Trên báo Ogoniok (Liên Xô trước đây), số 39, ra ngày 23-12-1923, nhà thơ đồng thời là nhà báo Xô-viết nổi tiếng O.Mandenxtam trong bài “Thăm một chiến sĩ quốc tế cộng sản Nguyễn Ái Quốc” đã tiên cảm phi thường về Chủ tịch Hồ Chí Minh như sau: “Dáng dấp con người đang ngồi trước mặt tôi đây, Nguyễn Ái Quốc, cũng đang toả ra thật lịch thiệp và tế nhị. Từ Nguyễn Ái Quốc đã toả ra một thứ văn hoá, không phải văn hoá Châu Âu, mà có lẽ là một nền văn hoá tương lai”. Với dự cảm đặc biệt của một thi nhân, O.Mandenxtam phát hiện ra sự dồi dào, kết tinh của văn hoá Việt Nam trong con người Việt Nam tiêu biểu nhất và khẳng định Bác là tinh hoa của Việt Nam và cũng là tinh hoa của nhân loại. Nhà thơ viết: “Dân An Nam là một dân tộc giản dị và lịch thiệp. Qua phong thái thanh cao, trầm ấm của Nguyễn Ái Quốc, chúng ta như thấy ngày mai, như thấy sự yên tĩnh mênh mông của tình hữu ái toàn thế giới...”.

Gần một thế kỷ đã trôi qua, thời gian đã chứng minh linh giác đặc biệt sáng suốt của O.Mandenxtam. Đó là một phát hiện thiên tài về một thiên tài. Thời gian ấy Bác đang học tập tại Trường Đại học Phương Đông của Quốc tế Cộng sản tại Matxcova. O.Mandenxtam không viết về Bác với tư cách lãnh tụ tinh thần, người tổ chức và lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Điều đó thế giới đã từng biết qua những hoạt động yêu nước nổi tiếng của Người ở Pháp và trong những ngày đầu đến đất nước của Lênin. Chọn tư cách là đại diện nền văn hoá tương lai, nhà thơ Nga đã nhìn thấy sự bất tử của Người, tiên đoán về những giá trị có tầm nhân loại vĩnh cửu của Bác từ khi Người mới bước sang tuổi ba mươi.

Với một nguồn mạch cảm hứng như vậy, những người đề xuất và được Ban Bí thư ủng hộ việc tổ chức thực hiện bộ sách chuyên đề **“Hồ Chí Minh với Văn nghệ sĩ - Văn nghệ sĩ với Hồ Chí Minh”** mong muốn cung cấp cho bạn đọc rộng rãi, đặc biệt là cho tất cả những ai quan tâm đến việc xây dựng con người, quan tâm đến việc xây dựng nền văn hoá dân tộc, rất Việt Nam mà cũng rất hiện đại, nguồn tư liệu phong phú, sinh động, hệ thống, đa dạng, chọn lọc từ những trước tác quan trọng nhất của Bác về văn học, nghệ thuật và của những văn nghệ sĩ hàng đầu Việt Nam và thế giới viết về Bác. Hình tượng Hồ Chí Minh với ba chủ đề: lãnh tụ thiên tài, nhà văn hoá kiệt xuất, nhà nhân văn vĩ đại được các tác giả từ góc độ văn hoá thể hiện sống động và xuyên suốt bộ sách. Chúng ta bắt gặp ở đây sự kết hợp đẹp đẽ giữa những cái cao cả và bình thường, giản dị mà thanh cao, vĩ đại mà gần gũi, rất Việt Nam mà cũng rất nhân loại. Bức tượng đài ngôn ngữ này làm nổi bật chân dung Hồ Chí Minh, một con người trong tất cả, tất cả trong một con người.

Với những phẩm chất cao quý như vậy, hiển nhiên từ lâu Bác đã là một ngọn nguồn, ngọn nguồn của suy tưởng, của bồi đắp, của dẫn dắt và soi sáng. Và đúng như Tố Hữu đã viết:

Ta bên Người, Người toả sáng trong ta
Ta bỗng lớn ở bên Người một chút.

Bác vĩ đại nhưng không quá tầm với bất cứ ai.

Hôm nay và mai sau, tiếp nhận Hồ Chí Minh là tiếp nhận một sự sống không bao giờ ngơi nghỉ.

Và bây giờ, với thói quen bước vào một ngôi đền thiêng, xin chúng ta hãy lật từng trang sách với lòng chân thành nhất, để được chứng quả lời Phật dạy:

Được đi trên đường chánh
Là Phước Đức lớn nhất.

Hà Nội, 4-5-2010
Nhà thơ Hữu Thỉnh
Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam



Chủ tịch Hồ Chí Minh (1958)

Ảnh: Đinh Đăng Định



ĐIỆN MỪNG CỦA HỒ CHỦ TỊCH

GỬI HỘI NGHỊ NHÀ VĂN Á, PHI HỢP Ở BẮC KINH

Hà Nội, ngày 28-6-1966

Kính gửi Hội nghị nhà văn Á, Phi, Bắc-kinh

Nhân dịp Hội nghị nhà văn Á, Phi họp Hội nghị khẩn cấp để bàn việc ủng hộ cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt-nam, tôi xin gửi tới Hội nghị lời chúc mừng nhiệt liệt.

Hiện nay, đế quốc Mỹ đang điên cuồng mở rộng chiến tranh xâm lược Việt-nam, gây nên nhiều tội ác cực kỳ dã man hòng khuất phục nhân dân Việt-nam chúng tôi. Song nhân dân nước chúng tôi kiên quyết chiến đấu chống giặc Mỹ xâm lược, kiên quyết giành lại độc lập và thống nhất của Tổ quốc mình.

Nhân dân Việt-nam chúng tôi hiểu rằng mình chiến đấu không những để bảo vệ độc lập, tự do của mình mà còn để góp phần bảo vệ an ninh của phe xã hội chủ nghĩa, bảo vệ độc lập của các dân tộc khác và bảo vệ hoà bình thế giới.

Dựa vào sức mình là chính, đồng thời được sự ủng hộ của nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em và các nước Á, Phi cùng nhân dân tiến bộ toàn thế giới, nhân dân Việt-nam chúng tôi nhất định sẽ đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược.

Nhân dịp này, tôi xin chân thành cảm ơn các nhà văn tiến bộ Á, Phi đã tích cực ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của chúng tôi.

Chúc hội nghị thành công tốt đẹp.

HỒ CHÍ MINH

Báo Văn nghệ, trang 1, số 167 ngày 8/7/1966

HỒ CHÍ MINH

LỜI TỰA CHO BẢN DỊCH CUỐN
"TÌNH UỶ BÍ MẬT"
CỦA NHÀ VĂN LIÊN XÔ
PHÊĐÔRÔP⁽¹⁾

Lần này là lần đầu tiên tôi viết bài tựa cho một quyển sách vì quyển sách này ra đúng dịp. Nó ra trong lúc chúng ta đang đẩy mạnh phong trào du kích.

Kinh nghiệm du kích ở Liên Xô, ở Trung Quốc và ở nước ta chứng tỏ rằng: du kích là một lực lượng vô cùng to lớn trong chiến tranh giải phóng dân tộc. Sức du kích thật mạnh thì chiến tranh giải phóng nhất định thắng lợi.

Tổ chức chặt chẽ và rộng khắp, trong vùng địch và xung quanh vùng địch, làng nào, huyện nào, tỉnh nào cũng có du kích, thì nó thành một tấm lưới sắt, một thứ "thiên la, địa võng" mà địch không tài gì thoát ra được. Địch đi đến đâu cũng bị chặn đánh. Địch làm cái gì cũng như điếc, có chân tay cũng như què. Một bộ phận địch thì bị du kích tía dần tía mòn. Bộ phận địch còn sống sót, thì ăn không yên, ở không yên, nghe gió thổi chim kêu cũng hoảng sợ, rồi cũng bị du kích tiêu diệt nốt.

Du kích tổ chức khéo, thì toàn dân gái trai già trẻ, sĩ nông công thương, ai cũng có thể tham gia. Người thì lo đánh giặc, người thì lo tiếp tế, tình báo, liên lạc, tuyên truyền. Mọi người đều có dịp phụng sự Tổ quốc.

Muốn đạt mục đích ấy, cần có mấy điều chính:

- Đoàn thể và Chính phủ phải tăng cường lãnh đạo phong trào du kích.

- Tư tưởng của cán bộ và nhân dân phải thấu suốt: tin tưởng sâu sắc vào chính sách của Đoàn thể và Chính phủ. Tin tưởng sâu sắc vào lực lượng của nhân dân, vào thắng lợi cuối cùng của dân tộc.

- Cán bộ phải đo thật sát với dân, phải làm cho dân tin, dân phục, dân yêu.

- Nhân dân phải nồng nàn yêu nước và sẵn sàng hy sinh cho Tổ quốc, cho hạnh phúc tương lai của giống nòi.

Ta sẵn có nền tảng nhân dân, chỉ cần củng cố thêm. Ta sẵn có cán bộ, chỉ cần đào tạo thêm. Ta sẵn có phong trào du kích, chỉ cần ra sức phát triển thêm. Kinh nghiệm du kích ở Liên Xô sẽ giúp thêm chúng ta, và chúng ta nhất định thành công trong việc đẩy mạnh phong trào du kích.

Báo Nhân dân, số 33, ngày 22-11-1951

(1) Đầu đề trên báo Nhân dân là: Đẩy mạnh phong trào du kích. Những chữ Lời tựa cho bản dịch cuốn "Tình uỷ bí mật" của nhà văn Liên Xô Phêđôrốp in chữ nhỏ trong ngoặc đơn, đặt dưới đầu đề.

D.A-ĐƠ-GU-RƠ

Nghệ sĩ điêu khắc

Viện sĩ viện Hàn lâm nghệ thuật Nga (Liên Xô)

HÌNH TƯỢNG NGƯỜI CHIẾN SĨ VÀ NHÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Những nhà nghiên cứu nghệ thuật tư sản gọi Da-ic A-dơ-gu-rơ là nhà điêu khắc cộng sản; ông không hề khó chịu vì điều đó, thậm chí ngược lại.

- Tôi tự hào rằng người ta đã nhận xét tôi như vậy - D.A-dơ-gu-rơ nói. - Điều đó có nghĩa là cuộc đời của tôi đã không vô ích, là, trong sáng tác, tôi đã thể hiện được các lý tưởng cộng sản về xây dựng lại thế giới, sự nghiệp mà tôi đã cống hiến nhiều năm của cuộc đời mình.

D.A-dơ-gu-rơ là một nhà điêu khắc lão thành người Bê-lô-ru-xi-a, nghệ sĩ nhân dân Liên Xô, viện sĩ chính thức của Viện Hàn lâm nghệ thuật Liên Xô, Anh hùng lao động xã hội chủ nghĩa. Xưởng của ông giống như một viện bảo tàng, ở đó ta có thể thấy nhiều bộ mặt quen thuộc nhưng đồng thời được diễn tả một cách rất mới, nhờ tài năng và nguồn cảm hứng của họa sĩ. Nhà văn, công nhân, nông dân, diễn viên, binh lính, bác học, các nhà hoạt động chính trị - đó là những nhân vật chính của nhà nghệ sĩ; và tuy hình tượng điêu khắc của họ không nói được, nhưng biết bao nhiêu điều thú vị những nhân vật ấy có thể truyền đạt lại cho người xem về thời đại mà mỗi một nhân vật đã sống và làm việc, đấu tranh và sáng tạo.

Sáng tác về Lê-nin - đó là một trong những hướng sáng tác quan trọng nhất của D.A-dơ-gu-rơ.

- Tôi đã hướng về đề tài Lê-nin nhiều lần - nhà điêu khắc nói - Tôi đã sáng tác được mười tượng đài kỷ niệm và hai mươi năm chân dung của lãnh tụ. Trong từng tác phẩm tôi đều cố gắng truyền đạt lại sự sáng suốt vô cùng của Lê-nin, tính nhân ái đặc biệt và tính nguyên tắc của Người. Những đặc tính này tôi cho là quan trọng nhất và tôi đã dùng chúng làm kim chỉ nam cả trong khi thực hiện tác phẩm mới - tượng đài kỷ niệm người sáng lập ra nhà nước Xô-viết sắp sửa được đặt tại thành phố Grôt-nơ của Bê-lô-ru-xi-a.

- Những năm đầu sau chiến tranh, nhân dân Liên Xô tất nhiên sống vô cùng khó khăn. - D.A-dơ-gu-rơ nhớ lại - nhưng chúng tôi luôn luôn tin tưởng vào tương lai, luôn luôn lạc quan. Năm 1945 trên tất cả các châu lục, nhờ ảnh hưởng của chiến thắng chủ nghĩa phát-xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật mà đóng góp chủ yếu vào chiến thắng này là Liên Xô, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế ngày một lớn mạnh. Đứng đầu phong trào này là một loạt những người cộng sản, nhân cách của họ thật là chói lọi và đặc sắc đã làm tôi vô cùng quan tâm. Hình tượng Hồ Chí Minh đối với tôi đã trở thành biểu tượng của phong trào giải phóng dân tộc của các nước châu Á - D.A-dơ-gu-rơ nói tiếp - Con người đã đưa Việt Nam tới chiến thắng bọn thực dân, tới độc lập, mở ra cho đất nước một kỷ nguyên mới đã hấp dẫn tôi bởi sức mạnh của tinh thần và tính nhân ái sâu sắc.

Chân dung điêu khắc đầu tiên của lãnh tụ Cách mạng tháng Tám D.A-dơ-gu-rơ đã hoàn thành vào năm 1947. Đó là một thời kỳ vô cùng khó khăn của cách mạng Việt Nam. Bắt đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, những kẻ không muốn đếm xỉa đến ý nguyện của cả một dân tộc muốn sống tự do và độc lập. Nhưng người nghệ sĩ Bê-lô-ru-xi-a tin vào chiến thắng của sự nghiệp chính nghĩa của Việt Nam và cố gắng truyền đạt lại niềm tin này trong chân dung con người Hồ Chí Minh. Khi mà

đứng đầu một dân tộc vùng lên đấu tranh là một lãnh tụ như vậy thì không thể nào bắt dân tộc đó chịu quỳ gối.

Lần thứ hai nhà điêu khắc hướng về đề tài này là vào năm 1955. Liên Xô và Việt Nam lúc đó đã thiết lập quan hệ ngoại giao. Chiến thắng đã về trên đất nước anh em. D.A-dơ-gu-rơ đã gặp và trò chuyện với những người đã từng ở Việt Nam, đã nhìn thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tác phẩm chân dung Hồ Chí Minh thứ hai của nhà điêu khắc Bê-lô-ru-xi-a có khác với tác phẩm thứ nhất. Thời gian mà vị Chủ tịch đầu tiên của nước Việt Nam độc lập đã trải qua ở núi rừng không trôi đi mà không để lại dấu vết. Bộ râu trở nên dài hơn, các đường nét của khuôn mặt trở lên sắc nhọn hơn, có thêm nhiều nét nhăn. Nhưng cái nhìn của người chiến sĩ và nhà tư tưởng vẫn như xưa. Hồ Chí Minh như đang nói rằng còn rất nhiều thử thách đang chờ đợi đất nước, rằng đồng bào miền Nam còn phải sống dưới ách của chính quyền bù nhìn. Nhưng tuy vậy, nhìn vào bức tượng nửa người của lãnh tụ Cách mạng tháng Tám, tác phẩm của D.A-dơ-gu-rơ, ta tin rằng cả Việt Nam nhất định sẽ trở thành một đất nước tự do và thống nhất.

Cũng lúc đó, nhà điêu khắc thể hiện cho chúng ta thấy một nhà lãnh đạo thực sự nhân dân, xuất thân từ tận cội nguồn sâu thẳm của Người - đó là phương thức sống. Không phải ngẫu nhiên mà đối với mọi người Việt Nam, Người đã và vẫn đang là Bác Hồ, điều đó không chỉ nói lên (như sau đó Côn-xtan-tin Si-mô-nốp đã viết) rằng “Người được người người yêu mến” mà còn nói lên rằng: “Người thật là dễ hiểu đối với mọi người, tâm hồn của Người, nỗi buồn của Người, niềm vui của Người, hy vọng của Người đều hòa chung với toàn dân tộc”.

- Hồ Chí Minh là một nhà cách mạng thuộc trường phái Lênin - D.A-dơ-gu-rơ nói - khi sáng tạo hình tượng của Người, tôi nhớ lại câu nói của Mác và Ăng-ghe-n về bóng ma của chủ nghĩa cộng sản đang lang thang ở châu Âu. Câu này đã được nói vào giữa thế kỷ trước, và tôi nghĩ rằng: hôm nay chủ nghĩa cộng sản

không còn là bóng ma nữa mà đã là một sức mạnh chính trị vĩ đại, có ảnh hưởng to lớn đến tình hình không những chỉ ở châu Âu, mà cả ở châu Á, ở trên toàn thế giới. Và một trong những chứng minh cho điều này là sự ra đời của nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á.

Bên cạnh bức tượng nửa người của Hồ Chí Minh là tượng của những nhà cách mạng xuất sắc khác. Chân dung của lãnh tụ Cách mạng tháng Tám ở đó chiếm một vị trí trang trọng và nổi bật. Nó tương xứng với vị trí mà chính Hồ Chí Minh đã đóng góp cho lịch sử đấu tranh của các dân tộc vì độc lập và tiến bộ xã hội.

E.LENG (Liên Xô)

Bài viết riêng cho báo *Văn nghệ*

TRẦN CAO dịch báo *Văn nghệ*

- *Hình tượng người chiến sĩ và nhà tư tưởng HCM*

Số 1124 (18/5/85) trang 3

TRABANI AKHOMÉT
Angiêri

HỒ CHÍ MINH

Hồ Chí Minh!

Hồ Chí Minh!

Tên của Người đồng nghĩa với danh từ
chống chủ nghĩa đế quốc

Tên của Người cao hơn máy bay

Tên của Người cao hơn đại bác

Tiếng nói của Người dội vang đất nước

Kêu gọi nhân dân cầm vũ khí tiến lên

Phụ nữ, thanh niên

Được vũ trang bằng lý tưởng của Người

Thét lên hai tiếng "Tự do"
Và khắp nơi đều đứng dậy
Mỗi khi thời cơ đến
Dù kẻ thù hùng mạnh đến đâu
Cũng phải rời vũ khí
Dù kẻ thù tàn bạo đến đâu
Cũng phải chịu quy hàng
Tinh thần của Việt Nam
Đã vượt qua biên giới Đông Dương
Thức tỉnh niềm tin của hàng triệu trái tim
Khắp nơi, trên con đường tranh đấu
Những kẻ đói nghèo
Cũng cất tiếng hát lên bài ca chiến thắng
Bài ca mãi mãi ngân vang
Với cái tên yêu dấu của Người
Hồ Chí Minh!
Hồ Chí Minh!

HUỲNH HUY PHƯƠNG dịch
(*Hồ Chí Minh – Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn, 2005*)

HOLO ANDRAS
Hunggari

HỒ CHÍ MINH, NHÀ THƠ

Thửa ấy trong giấc mơ của Người
Những con trâu chân dính đầy bùn
đau đời vòng hoa
đi lang thang khắp ngả
Những chiếc thuyền chở đầy sách và hoa
lặng lẽ chìm xuống sông như hòn sỏi
Những con người mặc quần áo khói
Cố bò lên trong các hố sâu
Trên những ngôi sao
Đĩa bám vào vật vương
Và biển cong người như con chó
Cố chồm lên khỏi bờ
Những con chim trụi lông, trong mỏ
Ngậm dao xương đậu trên các ngôi chùa
Những bức thành xưa
Không chịu được sương rơi

Những tượng phật mắt buồn rười rượi
mình quán lá cây
trong sương mù run rẩy
Những người dân chài
Biến thành con chuồn chuồn trên biển
Lượn quanh mấy chiếc thuyền không,
Những con hoẵng mù, ướt lông
Đến nhà Người gõ cửa.
Trong trường học dưới hầm sâu, bông lúa
Cháy bùng lên làm những bóng đèn.
Hết thấy mọi cuội nguồn Người đã đặt tên
Người lặng lẽ vượt lên từng phiến đá
Rời với chiếc gậy bao năm ròng rắt vả
Người gõ lên mặt đất gọi lời thường,
Hơi thở của Người không lấy ngang tầm mắt
Mà lấy từ ngọn cỏ, giọt sương.

TRƯƠNG ĐĂNG DUNG dịch
(Văn Nghệ Quân đội
Số 5, tháng 5/1989)

DEVIT ANSON
Mêxhicô

HỒ CHÍ MINH

Hồ Chí Minh!
Thế giới ca ngợi Người
Vị anh hùng dân tộc của Việt Nam chiến đấu
Người Cha của chiến tranh nhân dân
Trong thế kỷ hai mươi này
Chúng tôi những người du kích

Ở châu Mỹ la tinh
Trong rừng sâu
Nghe tiếng bước chân Người
Những bước chân dẫn đầu cuộc chiến tranh
giải phóng

Người luôn bên cạnh chúng tôi
Vì tinh thần của Người vẫn còn mãi mãi
Sẽ chiếu sáng
Con đường của chúng tôi đi
Hồ Chí Minh - Việt Nam!
Hồ Chí Minh - Việt Nam!
Người mãi mãi sống trong trái tim
Của những người lao động
Của thanh niên khắp cả trái đất này.

NGUYỄN HOÀNG dịch
Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

PAVEN ANTOKONXKI
Nga (Liên Xô)

BỨC TƯỢNG ĐỒNG TRONG RỪNG SÂU

Một lần kia tôi đến chơi nhà hai vợ chồng họa sĩ ở Hà Nội. Chồng, Phạm Văn Đôn - vợ, Nguyễn Thị Kim, cả hai đều có huân chương chiến công, và đều là chiến sĩ trong cuộc kháng chiến, tham gia quân đội nhân dân Việt Nam. Anh là họa sĩ, chị là nhà nặn tượng. Tôi chú ý đến một tác phẩm của Nguyễn Thị Kim. Bức tượng lớn nửa người bằng đồng này có một tiểu sử.

Trong những năm kháng chiến, bức tượng được chôn giấu cẩn thận ở một nơi trong rừng. Người ta bảo vệ nó như bảo vệ quân trang quân dụng, máy móc in và những khuôn chữ in bí mật. Sau chiến thắng của nhân dân, người ta đào bức tượng lên, trông ra bức tượng lại già hơn người được tạc. Bức tượng này tạc hình Chủ tịch nước Việt Nam, đồng chí Hồ Chí Minh.

Chị du kích Nguyễn Thị Kim
đem vào rừng giấu kíp
Bức tượng bằng đồng. Và chị tưởng như

Dưới lòng đất sâu giống Phật Thích Ca
Bức tượng đỏ ngăm lóe lên bao dấu vết

Có thể là dấu vết ngày máu lửa
Có thể là dấu vết đường đạn xuyên
Hay đó chẳng qua từ buổi thiên niên
Tâm mắt đã hút thu vào tất cả!

Khi Người nhìn thấy dưới tàu buôn Pháp
 Những cái tát kinh hoàng
 nẩy đom đóm trên boong
 Khi anh bồi gầy gò đêm đêm không chợp mắt
 Để nhận đồng lương thảm hại mười phơ-răng

Trên đập chẵn như lưng ngư long bóng nhảy
Người chăm chăm nhìn, trống trải cảnh Ha-vơ

Nhìn vào mưa, vào đêm tối mịt mờ
Vào cuộc sống chưa quen, vào ngày mai chưa thấy

Khi lần đầu tiên Người đặt bước tới Pari
Làm gì đây? Người băn khoăn lo tính
Người là ai? Là công nhân sửa ảnh
Hay chiến sĩ một giống nòi châu Á xa xưa

Khi lần đầu tiên Người tìm ra trong các sách
"Chủ nghĩa xã hội", "Tất thắng",
những khẩu hiệu vang ngân
Người thấy đây rồi mạch nguồn trong vắt
Và hiểu ra rằng, phải lên án cả ngàn năm

Khi... bao chuyện hiện về trong ký ức
Năm Hăm tư (1924), giữa bão tuyết nước Nga

Khi biết rằng ngày hôm qua Lênin vừa mất
Người khóc thương... Và ở tận góc trời xa...
Ở tận góc trời Nam kia...

Con đường càng hiểm hóc
Bọn chó săn Hồng Kông
gọi Người là do thám Mátxcova
Chúng truy lùng, gài thét, sục tìm ra:
Người bị bắt, bị xiềng, bị khảo tra tàn khốc

Nhưng mít-stơ X. hay me-xù Y-gơ-réc
Còn chưa làm sao giữ nổi được môi
Cũng có thể, trong lũ về nước xiết
Mảnh thuyền con đã chìm chìm mất rồi

Hãy nổi lên, cũng có thể. Hãy nhìn kìa
Hãy hy vọng, hãy chờ... rồi sớm muộn
Một hành khất người Xiêm, một vị sư thâm lặng
Thoáng hiện giữa đám người rồi vụt biến đi

Người tá điền, anh bồi bếp, bác phu xe
Na ná giống người trong Sài Gòn đêm tối
Và con đường. Vẫn chông gai chần lỏi
Còn truy lùng mỗi lúc rượt theo kẻ

Ngày đêm, mắt tóa lửa, bọn chó săn
Sục sạo tìm long vó nát bàn chân
Giữa khi đó, Người bị bắt,
bị xiềng, bị đem tra khảo
Con người vô danh kia con người bất tử

Khi trong tù bị xích chặt tay chân
Người hỏi xin bọn lính canh ngụm nước
Thất vọng: bần lòng. Hãy ngủ đi, mơ ước!
Mái tóc trên thái dương bạc trước thời gian

Nhưng nước sẫm đen trên những ruộng đồng
Đầy hố bom và hơi ngạt oi nồng
Nhắc con người luôn nhớ rằng trái đất
Là một tinh cầu chứ không là gì khác

Nhắc rằng trái đất đang cơn bão tố
Rằng tương lai đã đến gần cảnh đó
Và Người đã tìm ra đồng chí của mình
Cùng đội quân nhỏ bé ấy, xông lên

Rồi đến một ngày, trăm ngàn cánh tay vươn tới
Vây quanh Người dưới bệ lễ đài
Hồ Chí Minh - Người hẳn nhìn thấy chị
Mái tóc bồ câu, Người trẻ lại, vui tươi

Chị nhớ lại ngày với lưỡi dao nghệ sĩ
Chị đã lướt qua vàng trán làn da
Chị gọi Người bằng tiếng "Cha" thân ái
Và bức tượng đồng đáp lại tiếng ngân nga,...

Và tưởng như chính Người đang khích lệ
Người nữ cán bộ nằm vùng
và người lính trung kiên
Chị cúi xuống hôn bức tượng đồng yêu quý
Mà tay chị ngày nào kính cẩn tạc lên!

1959

THÚY TOÀN dịch

Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

MUNIA XAMXUN ASA
Indônêxia

GỬI BÁC HỒ CHÍ MINH

*Viết nhân dịp Hồ Chủ tịch
qua thăm Indônêxia năm 1960*

Chúng cháu chào mừng Bác, Bác Hồ!
Mặc dầu chúng cháu luôn luôn gặp Bác
Bác có phải là câu chuyện của rừng sâu
và những bông hoa thơm ngát
Mỗi nụ con rưng xuống là nghìn nghị lực thêm vào
Cho những bông hoa đang nở đó sao?

Phải chăng có lần ở nước Bác
mặt trời không chịu lặn
Và buổi chiều không có hoàng hôn:
Cho cả lớp người, đường mới mở thênh thang?

A, chúng cháu cũng có câu chuyện
mặt trời và rừng sâu
Đã ôm hôn và che giấu những xác người bị giết
Nói lại những sợi dây lịch sử từng bị đứt
Với mồ hôi và với tình yêu.

Và chúng cháu là những con người còn đứng thẳng
Chúng cháu cũng vừa từ đám bùn ra
Sức mạnh ở bên phải, lòng hy vọng ở bên tay trái
Mở con đường cho cái mới đi xa.

Một người bạn ngày hôm nay ghé qua
Với trái tim hồi hộp ghi lại những dòng kỷ niệm
Và tia máu để vọt ra nguồn lý tưởng
Cùng một lòng tin, cùng những ước mơ

Chúng cháu từ biệt Bác
Tuy Bác và chúng cháu chẳng bao giờ cách xa.

TÊ HANH dich

Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

XECGIO ATANE

Pháp

KÍNH TẶNG BÁC HỒ

Khi con đọc thơ Bác
Bác Hồ ơi
Những bài thơ *Nhật ký trong tù*
Cắm những lưỡi gươm sắc
Vào tim gan để quốc
Khi con nhìn ảnh Bác
Ảnh cụ già trầm tĩnh khiêm cung
Chòm râu như luôn sẵn nở nụ cười

Và khuôn mặt đậm tình nhân ái
Con tự nhủ sẽ sung sướng biết bao
Được tập hợp đứng sau lưng Bác

Dưới ngọn cờ chủ nghĩa xã hội quang vinh
Và con mới hiểu vì sao
Dưới bầu trời bị máy bay Mỹ xé rách
Trên mặt đất đầy hố sâu đại bác
Con mới hiểu vì sao
Khi tiếng còi báo động đêm toạc trời cao
Khi sự thù hận bắn vào em nhỏ
Con mới hiểu vì sao
Cả một dân tộc yêu Người
Vì sao mỗi con đường bị phá
Tức khắc ba con đường khác mọc lên thay
Vì sao người chiến sĩ hy sinh trong tiếng hát
Vì sao một chiếc cầu bị sập
Tức khắc ba chiếc cầu khác được bắc lên ngay
Vì sao cây lúa vẫn lại mọc lên xanh
mặc cho chất độc
Và vì sao người ta có thể ngã xuống
Với một tiếng hát nằm trong lỗ đạn trong tim.

NGUYỄN VIỆT LÃM dịch

Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005



Chủ tịch Hồ Chí Minh chụp ảnh lưu niệm
với đoàn xiếc Mông Cổ sang thăm và biểu diễn tại Việt Nam (3/1962)

- Ảnh: Đinh Đăng Định

HENRI BARBUSSE

Nhà văn Pháp

HĂNGRI BÁCBUÝT

Trong số bạn quốc tế của Bác Hồ, nhà văn, nhà thơ, nhà báo chiếm một tỉ lệ khá cao. Pháp có Raymông Lơphêvrơ, Pôn Vayăng Cutuyriê, Gaxtoong Môngmutxô, Catxem Xembát, Rômanh Rôlăng, Sác Lôngghê, Gioocđơ Piôơ, Hanrinê, Côtét, Rapôpo... Liên Xô có I.Erenbua, O.Mandetxtan, Ý có Giôvanni Giécmanettô, Nhật có: Kiôsi Cômatxư, Trung Quốc có Lý Đại Chiêu, Cù Thu Bạch... Trong số này Hăngri Bắcbuýt, nhà văn nổi tiếng thế giới, là một trong những người bạn Pháp gần gũi nhất của Bác.

Sinh trưởng trong một gia đình trí thức có truyền thống văn học, Hăngri Bắcbuýt tốt nghiệp khoa văn trường Đại học Xooobon. Năm 22 tuổi ông đã nổi tiếng với tập thơ *Những người đàn bà than khóc* (1895) và tiểu thuyết *Địa ngục*. Nhưng cả hai tác phẩm này đều nhuộm nặng chủ nghĩa bi quan. Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ, mặc dù đã 41 tuổi, lại gầy yếu, Bắcbuýt vẫn tình nguyện xung phong ra mặt trận. Gần hai năm sống giữa chiến hào, nếm trải vô vàn cay đắng và gian khổ, ghi nhận biết bao lời tâm sự phẫn uất của những công nhân, nông dân, trí thức buộc phải mặc áo lính, chứng kiến những cái chết vô lý của đồng đội, ông nhận ra mình đã bị lừa. Chẳng phải là ông và đồng đội của ông “chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ công lý” như bộ máy tuyên truyền của giai cấp tư sản ra rả kêu gọi, mà chỉ để bảo vệ túi tiền của bọn tư sản. Thực chất của cuộc

chiến tranh này là sự chia sẻ lại thị trường giữa bọn đế quốc, tư bản cá mập. Giác ngộ và đầy căm phẫn, Hăngri Bắcbuyét viết cuốn tiểu thuyết *Lửa* (Le feu, 1916) và cho đăng dài ngày trên một tờ báo Paris mà nhiều người lúc đó, trong đó có Vayăng Cutuyriê, Lốphevơ, Giắc Đuyclô, Nguyễn Ái Quốc... say sưa tìm đọc. Cuốn tiểu thuyết này đã miêu tả một cách sinh động đời sống, tâm trí những người lính ngoài mặt trận. Qua các nhân vật của mình, Bắcbuyét đã đưa ra những kết luận vô cùng quan trọng, có ý nghĩa thức tỉnh cả một thế hệ thanh niên Pháp và thế giới: “Không thể thoát khỏi chiến tranh bằng cách thụ động buông súng xuống...Chỉ có thể thủ tiêu chiến tranh bằng cách quay súng lại, bắn vào giai cấp tư sản thống trị của chính nước mình”.

Sau cuốn *Lửa*, ông còn cho ra đời cuốn *Ánh sáng* (Clarté, 1919) mà Lênin từng đánh giá cao. Người viết: “Một trong những thí dụ rõ ràng có tính khẳng định về hiện tượng giác ngộ cách mạng của quần chúng đã được thể hiện trong những cuốn tiểu thuyết của Bắcbuyét là *Lửa* (Le feu) và *Ánh sáng* (Clarté).

Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại đã ảnh hưởng quyết định đến tư tưởng và sáng tác của Bắcbuyét. Ông đã tích cực lên tiếng bảo vệ cuộc cách mạng Nga và nhà nước công nông đầu tiên trên thế giới. Hội các nhà văn quốc tế “Clarté” do ông thành lập năm 1919 đã đóng một vai trò quan trọng trong việc đoàn kết các nhà trí thức châu Âu và thế giới, có xu hướng tiến bộ, đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, vì sự công bằng của xã hội. Không khí sục sôi cách mạng đã đem lại nguồn cảm hứng cho sự sáng tác của nhà văn. Ông cho ra đời cuốn sách mới *Lời người chiến sĩ* (1920) với nội dung kêu gọi lật đổ chế độ tư bản.

Chính do ảnh hưởng của tư tưởng Bắcbuyét mà những thanh niên hăng hái như Vayăng Cutuyriê và Lốphevơ đã đứng ra thành lập hội chiến binh Pháp, một tổ chức tiên bộ, tập hợp những người lính chống chiến tranh ở nước Pháp.

Bácbuýt đã nhiều lần sang thăm đất nước Xô Viết trẻ tuổi. Trong cuốn *Dao ngậm miệng* (1921) ông viết: “Sự xuất hiện nước Nga Xô Viết là hiện tượng to lớn nhất, đẹp đẽ nhất trong lịch sử thế giới. Cuộc cách mạng này đã đưa nhân loại bước vào giai đoạn phát triển mới”.

Chính trong những năm tháng sôi sục cách mạng và đầy biến động này, Pôn Vayăng Cutuyriê đã giới thiệu Nguyễn Ái Quốc với Hăngri Bácbuýt. Người thanh niên châu Á với đôi mắt sáng, vầng trán cao, thái độ lịch thiệp và sự hiểu biết sâu rộng trong nhiều lĩnh vực đã nhanh chóng chiếm được cảm tình của nhà văn. Hăngri Bácbuýt đã nhiều lần trò chuyện với Nguyễn Ái Quốc, nghe Nguyễn kể về đời sống, nỗi thống khổ của nhân dân các nước thuộc địa, về tội ác của bọn thực dân, điều mà Hăngri Bácbuýt và nhân dân Pháp trước đó, do chính sách lừa bịp của chính phủ Pháp, chưa hề biết đến.

Thời kỳ này, với sự hướng dẫn và giúp đỡ của Môngmutxô, nhà hoạt động công đoàn nổi tiếng, và Lôngghê, nhà báo, cháu ngoại của Các Mác, Nguyễn bắt đầu viết những bài báo vạch trần những bản chất xấu xa, ghê tởm của chủ nghĩa thực dân. Những bài báo sắc sảo của Nguyễn như những làn roi quất thẳng vào mặt những tên thực dân, những kẻ vẫn tự xưng là đem nền văn minh đi khai hóa các miền thuộc địa lạc hậu, bảo hộ những người dân bản xứ hèn mọn và đáng thương. Bácbuýt đã không ngừng động viên Nguyễn dũng cảm bước tiếp trên con đường của nhà báo cách mạng. Sau này khi Hội liên hiệp thuộc địa do Nguyễn tham gia sáng lập, quyết định ra tờ báo *Người cùng khổ* (Le Paria), Nguyễn đã mời Hăngri Bácbuýt đứng ra đỡ đầu cho tờ báo. Biết những người làm báo *Người cùng khổ* trong bước đầu hoạt động gặp nhiều khó khăn về trụ sở và tài chính, Bácbuýt quyết định nhường một phần trụ sở của Hội “Clarté” tại nhà số 16, phố Giaccơ Calô để Nguyễn dùng làm toà soạn. Phải nói rằng số báo *Người cùng khổ* đầu tiên ra mắt bạn đọc ngày

1 tháng 4 năm 1922, có phần đóng góp quý báu của Hăngri Bắcbuyt. Bảy tháng sau, khi sự hoạt động của *Người cùng khổ* đã đi vào nề nếp, mặt tài chính đã đỡ khó khăn hơn, Nguyễn mới quyết định ra “ở riêng” tại một cái kho chật hẹp nằm trong phố Macxêđê Patriacso tại quận 5 của Paris.

Năm 1923, sau biết bao trăn trở đắn đo, nhà văn 50 tuổi đời ấy quyết định xin gia nhập Đảng Cộng sản Pháp. Ông muốn mình phải đứng vào hàng ngũ những người đi đầu trong cuộc đấu tranh vì tự do, hạnh phúc và công bằng của xã hội. Lúc này những người bạn trẻ của ông như Vayăng Cutuyriê, Nguyễn Ái Quốc, Pêri đều là những đảng viên cộng sản. Họ sung sướng và tự hào khi được tin nhà văn nổi tiếng ấy có mặt trong đội ngũ của họ. Việc Bắcbuyt gia nhập Đảng đã có tác động tốt đẹp, khuyến khích cả một lớp trí thức tiến bộ đến với Đảng.

Sau sự kiện quan trọng này của đời ông, như được Đảng tiếp thêm nguồn nghị lực và cảm hứng, Bắcbuyt liên tiếp cho ra đời một loạt các tác phẩm nổi tiếng.

1925: Tác phẩm *Xiềng xích* mô tả lịch sử thế giới như một chuỗi dài những nỗi thống khổ của nhân dân và cuộc đấu tranh của họ giành tự do và công lý.

1926: Cuốn *Những tên đao phủ* vạch trần sự khủng bố trắng mà bọn phản động đang tiến hành tại các nước khu vực Bancăng.

1928: Cuốn *Biến cố* ca ngợi công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô.

1932: *Dola*, một tác phẩm mang tính chất tuyên ngôn của Bắcbuyt về những quan niệm thẩm mỹ, về chủ nghĩa hiện thực trong văn học...

Những năm tháng này sự hoạt động xã hội đã chiếm nhiều thời gian của Bắcbuyt. Ông đã chủ trì Đại hội thế giới chống chiến tranh tổ chức ở Amxtécđam năm 1932.

Sau đó ông được cử làm người đứng đầu Ủy ban Quốc tế đấu tranh chống chiến tranh và chủ nghĩa phát xít. Ông đem hết nhiệt tình chuẩn bị cho Đại hội thanh niên quốc tế được tổ chức tại Paris năm 1933 và Đại hội Quốc tế các nhà văn bảo vệ văn hóa cũng được tổ chức tại nước Pháp năm 1935.

Năm 1927 khi Bácbuýt được mời sang Liên Xô tham dự Đại hội những người bạn của Liên Xô, tổ chức tại Matxcova, thì Nguyễn Ái Quốc cũng vừa thoát khỏi vòng vây truy lùng của bọn phản động Quốc dân Đảng Trung Quốc, vượt sa mạc Gôbi, trở lại Liên Xô. Khởi phải nói tới những giây phút sung sướng và cảm động khi hai người bạn thân gặp lại nhau sau mấy năm xa cách! Còn chuyến đi thăm Liên Xô năm 1935 của Bácbuýt lại diễn ra vào đúng thời điểm Nguyễn có mặt ở Matxcova để tham dự Đại hội lần thứ 7 của Quốc tế Cộng sản. Khoảng thời gian giữa hai cuộc gặp mặt ấy là những năm tháng hoạt động bí mật đầy nguy hiểm của Nguyễn Ái Quốc trải ra trên một địa bàn rộng lớn từ Đức, Pháp, Ý tới Thái Lan, Singapor, Hồng Kông và lục địa Trung Quốc. Giữa khoảng thời gian đó là sự ra đời của Đảng Cộng sản Đông Dương mà Nguyễn Ái Quốc là người tham gia sáng lập. Và cũng giữa khoảng thời gian ấy là hai năm tù đầy của Nguyễn ở nhà lao của đế quốc Anh tại Hương Cảng. Hăngri Bácbuýt cùng nhiều trí thức nổi tiếng của Pháp trong những năm tháng ấy đã từng lên tiếng bảo vệ Nguyễn Ái Quốc và những người cộng sản, những người yêu nước Việt Nam bị xiềng xích trong các nhà tù. Đã có lúc Hăngri bácbuýt và những bạn bè của Nguyễn tưởng không bao giờ được gặp lại anh, bởi anh đã bị chết bởi bệnh lao trong nhà tù Hương Cảng - như tin tức mà bọn mật thám Pháp tung ra. Nhưng bất chấp mọi mong muốn ấy của kẻ thù, Nguyễn vẫn sống và hoạt động! Năm 1932 khi gặp Nguyễn ở Thượng Hải, Vayăng Cutuyriê đã phải kêu lên:

- Trời, anh Nguyễn, anh vẫn còn sống đấy ư? Người ta đã chôn cất anh rồi cơ mà! Rõ ràng là anh sẽ sống lâu đấy, nếu tin vào câu tục ngữ của nhân dân Pháp!

Quả như thế. Sau cuộc gặp gỡ ấy, Nguyễn Ái Quốc còn sống rất lâu. Người ra đi trước, đau đớn thay, lại là những người bạn thân của anh: Hăngri Bắcbuyt và Vayăng Cutuyriê!

Bắcbuyt mất ở Matxcova đêm 30 tháng 8 năm 1935. Trong chuyến thăm Liên Xô lần ấy ông có ý định thu thập thêm tài liệu để viết nốt cuốn sách về cuộc đời của Lênin vĩ đại. Nhưng ông bị ốm, lên cơn sốt đột ngột. Vốn đã yếu lại mắc bệnh lao phổi và bệnh tim, cơ thể ông không chịu nổi cơn bệnh hiểm nghèo, mặc dù các thầy thuốc Liên Xô tận tình cứu chữa. Lòng vô cùng đau xót, Nguyễn Ái Quốc tới viếng thi hài người bạn Pháp thân thiết, quản tại Viện Âm nhạc Matxcova. Anh nhìn lần cuối cùng gương mặt gầy guộc của Bắcbuyt: mớ tóc màu hạt dẻ xõa xuống trên vầng trán rộng. Đôi mắt đã nhắm nghiền và vành môi cương nghị dưới bộ ria mép đã bắt đầu điểm bạc. Bắcbuyt nằm đó giản dị như một người thợ già vừa thiếp đi sau những giờ lao động miệt mài.

Nguyễn còn dự lễ tiễn đưa thi hài của Bắcbuyt về Paris. Anh đứng lặng trên sân ga Matxcova nhìn theo con tàu cho đến khi chiếc toa cuối cùng chỉ còn là chấm nhỏ mờ nhạt trong sương...

BATUNGA

Mông Cổ

CHÚC BÁC HỒ SỐNG MÃI

Nghị lực soi âm lòng thời đại
Người đã cùng với Đảng sinh đôi
Hồ Chí Minh tóc bạc sống đời đời
Niềm vinh quang của nước Việt Nam tráng lệ

Sắc đẹp hoa sen cùng với nhân dân
Càng tươi thắm qua trăm ngàn thế hệ

Ánh mặt trời chiếu trên sông hùng vĩ
Song song với lá cờ của Đảng đỏ tươi
Chúc nhiều vinh quang trong kiến thiết ngày mai
Chúc tuổi thanh xuân thu thêm nhiều hoa trái

Cháu, một nhà văn từ Mông Cổ xa xôi
Chúc Bác Hồ kính yêu đời đời sống mãi.

T.Đ. phỏng dịch
(*Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ*
Báo Văn nghệ số 96 thứ Sáu - 27/5/1960
Chúc Bác Hồ sống mãi - trang 4)

LINCON BECMAN

Mỹ

NGƯỜI ĐI GIỮA CHÚNG TÔI

Người là Bác, đồng chí, người thầy
Người đi giữa chúng tôi
Lãnh tụ của Cách mạng
Giành lại chính quyền cho nhân dân
Đau thương ban đầu
Chúng tôi đã vượt qua
Vì tất cả những gì Người đã làm
Vì tất cả những gì chúng tôi còn phải làm
Trên những dãy núi nhấp nhô trùng điệp
Ngọn lửa cách mạng đang mọc cao
Người cùng chúng tôi
Gặt mùa Chiến thắng.

Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

I. BELARUXÉT
Nhà thơ Nga

GẶP HỒ CHỦ TỊCH

Dịp may ấy tới vào trung tuần tháng 7 năm 1961. Một ngày trước khi lên đường về nước, chúng tôi được tới thăm Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đúng 7 giờ sáng ngày 17 tháng 7, cùng với vị đại diện Bộ Văn hoá và đồng chí phiên dịch, chúng tôi đến Chủ tịch phủ ở quảng trường Ba Đình.

Trời mưa, nhưng căn phòng xinh xắn có chiếc bàn nhỏ phủ khăn trắng với bộ ấm chén cà phê và đĩa chuối vẫn ấm cúng và lịch sự. Hồ Chủ tịch xuất hiện bất ngờ, Người từ sân bước vào nhà, đặt chiếc ô ướt sũng, chào hỏi; Người thăm hỏi sức khoẻ chúng tôi trước tiên (đó là thói quen của người Việt Nam). Chúng tôi hỏi thăm sức khoẻ của Người, Người trả lời: “Tôi hút thuốc nhiều đồng chí ạ. Đó là thói quen không tốt mà tới nay tôi vẫn chưa bỏ được”.

Dáng người tầm thước, xương xương, lanh lẹn với bộ râu điển hình và đôi mắt hết sức dịu hiền, Người giống các cụ già ở nông thôn Việt Nam. Người mặc bộ đồ trắng, chân đi dép cao su, Người nói chuyện ngay với chúng tôi bằng tiếng Nga. Cảm thấy sự ngạc nhiên của chúng tôi, Người cất tiếng hỏi: “Chẳng lẽ ở bên chúng tôi hai năm rồi đồng chí không biết tiếng Việt ư? Sao lại thế nhỉ? Tôi đến đất nước các đồng chí chỉ một tháng sau thôi đã bập bẹ nói tiếng Nga rồi đấy...”. Người ta thường kể lại về khả năng tiếp thu ngôn ngữ đáng ngạc nhiên của Bác Hồ. Người

thông thạo một vài thứ tiếng ở châu Âu (nhất là tiếng Pháp) và các thứ tiếng địa phương ở nước mình (những thứ tiếng ấy ở Việt Nam không ít). Tôi thăm tỉnh nào Người cũng có thể nói được tiếng địa phương của tỉnh ấy.

Người ta cũng viết và nói nhiều về tấm lòng của tầng lớp thanh thiếu nhi đối với Bác Hồ. Nhiều lần chính mắt tôi đã được thấy cảnh tượng các em thiếu nhi vòng trong vòng ngoài vây quanh Bác Hồ sau những buổi mít tinh. Trong số những em thiếu nhi ấy có cả con em những chuyên gia nước ngoài làm việc ở Việt Nam. Đối với tất cả các em nhỏ ấy bao giờ Người cũng âu yếm, dịu hiền. Tôi hết sức cẩn thận, gìn giữ tấm ảnh chụp con gái nhỏ Ông-a của tôi được bắt tay Bác Hồ. Ở mặt sau tấm ảnh còn rõ nét dòng chữ của Người.

Ngày 1 tháng 6 - Ngày thiếu nhi quốc tế - ở Hà Nội thật là vui. Bác Hồ dành cả một ngày ấy cho các em. Người đích thân tới các nơi tổ chức vui chơi trong thành phố tặng các em kẹo bánh, đồ chơi và kể chuyện cho các em nghe. Đâu đâu Bác Hồ cũng là vị khách quý của các em.

Xin trở lại câu chuyện của chúng tôi. Chúng tôi nói tới công việc của các nhạc sĩ sáng tác Việt Nam. Hồ Chủ tịch nhận xét: “Không dám nói trình độ am hiểu âm nhạc của chúng tôi tới mức nào, song có điều là chúng tôi rất thích âm nhạc đồng chí ạ”. Khi nghe tôi biểu dương tinh thần hăng say lao động và thành tích của các bạn Việt Nam, Hồ Chủ tịch mỉm cười và hỏi:

“Đồng chí không khen quá lời chứ? Rồi Người nói tiếp - Dù sao các đồng chí ấy cũng lao động cho mình. Nhiều đồng chí chúng tôi không được học hành gì cả. Biết làm thế nào được, chúng tôi phải chiến đấu liên miên”.

Khi biết nhà tôi xuất thân từ nông thôn, Hồ Chủ tịch hỏi han căn cứ tình hình nông nghiệp, mùa màng ở quê nhà tôi. Câu chuyện hết sức tự nhiên, giản dị, thân mật hết như người chủ mến khách nói chuyện với những người quen biết từ lâu.

Nhân dân Việt Nam vô cùng kính yêu Hồ Chủ tịch. Đó là tấm lòng của nhân dân chứ không phải là sự thần thánh hoá hay tán dương. Hồ Chủ tịch rất ghét những lời tán dương hay sự chú ý tới mình quá mức. Chẳng hạn, nhân kỷ niệm 70 năm ngày sinh của Người, các đồng chí báo cáo với Người rằng, nhân ngày này địa phương đang có kế hoạch mắc điện và hệ thống loa truyền thanh ở làng Kim Liên, quê Người.

- Sao? Thế ở vùng ấy chỉ còn một làng chưa có điện thôi à?

Khi mọi người báo cáo rằng hiện giờ cả vùng ấy chưa có điện, Người liền trả lời ngay.

- Thôi hẵng để đấy đã. Chờ khi nào các địa phương khác có điện thì làng Kim Liên cũng có chứ sao.

Tôi nhớ lại câu chuyện được nghe kể lại: Những ngày sau cách mạng, ảnh hưởng của nạn đói vẫn còn. Một hôm có họa sĩ nọ đến thăm Hồ Chủ tịch, kêu ca với Người rằng, người ta cuốc hết vườn hoa đi để trồng màu làm mất vẻ mỹ quan, kiêu hãnh của Hà Nội. Bác Hồ xin lỗi họa sĩ nọ bước ra khỏi phòng rồi ngay sau đó trở lại tay bưng hai đĩa: một đĩa bánh sắn và một đĩa hoa. Trong lúc nói chuyện, nhà họa sĩ kia đói bụng, ăn hết cả đĩa bánh sắn. Hồ Chủ tịch hỏi sao nhà họa sĩ không ăn hoa thì anh ta lúng túng chẳng biết trả lời ra sao. Bằng những dẫn chứng cụ thể, sinh động, bao giờ Hồ Chủ tịch cũng biết cách làm cho đối tượng nói chuyện với mình nhận thức vấn đề một cách dễ dàng.

Trước chiến dịch Điện Biên Phủ vĩ đại, Người nói chuyện với các đơn vị bộ đội, nội dung câu chuyện ấy có thể gói ghém như sau: “Hiện nay sắp bước vào thời điểm quyết định. Nếu ta chặt đầu gà trước mắt khi, tất con khi kia phải ù té mà chạy. Dù thế nào chúng ta cũng phải tiêu diệt cho bằng được tập đoàn cứ điểm trọng yếu cuối cùng này, đây là vấn đề sống còn của Việt Nam, chúng ta phải quyết thắng”. Người cộng sản đầu tiên sáng

lập ra Đảng cách mạng ở Đông Dương, linh hồn của cuộc Cách mạng tháng Tám, vị anh hùng của cuộc kháng chiến vĩ đại, có tư tưởng hết sức kiên định. Những lời nói có ý nghĩa chiến lược rất dễ hiểu đối với mọi người, thúc đẩy tinh thần lạc quan phấn khởi và lòng tin vững chắc vào thắng lợi, và chiến dịch Điện Biên đã toàn thắng.

Câu chuyện đã đi tới điểm chót. Để tỏ lòng kính yêu Người, tôi trao tặng Người cuốn sổ thơ của tôi viết về Việt Nam. Người nhận và trao ngay cho đồng chí phiên dịch.

Trời đã tạnh mưa. Buổi tọa đàm của chúng tôi đã kết thúc. Hồ Chủ tịch đứng dậy, Người thân mật chào tạm biệt chúng tôi và chúc chúng tôi lên đường bình an. Suốt đời chúng tôi sẽ không quên buổi gặp gỡ này.

Tạp chí Âm nhạc

Xô Viết số 12-1969

Trang 30-31, Số 2 (7) 7-1979

RUF. BERSATXKI

Nga (*Liên Xô*)

MỘT LẦN GẶP CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

... Đi qua đường cây rợp bóng, chúng tôi đến cửa lớn lộng lẫy của lâu đài, cả một hàng bậc thềm ngoài trời bằng cẩm thạch rộng gần choáng cả chiều rộng lâu đài. Hàng bậc thềm dẫn thẳng vào tiền sảnh. Thảm êm trải khắp phòng, những chiếc ghế đi-văng bọc da vàng thượng hạng nằm bình dị, bầu không khí tĩnh mịch dịu mát. Trên mặt tường chính của gian phòng là hình quốc huy nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chạm nổi. Ngay phía dưới đó, chỉ một chiếc đi văng nhỏ, chỗ của Chủ tịch. Nhưng đồng chí Hồ Chí Minh xuất hiện hoàn toàn bất ngờ. Người đi ra từ cửa bên cạnh, và thậm chí không hề nghĩ đến chuyện ngồi vào chỗ của mình dưới quốc huy. Nhanh nhẹn Người bước tới chào hỏi, vui vẻ đưa hai tay và như thể ôm lấy chúng tôi.

- Chào các đồng chí, chào các đồng chí thân mến! - Người nói bằng tiếng Nga. - Xin lỗi các đồng chí, tôi bắt các đồng chí phải đợi.

Sự thể là, khi chúng tôi tới, người ta đã cho biết Chủ tịch gửi lời xin lỗi vì Người sẽ đến chậm đôi ba phút. Người phải chia tay với một người quen thân đến thăm Người.

- Các đồng chí, tôi nói tiếng Nga còn tôi - đúng hơn là chỉ nghe hiểu thôi, - thân mật bắt tay chúng tôi, đồng chí Hồ Chí

Minh nói, giọng xin lỗi - Nhưng tôi nghĩ rằng chúng ta vẫn sẽ hiểu nhau - Và Người cười - Hiểu nhau chứ? Sẽ tìm được tiếng nói chung chứ?

Chào hỏi xong, Người lại ân cần lần lượt nhìn từng người một trong chúng tôi, tiếp lời:

- Bây giờ xin mời các đồng chí, ta sang bên này.

Chúng tôi theo một hành lang ngắn đi đến một phòng tiếp khách xinh xắn sáng sủa. Ở đây chỉ có một ghế đi-văng vài ba chiếc ghế phô-tơi. Chủ tịch mời chúng tôi và đích thân cầm bình để trên bàn con trước đi-văng rót cà-phê ra mấy cái tách.

Đúng như tôi hình dung trước, mà có thể có phần hơn. Chủ tịch quả thật hoạt bát, lanh lẹ, trẻ trung. Người mặc bộ quần áo vải như của các chiến sĩ và sĩ quan quân đội nhân dân. Người đi dép, chân không bó tất.

Râu tóc Người bạc phơ. Nhưng, kỳ lạ, râu tóc hoàn toàn không làm ta thấy Chủ tịch già. Bởi vì khi anh nhìn đồng chí Hồ Chí Minh trên mặt Người, anh chỉ thấy rõ nhất là cặp mắt, mà cặp mắt ấy rục rịch, tỏa sáng ngời ngời, và truyền cảm hết cho anh. Chỉ có người nào yêu con người hơn hết mọi cái trên thế gian mới biết như Người nghe người khác nói.

Cà-phê tỏa hương thơm ngào ngạt. Đồng chí Hồ Chí Minh tỏ vẻ hài lòng:

- Các đồng chí thứ lỗi cho: tôi không xin phép trước được mời các đồng chí uống cà-phê - Người nói, lẫn lộn tiếng Nga và tiếng Pháp. Khi bắt đầu nói nhanh, đồng chí Chủ tịch tự nhiên chuyển sang nói tiếng Pháp. Mà phải nói, nếu như chúng tôi biết tiếng Trung Quốc, tiếng Anh, và một số tiếng khác, Chủ tịch có thể tiếp chuyện chúng tôi bằng những thứ tiếng ấy - Nhưng tôi tin các đồng chí không từ chối cà-phê này, đây là cà-phê Việt Nam, mà trên thế giới không có cà-phê nào ngon hơn. Tôi nói điều này không phải vì tôi là một người yêu nước. (Và các đồng chí có thể

tin tôi, là tôi cũng không phải tay sành ăn!) Nhưng trong đời tôi, tôi đã làm phụ bếp khá lâu và vì vậy xin lấy nghề nghiệp ra bảo đảm cà-phê Việt Nam ngon nhất thế giới. Chỉ có điều phải biết cách pha, tất nhiên rồi - phải cho nó lọc qua phin... Như thế này này... - Chủ tịch vui vẻ giới thiệu cách làm - và cho đường vừa phải... Cho phép tôi nhé? - Chủ tịch cho đường vào tách và lấy thìa khuấy.

- Ấy chết, đồng chí Hồ Chí Minh, - tôi định cưỡng lại - Cái này tôi xin tự làm lấy.

- Không, không, cứ để tôi... Bây giờ đồng chí ném thử xem. Thế nào? Đồng chí thấy chứ? Đã bao giờ đồng chí được uống thử cà-phê tuyệt vời như thế này chưa?

Cà-phê thật là thần tiên. Quả thật, chưa bao giờ tôi được uống thử cà-phê như thế này!

Nhưng đồng chí Hồ Chí Minh đột nhiên chuyển sang chuyện khác:

- Ấy vậy mà mấy ai đã biết cà-phê Việt Nam thế nào? Còn ít người biết lắm. Rất ít!

Đồng chí đại sứ vội lên tiếng:

- Có điều xin Chủ tịch loại trừ chúng tôi ra. Chúng tôi không những chỉ biết mà còn đã mua của Việt Nam rồi.

Chủ tịch quay sang Lê-ô-nít I-va-nô-vích:

- Nhưng chúng tôi có thể sản xuất ra nhiều hơn nữa kia! Và cái đó chúng tôi có đủ sức - điều tôi định nói tới là như vậy... Hay chuối... Các đồng chí ăn đi, ăn đi, xin mời! ... Biết chuyên chở bằng cách nào để khi đến Mát-xcơ-va, hay Pra-ha, hay Vác-sa-va, đến khắp nơi, nó vẫn tươi như thế này? - Người bóc vỏ một quả - Bằng máy bay ư? Máy bay thì đắt. Đường biển, lâu quá. Bằng tàu hỏa? Vừa lâu vừa đắt. Mà kể ra thì chúng tôi có thể xuất cảng một số lượng chuối có thể đủ cho tất cả mọi người ăn. Ấy nhưng sao tôi lại đẩy các đồng chí sang đề tài kinh tế ngay như thế này! Các đồng chí là các nhà thơ, nhà văn kia mà...

- Đồng chí Hồ Chí Minh, - tôi nói chen vào, - thế đồng chí loại trừ mình ra khỏi tầng lớp các nhà thơ ư? Ấy vậy mà chính tôi là người mang đến đồng chí một món quà, không có gì khác, là tập thơ của chính đồng chí, vừa xuất bản bằng tiếng Nga đây.

Đồng chí Hồ Chí Minh cảm ơn, nhận món quà của An-tô-kôn-xki, cảm ơn cả tôi, như Người nói, vì tôi đã bỏ công mang cho Người cuốn sách, nhưng với những lời của tôi về Người như về một nhà thơ thì Người dứt khoát không tán thành.

- Nhà thơ gì tôi, đồng chí cứ nói vậy! - Chủ tịch hoàn toàn chân thành thuyết phục tôi. - Đây là các đồng chí của tôi đã đưa tôi vào hàng các nhà thơ đấy chứ. Các đồng chí ấy góp nhặt ở đâu đó ra cả tập. Tôi là cây bút tiểu phẩm, nhà chính luận. Gọi tôi là người tuyên truyền - tôi cũng không tranh cãi; nhà cách mạng chuyên nghiệp - là đúng nhất. Còn là nhà thơ? - Và Người bần khoản đặt cuốn *Nhật ký trong tù* lên chiếc ghế đi-văng phía sau.

Tôi bất giác mỉm cười về sự hăng hái đột ngột mà đồng chí Hồ Chí Minh cứ thuyết phục tôi rằng Người không phải là nhà thơ, làm như tôi chưa hề đọc thơ Người hoặc không nhớ những vần thơ ấy.

- Sao đồng chí lại cười? - Đồng chí Hồ Chí Minh hỏi tôi.

- Ấy tôi vừa chợt nhớ những vần thơ của một đồng chí cứ khước từ danh hiệu nhà thơ:

*Phương Đông màu trắng chuyển sang hồng,
Bóng tối đêm tàn quét sạch không
Hơi ẩm bao la trùm vũ trụ,
Người đi, thi hứng bỗng thêm nồng.*

Những câu thơ thật hay!

Đồng chí Hồ Chí Minh tuy cũng mỉm cười đáp lại tôi nhưng vẫn không chịu:



Chủ tịch Hồ Chí Minh với các diễn viên đoàn văn công trong buổi
biểu diễn chào mừng Chủ tịch nước Tiệp Khắc Nôvôtni
sang thăm hữu nghị Việt Nam (22/1/1963)

- Ảnh: Đinh Đăng Định

- Tuy nhiên đồng chí vẫn không đúng đâu. Không đúng là vì thế này. Đồng chí thử nghĩ xem: tôi làm những bài thơ ấy để làm gì? Chỉ vì lý do là ở trong tù tôi không thể làm khác. Họ tước đoạt của tôi tất cả... Và buồn... Đó là một. Đồng chí có đồng ý với tôi không?

Tôi im lặng.

- Thôi được. Nếu như tôi không thuyết phục được đồng chí như một nhà văn, thì tôi cố thuyết phục như một người cộng sản với một người cộng sản. Như tôi hiểu những người cộng sản chúng ta, khác biệt với mọi người ở chỗ, bất cứ lúc nào và gặp bất cứ việc gì là bắt tay vào đấy, bao giờ chúng ta cũng có chủ đích trước: ta làm cái này để làm gì nào? Dù việc gì đi nữa: tôi làm thơ ư, tổ chức đình công ư, hay bây giờ tổ chức thi đua xã hội chủ nghĩa... Việc gì cũng vậy! Trong khi đó thì tôi viết những bài thơ trong tù, tôi làm việc đó cho cái gì? Chỉ để thời gian qua nhanh, để xóa buồn đau. Và hơn thế nữa, - đồng chí Hồ Chí Minh vui vẻ nhìn tất cả chúng tôi bằng cặp mắt ngời ngời tỏa sáng của mình - tôi, tất nhiên, không thể nào lại ngờ rằng trên cơ sở những bài thơ này bao giờ đó người ta lại đưa tôi vào hàng các nhà thơ! Không, nếu như quả thực tôi là nhà thơ, hẳn tôi đã không thể sống mà không sáng tác. Là các nhà văn chuyên nghiệp, các đồng chí hẳn biết rõ điều đó. Còn tôi, như các đồng chí thấy đây, tôi có thể sống thoải mái không cần phải làm thơ. Và trước khi ở tù cũng như khi ra tù tôi đã sống mà không làm thơ!

Chuyện trò với đồng chí Hồ Chí Minh thật thoải mái, như thể anh đã quen biết Người suốt đời rồi. Sau này, khi cuộc chuyện trò của chúng tôi kết thúc và chúng tôi chia tay với đồng chí Hồ Chí Minh, tôi cứ tiếc một điều: cuộc gặp mặt quá nhanh quá, mặc dù nó kéo dài hơn một tiếng đồng hồ, - tôi thành tâm thốt lên:

- Mà Lê-ô-nít I-va-nô-vích, anh biết không, lần thứ hai trong đời tôi được chuyện trò với Chủ tịch nước, và tôi bắt đầu

có cảm giác rằng nói chung các vị Chủ tịch nước là những người dễ chuyện trò nhất.

- Thế ai là Chủ tịch nước đầu tiên anh được tiếp chuyện?

- Mi-ka-in I-va-nô-vích Ka-li-nin

- À... Nếu vậy thì rõ cả rồi!...

Từ thơ ca câu chuyện chuyển sang các đề tài của văn học nói chung.

Nhân vui câu chuyện đồng chí Hồ Chí Minh bắt từng người chúng tôi phải hứa rằng thế nào chúng tôi cũng phải viết về Việt Nam.

- Thì hôm nay là ngày cuối cùng của các đồng chí ở nước chúng tôi, có đúng không? Nghĩa là, các đồng chí đã nhìn thấy đất nước chúng tôi. Và đã thấy nhân dân chúng tôi. Ấy đấy, bây giờ các đồng chí viết đi! Đừng bỏ qua góc ngách gay cấn nào hết, đừng im lặng làm ngơ chuyện gì hết. Chúng tôi quả sống vẫn còn rất nghèo, điều đó không thể không đập vào mắt các đồng chí. Các đồng chí cứ viết cả về điều đó, đừng ngại, nói thật, đó là sự giúp đỡ tốt nhất của bạn bè. Văn học của chúng tôi, nghệ thuật của chúng tôi cũng luôn luôn tìm tòi những con đường để làm sao có thể kể một cách chân thực hơn cho nhân dân nghe về những mối lo âu và những suy nghĩ của nhân dân. Tất nhiên, ở chúng tôi cũng còn có những người trong giới văn học và nghệ thuật mà điều này còn chưa thấm vào tâm can họ, biết làm sao được, - nhưng tôi muốn nói tới tuyệt đại đa số - và là điều quyết định! - phần lớn các nhà văn và các nhà công tác nghệ thuật của chúng tôi. Mà đó thực sự là những con người gắn bó với nhân dân chặt chẽ. Các bạn có gặp các nhà văn của chúng tôi không?

- Có ạ, với Nguyễn Đình Thi, Tô Hoài, nữ thi sĩ Hằng Phương. Tiếc là nhiều người khác lúc này không có mặt ở Hà Nội.

Đồng chí Hồ Chí Minh luôn đưa tay ra hiệu ngắt lời người phiên dịch: ý nói, cứ vậy Người cũng đã hiểu rồi. Đây, Người

cũng nhẹ nhàng ra hiệu cho người phiên dịch không phải dịch, quay sang nói với tôi bằng tiếng Nga:

- Sao lại đáng tiếc? Ngược lại, họ đi khắp đất nước là rất tốt. - Và đến đây hóa ra là Chủ tịch biết gần như tất cả mọi chi tiết công việc mỗi nhà văn đang làm. - Như tôi biết, - Người nói, - Chính Tô Hoài, người mà các bạn đã gặp, hàng năm đều đi đến các vùng dân tộc ít người ở miền núi, nơi anh ấy đã chiến đấu, cái đó cũng rất tốt! Hằng Phương - các bạn cũng đã làm quen với nữ thi sĩ ấy - trong thời gian cải cách ruộng đất đã về nông thôn và ở đó cùng lao động với nông dân. Do đó thơ của cô ta như các bạn hiểu đây, chỉ hay hơn mà thôi. Và Nguyễn Đình Thi bao giờ cũng sát bên nhân dân. Cả nhà thơ xuất sắc Tố Hữu của chúng tôi cũng vậy. Và như vậy là đúng, phải như vậy, chỉ có nhân dân mới nuôi dưỡng cho sáng tác của các nhà văn bằng những nguồn nhựa sống. Còn nếu nhà văn quên điều đó - nhân dân cũng sẽ quên anh ta. Khi chúng tôi nói với các nhà hoạt động văn học nghệ thuật điều đó, bằng chính cái đó chúng tôi kêu gọi làm giàu cho họ, chứ không phải làm cho văn học và nghệ thuật nghèo đi. Chỉ có bọn thực dân Pháp âm mưu làm sa đọa những người Việt Nam có học - mà số người ấy mới ít ỏi làm sao! - chúng nói rằng nhân dân chỉ cần thứ văn hóa loại hai, và vì thế chúng gửi sách sang đây không phải V.Huy-gô và A.Frăng-xơ mà là Klốt Far-rê và sách của cái ông... tên ông ta là gì nhỉ? À, hiện nay đang là Bộ trưởng... - Chủ tịch nheo mắt cười mai mỉa - Bộ trưởng Văn hóa của Đờ Gôn... Còn bây giờ giới trí thức sáng tác của chúng tôi đang đi theo con đường đúng duy nhất xây dựng một nền văn học và nghệ thuật xã hội chủ nghĩa về nội dung và dân tộc về hình thức.

Đồng chí Hồ Chí Minh lặng đi trong giây lát, suy nghĩ. Sau đó Người nói tiếp:

- Có điều các bạn chớ hiểu là tôi cho rằng chúng tôi cần phải vứt bỏ văn hóa nào đó, dù là văn hóa Pháp đi nữa. Ngược lại! Tôi muốn nói điều khác. Nói đến việc phải mở rộng kiến

thức của mình về văn hóa thế giới, mà đặc biệt hiện nay là văn hóa Xô-viết - chúng tôi thiếu - nhưng đồng thời lại phải tránh nguy cơ trở thành những kẻ bắt chước. Không thể lấy từ nghệ thuật của một dân tộc khác chỉ riêng mặt nào đó - chẳng hạn, tính ước lệ nổi tiếng của văn học Trung Quốc, - cái đó sẽ chẳng hay ho gì. Văn hóa của các dân tộc khác cần phải nghiên cứu toàn diện, chỉ có trường hợp đó mới có thể tiếp thu được nhiều hơn cho văn hóa của chính mình.

Chủ tịch Hồ Chí Minh say sưa nói, Người hút thuốc lá liên tục, hết điếu này tiếp điếu khác. Nhưng đột nhiên Người ngắt ngang câu, nhìn tất cả chúng tôi và hỏi:

- Có thể về điểm nào đó tôi không được chính xác chăng, nhưng tôi nghĩ như vậy.

Nói chung, như mức độ tôi có thể nhận xét, đó là tính cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh: không bắt buộc gán ghép người tiếp chuyện mình, mà thuyết phục người ấy. Chủ tịch như luôn luôn trao đổi ý kiến với anh, mà nếu, hơn thế, anh lại muốn bác lại Người điều gì đó thì Người hết sức chăm chú lắng nghe. Người lập tức im lặng để nghe ý kiến bác lại, và không những không tranh cãi người kia khi người kia còn chưa nói hết, mà thậm chí chính Người còn giúp cho người kia tìm ra lời lẽ cần thiết, nếu như người tranh cãi lúng túng và không tìm ra từ nào đấy. Nhưng trong trường hợp này không ai trong bọn chúng tôi có ý phản đối Chủ tịch. Chúng tôi hoàn toàn tán thành ý kiến của Người.

Chủ tịch mời chúng tôi ném chuỗi “ngụ”.

- Loại thượng hạng. Và chịu đựng được vận chuyển... Mời các bạn ăn đi. Và đồng chí hãy kể cho nghe các đồng chí đã thấy gì trong mấy ngày qua. Nếu không lại chẳng hay lắm. Các bạn đến chơi, mà tôi lại cứ nói cả. Nào các đồng chí, các bạn hãy kể đi nào.

Mặc dù không khí tự nhiên của cuộc chuyện trò do đồng chí Chủ tịch tạo nên, các chuyện kể lại... dù sao đi nữa cũng không phải đơn giản. Những gì chúng tôi đã nhìn thấy còn chưa lắng vào óc, mà ấn tượng lại quá nhiều.

... Tôi hiểu, thời gian đồng chí Hồ Chí Minh dành ra để tiếp chúng tôi đã hết, nhưng ra về thế nào? Hơn thế nữa, chính Chủ tịch hầu như quên cả thời gian, vẫn tiếp tục hỏi chúng tôi về điều mà chúng tôi đã nhìn thấy và cái gì đã gây ấn tượng nhất cho chúng tôi. Người rất vui khi biết chúng tôi đã đến Phú Thọ - đến trạm thí nghiệm nông nghiệp đầu tiên của Việt Nam.

- Các bạn đã thấy cả các đồi cà phê chứ?

- Đã ạ.

- Cả cây sơn, sơn chỉ mọc ở đất nước chúng tôi, ở Trung Quốc và ở Nhật Bản!

- Đã thấy cả cây sơn nữa ạ.

- Tôi rất mừng, rất mừng đấy, - Người nhắc lại. - Trạm thí nghiệm này có nhiệm vụ giúp chúng tôi giải quyết một nhiệm vụ tối quan trọng tìm ra phương pháp kỹ thuật tốt nhất để trồng tía các cây, như chè, cà-phê, sơn và dầu, cũng như các cây khác cho các vùng trung du. Chúng tôi đang còn rất nghèo. Nhưng đồng thời cũng lại giàu có như vậy đấy!

Chủ tịch Hồ Chí Minh trở lại với ý là nhân dân Việt Nam đã bị ăn cướp và bóc lột tàn tệ, rằng bây giờ phải bằng những biện pháp nào để có thể khắc phục được điều đó, dù bắt đầu từ đâu đi nữa. Như là một cái kim la bàn chỉ biết có một hướng.

Một lần nữa Chủ tịch bắt chúng tôi hứa trở về sẽ viết về những điều đã thấy ở Việt Nam.

- Viết về mọi cái! Nếu các bạn thích cảnh trí lạ, mà các bạn thấy, hãy viết cả về nó: đó cũng là Tổ quốc của chúng tôi.

- Không, thưa đồng chí Hồ Chí Minh, - tôi nói - cảnh lạ không hấp dẫn tôi cho lắm. Trong phim màu, theo tôi nghĩ, người ta đã thể hiện được nó đẹp hơn nhiều cả cảnh thực hay như tôi có thể thể hiện. Đôi khi nó cũng làm tôi sao nhãng mất cái chính mà tôi muốn thấy hơn cả: đó là nhân dân của Chủ tịch! Và tôi muốn so sánh nhân dân của Chủ tịch với những cây dừa!

Chủ tịch hiền từ nhìn tôi. Đặt tay mình vào tay tôi, Người nói:

- Tôi rất vui mừng là đồng chí nghĩ như vậy... - và Người nói thêm: - Hơn thế nữa, lá dừa ở miền Bắc này không được cao cho lắm. Nó thực sự vươn cao hết tầm vóc ở miền Nam đất nước chúng tôi kia... Chúng tôi gọi là Nam Bộ. Bắc, Trung, Nam-Bắc bộ, Trung bộ, Nam bộ... ba phần Tổ quốc của chúng tôi... - trên gương mặt của Chủ tịch thoáng nét buồn. Người từ tốn rời chỗ đứng lên.

Chúng tôi đứng lên theo. Chia tay, Chủ tịch nắm bắt bàn tay tôi trong lòng bàn tay ấm áp của Người.

THÚY TOÀN dịch

LADY BORTON

Nhà văn, nhà báo Mỹ

NGƯỜI THU THẬP NHỮNG TRANG TƯ LIỆU GỐC VỀ CUỘC ĐỜI HOẠT ĐỘNG CỦA HỒ CHÍ MINH*

Năm 2003, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 123 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh Lady Borton cùng họa sĩ Mỹ David Thomas cho xuất bản cuốn "Hồ Chí Minh - một chân dung" bản dịch tiếng Việt của Tạ Đức - Nhà xuất bản Thanh Niên, Hà Nội, 2003.

Những trang tư liệu gốc về cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh mà bà thu thập được cũng góp phần rất lớn giúp bảo tàng Hồ Chí Minh biên soạn cuốn sách "Vụ án Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Kông 1931-1933 (tư liệu và hình ảnh)", do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia ấn hành năm 2004.

* Tên bài do NXB tự đặt.

LADY BORTON & DAVID THOMAS

Nhà văn Mỹ và họa sĩ Mỹ

MỘT CUỐN SÁCH CỦA NHỮNG NGƯỜI BẠN MỸ: “HỒ CHÍ MINH - MỘT CHÂN DUNG”

Cuốn sách *"Hồ Chí Minh - Một chân dung"* của hai tác giả người Mỹ: David Thomas và Lady Borton (bản dịch tiếng Việt của Tiến sĩ Tạ Đức) sẽ được NXB Thanh Niên phát hành vào đúng dịp kỷ niệm lần thứ 113 Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh.

"Tôi đã nói chuyện với Hồ Chí Minh, một người đáng nhỏ, gầy với chiếc áo vải bông sờn cũ. Chúng tôi nói chuyện bằng tiếng Pháp... Tôi cảm nhận được ánh sáng đặc biệt trong đôi mắt Người, tôi biết tôi đang đứng trước một con người phi thường...". Đó là một phần lời tựa của Charlies Fenn cho cuốn sách ảnh *Hồ Chí Minh - Một chân dung* của hai tác giả người Mỹ: David Thomas và Lady Borton.

David Thomas từng là một lính công binh kiêm họa sĩ trong quân đội Mỹ đóng ở Pleiku những năm 1969-1970. Giải ngũ, ông trở thành giáo sư hội họa tại Trường Cao đẳng Emmanuel - Boston. Năm 1987, lần đầu tiên ông trở lại Việt Nam cùng với dự án Hòa giải Đông Dương - Hoa Kỳ (US - Indochina Reconciliation Project). Năm 1988 ông sáng lập và

làm giám đốc Tổ chức Cộng tác Nghệ thuật Đông Dương (Indochina Arts Partnership), một tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận đã góp phần phát triển nhiều hoạt động trao đổi văn hóa giữa Mỹ và Việt Nam.

Chính trong chuyến đi ba tuần năm 1987, David đã phát hiện ra một nước Việt Nam với nền văn hóa và những con người khác rất nhiều với những gì ông và nhiều người Mỹ từng nghĩ và quen nghĩ tới. Đặc biệt, với cảm quan của người họa sĩ, ông đã bị thu hút mạnh mẽ bởi những bức chân dung khác nhau của Hồ Chí Minh được thấy khắp nơi ở Việt Nam. Ông cảm thấy, những chân dung Hồ Chí Minh dường như đã kết tinh và thể hiện sức mạnh và vẻ đẹp của con người và văn hóa Việt Nam ở một giai đoạn lịch sử đầy bi tráng, gian lao và kiêu hãnh.

Khi về Mỹ, ông đã tìm đọc mọi sách báo viết về Hồ Chí Minh. Ông thấy thật trớ trêu khi người Mỹ đã làm hàng trăm cuốn phim, hàng ngàn cuốn sách và rất nhiều cuộc hội thảo về cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam, nhưng lại làm rất ít để hiểu về con người đã lãnh đạo dân tộc Việt Nam đánh bại người Pháp, người Mỹ.

Từ đó, ông bắt đầu tìm hiểu về Hồ Chí Minh, người cũng đã làm thay đổi nửa cuối cuộc đời ông. Ông thấy cần và có thể làm một cái gì đó để đem lại những thông tin và cách nhìn mới về Việt Nam - Hồ Chí Minh cho người Mỹ.

Năm 2000, ông và Charles Fenn (người trong chiến tranh thế giới thứ II là đại diện của Mỹ làm việc với Hồ Chí Minh và là tác giả một số cuốn sách về Việt Nam xuất bản ở Mỹ) đã cộng tác hoàn thành một tác phẩm độc đáo mang tên: *Chân dung Hồ Chí Minh của một họa sĩ* (An Artist's Portrait of Ho Chi Minh). Độc đáo bởi đó là một cuốn sách chỉ có 100 bản, mỗi bản có 116 trang rời (58 trang hình và 58 trang chữ), được đặt trong một

chiếc hộp sơn mài. Các hình ảnh được in trên giấy dó, một sản phẩm đặc trưng Việt Nam thường dùng để thể hiện những bức tranh dân gian Đông Hồ. Đặc biệt, tác phẩm in 40 bức chân dung Hồ Chí Minh của David Thomas sáng tác theo phong cách đồ họa bằng kỹ thuật vi tính. Để thể hiện sự đa dạng, nhiều màu sắc trong cuộc đời của Hồ Chí Minh, ông đã lồng ghép những chân dung của Hồ Chí Minh với nhiều hình ảnh khác phản ánh nền văn hóa Việt Nam.

David đã tặng tác phẩm này cho một số Bảo tàng Hồ Chí Minh ở Việt Nam. Với mong muốn được xuất bản tác phẩm đó tại Việt Nam ở dạng sách thông thường bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh nhằm chia sẻ với nhiều người những cảm nhận của mình, từ năm 2002, David đã cộng tác với Lady Borton, tạo ra một sự đổi mới quan trọng và cần thiết cho việc ra đời cuốn sách *Hồ Chí Minh - Một chân dung*.

Với tư cách là một nhà nghiên cứu, nhà văn, nhà hoạt động từ thiện, Lady Borton đã sống và làm việc ở Việt Nam từ năm 1978. Bà biết tiếng Việt và là tác giả của hai cuốn sách về Việt Nam. Hiện bà vừa là trưởng đại diện của Ủy ban những người bạn Mỹ ở Việt Nam (American Friends Service Committee), vừa là biên tập viên chính của tạp chí tiếng Anh *Cửa sổ văn hóa Việt Nam*. Bà được nhiều người Việt Nam yêu mến và biết đến vì đã hai lần là khách mời đặc biệt của chương trình Người đương thời của VTV3.

Tình yêu con người và văn hóa Việt Nam gắn với niềm kính trọng và ngưỡng mộ đặc biệt đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh là động lực chính để David Thomas và Lady Borton cho ra đời cuốn sách *Hồ Chí Minh - Một chân dung* trên nền cũ của tác phẩm *Chân dung Hồ Chí Minh của một họa sĩ*.

Với độc giả Việt Nam, những người đã ít nhiều thân thuộc với nhiều tác phẩm về thân thế, sự nghiệp của Hồ Chủ tịch, cuốn

sách vẫn có rất nhiều điều mới mẻ, cuốn hút, qua phần minh họa độc đáo của David cũng như một số tư liệu có thể còn ít người biết về mối quan hệ của Hồ Chí Minh với Charles Fenn, về thời kỳ Bác bị bắt và cầm tù ở Hồng Kông...

Với độc giả nước ngoài, đặc biệt là độc giả Mỹ, bản tiếng Anh của cuốn sách sẽ là một tác phẩm giàu thông tin, sinh động về Hồ Chí Minh. Nó sẽ giúp họ nhận thức lại về Hồ Chí Minh, về lịch sử, văn hóa Việt Nam, từ đó, hiểu rõ hơn những sai lầm và bài học chính phủ Mỹ từ cuộc chiến trong quá khứ.

HÀ LỘC

(Báo Thể thao và Văn hóa)

U.BỚCSÉT
Nhà văn Úc

HỒ CHỦ TỊCH VỊ ANH HÙNG KHÔNG NGHĨ TỚI MÌNH

Tấm gương của nhân dân Việt Nam

Nói tới một con người mà cả cuộc đời đã để lại ân tình sâu nặng cho nhân dân thì không có một ai khác ngoài Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, điều ân hận là Người đã qua đời trước khi hoàn thành sự nghiệp cách mạng và đạt được mục đích giành độc lập hoàn toàn cho một nước Việt Nam thống nhất mà Người đã cống hiến cả đời mình, nhưng ít nhất thì Người cũng đã ra đi với một lòng tin tưởng vào thắng lợi không còn bao xa nữa.

Đồng chí Hồ Chí Minh là một người đã cảm hoá tất cả mọi người Việt Nam từ già đến trẻ. Người là một con người thẳng thắn, khiêm tốn, giản dị. Hình ảnh anh hùng không nghĩ tới mình trước sau như một của Người, từ cuộc kháng chiến chống Pháp của Việt Minh trước đây đến cuộc kháng chiến chống Mỹ của Việt Cộng (Mặt trận dân tộc giải phóng) ngày nay, đã cổ vũ trở thành tấm gương cho hàng chục vạn thanh niên Việt Nam thà chết, không chịu làm nô lệ.

Từ khi bắt đầu ném bom miền Bắc. Mỹ đã dùng mọi cách tàn phá những công trình công nghiệp, y tế, giáo dục - tất cả đều được xây dựng sau khi thắng Pháp - hầu như tất cả những di sản của tổ tiên để lại cũng đều bị bom đạn Mỹ biến thành những

đồng gạch vụn, nhưng toàn thể nhân dân miền Bắc Việt Nam đều tuân theo lời dạy của Hồ Chủ tịch: “không có gì quý hơn độc lập tự do” dù có bị tàn phá nặng nề đến như thế nào, dù cả Hà Nội và Hải Phòng cũng bị tàn phá chẳng nữa.

Trong thời gian miền Bắc bị ném bom ác liệt nhất, một nông dân Việt Nam đã nói với tôi: “Ném bom quả là đáng sợ thật, nhưng so với ách chiếm đóng của bọn thực dân thì không nghĩa lý gì. Có bị tàn phá thì chúng tôi lại xây dựng lại”.

Làm việc ở ngoài hiên

Một chuyện điển hình về Hồ Chủ tịch là sau khi kháng chiến chống Pháp thắng lợi, Người đã đặt văn phòng Chủ tịch ở một căn nhà nguyên là chỗ ở của những nhân viên phục vụ Phủ Toàn quyền của Pháp trước đây. Còn Phủ Toàn quyền. Người chỉ chuyên dành cho các cuộc tiếp đãi chính thức.

Khi tôi hỏi Người: “Văn phòng của Chủ tịch đâu?”. Câu trả lời của Người làm cho tôi kinh ngạc: “Lúc nào trời tôi thì ở ngoài hiên, khi trời mưa thì ở trong buồng ngủ”.

Sự thực là Người không có một ngôi nhà nào khác. Khi tôi đến thăm Người, với bộ quần áo vải nâu mà những người nông dân thường mặc và đôi dép cao su lớp ô tô, Người ra đón tôi như đón một người quen cũ. Tác phong giản dị, không cầu kỳ đó, Hồ Chủ tịch suốt đời không thay đổi.

Một con người ít nói

Một đặc điểm nữa của Hồ Chủ tịch là Người trình bày những sự việc hết sức phức tạp bằng những lời lẽ rất ngắn gọn, dùng những hình ảnh hết sức trong sáng khiến cho ai cũng có thể hiểu được.

Sau khi Mỹ đưa quân đội chiến đấu vào miền Nam Việt Nam, có dư luận cho rằng chúng sẽ tiến công ra miền Bắc. Tôi hỏi Hồ Chủ tịch là nếu quân Mỹ làm như vậy thì kết quả sẽ ra sao?

Hồ Chủ tịch đã đề cho tôi liên tưởng tới chuyện: “Con cáo bị mắc bẫy một chân” rồi trả lời tôi: “Nếu cứ giãy giụa lung tung định hòng thoát bẫy thì còn chân kia cũng sẽ mắc nốt. Nếu Mỹ dám tiến công miền Bắc thì kết quả rồi sẽ như vậy”.

Lần đầu tiên được gặp Hồ Chủ tịch, tôi cũng đã được thấy những hình ảnh tả thực, được nghe những câu nói ngắn gọn như những lời tiên tri như vậy. Đó là vào đầu tháng 3 năm 1954. Tuy mới đặt chân lên đất nước Việt Nam, nhưng trên đường tới đây tôi đã được nghe đài phát thanh Hà Nội - lúc này vẫn đang ở trong tay người Pháp - đưa tin về tình hình hoạt động của quân Pháp ở phía sau quân “Việt Minh” từ căn cứ Điện Biên Phủ. Khi đó tên Điện Biên Phủ mới bắt đầu được nói tới trong cuộc chiến tranh, do đó tôi đã hỏi Hồ Chủ tịch về Điện Biên Phủ. Hồ Chủ tịch đặt ngửa chiếc mũ lên bàn, chỉ vào đáy mũ và nói: “Đây là Điện Biên Phủ, một thung lũng có núi bao bọc xung quanh”. Sau đó Người vòng tay theo vành mũ, nói tiếp: “Quân viễn chinh Pháp ở dưới thung lũng này, chúng tôi từ trên núi ở xung quanh bao vây chúng. Chúng nhất định không thể thoát được”.

Đó là xu thế tất nhiên và lịch sử đã chứng minh rằng Hồ Chủ tịch đã nói đúng.

Khi Mỹ bắt đầu ném bom miền Bắc, tôi lại hỏi Hồ Chủ tịch là Người nghĩ như thế nào đối với việc Mỹ tuy thừa nhận là chúng không thể thắng trong cuộc chiến tranh ở miền Nam Việt Nam nhưng lại huênh hoang là bằng cách ném bom miền Bắc chúng sẽ có thể thắng được. Hồ Chủ tịch trả lời: “Mỹ đã tính lầm nếu cho rằng dựa vào việc tàn phá miền Bắc bằng bom đạn, chúng sẽ có thể thắng ở miền Nam”, “chúng tôi quyết không ngừng chiến đấu, dù là 5 năm, 10 năm, 20 năm hay lâu hơn nữa. Cuộc chiến đấu của chúng tôi là chính nghĩa, chúng tôi sẽ được sự ủng hộ của nhân dân toàn thế giới kể cả nhân dân Mỹ. Chúng tôi sẽ thắng”.

Ấn tượng nổi bật nhất mà bất cứ ai lần đầu tiên gặp Hồ Chủ tịch đều cảm thấy là trí tuệ tập trung ở đôi mắt đen ngời sáng của Người, là lòng nhân đạo và sức hấp dẫn làm cho người tới thăm thấy gần gũi ngay với Người. Ấn tượng thứ hai là khả năng đi thẳng vào cốt lõi của vấn đề bằng những lời lẽ ngắn gọn và rất đúng. Điều này chứng tỏ Người nắm rất chắc một cách toàn diện nội dung bàn luận.

Người không những biết sử dụng rất nhiều thứ tiếng Âu, Á mà đồng thời còn rất hiểu tình hình trong nước của những người khách đến thăm.

Lịch sử sẽ dành cho Người vinh dự của một vị lãnh tụ vĩ đại mà thế kỷ XX đã sinh ra. Nhân dân Việt Nam sẽ mãi mãi ca ngợi Người.

ISMAEL GOMEZ BRAGA

Brazil

CHÚC TỤNG BÁC HỒ

Vị thánh sống của nghìn thánh sống
Và ân nhân của cả muôn đời
Hồ Chí Minh! – Chưa dễ thấy Người
Chúng tôi đây bọn mù mắt sáng!

Dù giặc Mỹ trút bao bom đạn
Và dọa bom nguyên tử tối tân

Chúng tôi đây vẫn cứ vững lòng
Bởi có Người, Việt Nam chiến thắng.

Cuộc đời Người như bông huệ trắng
Như mặt gương càng ngắm càng trong
Quý Mỹ kia đỏ vỏ đen lòng
Không che nổi mặt Người tỏa sáng!

Cả trái đất mây mù ảm đạm
Vẫn không che nổi ánh mắt Người
Sẽ biết ơn, nhân loại đời đời
Hát bài kinh ngợi tên tươi thắm.

ĐÀO ANH KHA dịch

Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

GHI-BUDAREN

Nhà thơ Pháp

MỘT CỐT CÁCH CỔ ĐIỂN VÀ NHỮNG SÁNG TẠO HIỆN ĐẠI

*Trích bài đăng trên tuần báo
"Văn học" Pháp số ra ngày 6/6/1960*

...

Có nên tiếc rằng trong "con người cụ Hồ Chí Minh, Sự nghiệp vĩ đại của người anh hùng giải phóng dân tộc đã che lấp con người thi nhân? Che lấp nhưng không hề giết chết con người thi nhân đó.

Giữa hai con người - Con người chiến sĩ cách mạng và con người văn nghệ - Con người nào nổi bật nhất trong thơ cụ Hồ? Câu hỏi đó đến với người ta một cách hầu như tự nhiên, nhưng thật ra không có câu hỏi nào hơn. Người chiến sĩ đấu tranh cho độc lập của Việt Nam diễn đạt ý nghĩa, cảm xúc của mình bằng hình ảnh một cách tự nhiên, với cốt cách của một thi nhân. Ở tác giả, con người cách mạng cộng sản và con người nghệ sĩ kiểu mới chỉ là một.

Con người của nhà thơ xuất hiện trong suốt tác phẩm, ngay cả trong kết cấu của câu thơ. Hình thức thì rất cổ điển, nhưng thơ của Cụ không bao giờ chịu bó mình trong khuôn khổ đã được lựa chọn. Chỗ này Cụ dùng một danh từ mới, một tiếng lóng ở nhà tù mà một nhà thơ thuần túy nệ cổ sẽ gạt đi. Nơi khác, một tiếng thét "bất bình" phá vỡ khuôn khổ cổ điển của bài thơ từ

tuyệt, gần như ta đem một câu thơ vài chữ gắn thêm vào cuối một bài sonnet đầy uất hận.

Nhà thơ Hồ Chí Minh đã sử dụng tài tình mọi hình thức hành văn, từ những nét đơn sơ sốt dẻo ghi được trong lúc đi đường đến ngọn bút họa cảnh tỳ mỷ của một nhà văn điêu luyện, từ những lời mỉa mai thâm thía đến những câu hài hước hiền từ, phối hợp thơ cổ điển tinh túy với sáng tạo táo bạo. Trong tập *Nhật ký trong tù*, mọi thứ đều sinh động, kể cả những bức tranh ta vẫn thường gọi là tĩnh vật.

*“Nghiên cứu học tập thơ văn Hồ Chí Minh” -
Nhà xuất bản Khoa học xã hội HN 1979.*

RÔMAN CÁC MEN

Đạo diễn điện ảnh Nga (*Liên Xô*)

BÁC HỒ TRONG TÂM KHẢM NHỮNG NHÀ ĐIỆN ẢNH XÔ-VIỆT

Chiếc máy bay dân dụng hạ cánh xuống sân bay Nam Ninh tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc). Cánh cửa từ từ mở. Một mái tóc bạch kim lộ ra khỏi cửa. Đó là mái tóc của nhà đạo diễn phim tài liệu Liên Xô Rô-man Các-men. Anh là một đạo diễn kiêm quay phim đã có mặt ở nhiều nơi và ghi được khá nhiều những sự kiện lịch sử vĩ đại. Anh đã sang Tây-ban-nha với đội quân quốc tế ủng hộ nhân dân Tây-ban-nha chống bọn phát xít. Anh đã có mặt ở Diên An trong giai đoạn gay go và ác liệt của Hồng quân Trung Quốc chiến đấu với thế lực phản động Tưởng Giới Thạch. Anh đã theo Hồng quân Liên Xô tiến vào Béc-ling tiêu diệt đến tận sào huyệt tên trùm phát-xít Hít-le. Anh đã qua Ấn Độ và nhiều nơi khác.

Lần này anh sang Việt Nam với hai nhà quay phim kỳ cựu của Xưởng phim tài liệu trung ương Mát-xcơ-va là Ê-su-rin và Mu-khin.

Các nhà quay phim Liên Xô sang Việt Nam rất đúng lúc. Lúc đó là vào năm 1954, chiến dịch Điện Biên Phủ đang làm chấn động khắp năm châu, và cũng là thời kỳ gay go quyết liệt nhất. Tướng Đơ Cát-xơ-ri cố bám lấy Điện Biên Phủ và huênh hoang tuyên bố thách thức quân ta đánh vào Điện Biên. Trên các báo chí khắp năm châu nói đến Việt Nam là nói đến Điện Biên Phủ.

Vì lẽ đó các đồng chí điện ảnh Liên Xô có mặt ở Việt Nam.

Sau những phút gặp nhau rất nồng nhiệt, Rô-man Các-men dồn dập hỏi tôi:

- Từ sân bay này về Việt Nam còn xa không? - Đồng chí đã được gặp đồng chí Hồ Chí Minh lần nào chưa? - Chúng tôi có thể gặp đồng chí Hồ Chí Minh ngay được không? - Trung ương Đảng và đồng chí Hồ Chí Minh ở trong rừng cả à? - Làm việc ở trong rừng có điện không?

Tôi hỏi lại Rô-man Các-men:

- Trước kia đã có lần nào đồng chí được gặp Bác Hồ chúng tôi chưa?

Rô-man Các-men cười và trả lời:

- Tôi đã được vinh dự quay phim đồng chí Hồ Chí Minh trong một cuộc hội đàm quan trọng, nhưng đồng chí Hồ Chí Minh không biết tôi, và tôi chỉ làm xong nhiệm vụ rồi đi ra.

Nói xong Rô-man Các-men chỉ hai đồng chí Ê-su-rin và Mu-khin nói: cả ba chúng tôi trước khi sang Việt Nam có nghiên cứu một số sách báo và phim tư liệu về Việt Nam, nhưng hiểu về Việt Nam còn ít quá. Chúng tôi rất tự hào và lấy làm vinh dự vì chúng tôi là ba người công dân Xô-viết đầu tiên được sang đất Việt Nam anh hùng. Lần này sang Việt Nam, chúng tôi ước mong ghi được những hình ảnh của đất nước Việt Nam giàu đẹp, con người Việt Nam anh hùng để giới thiệu với nhân dân Liên Xô chúng tôi và nhân dân thế giới.

Về đến căn cứ địa Việt Bắc, Rô-man Các-men, Ê-su-rin và Mu-khin được đồng chí Tô Hữu đón tiếp ngay. Nguyên vọng của các anh là được gặp Bác Hồ. Ngày nào Rô-man Các-men cũng nhắc tôi cố xin được gặp Bác, sớm phút nào tốt phút nấy.

Mấy ngày sau đó tôi thấy Các-men không cạo râu. Tôi hỏi:

- Anh buồn nhớ gia đình hay sao mà không cạo râu?



Chủ tịch Hồ Chí Minh nói chuyện với đạo diễn kiêm quay phim tài liệu Liên Xô Rô-man Các-men tại chiến khu Việt Bắc khi ông sang làm bộ phim tài liệu “Việt Nam” nói về cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược (5/1954)

- Ảnh: Đinh Đăng Định

Rô-man Các-men trả lời:

- Ở đất nước Việt Nam sao lại buồn?

Tôi nói đùa:

- Anh trả lời khách sáo rồi!

Rô-man Các-men kéo tôi ngồi gần anh và nói:

- Tôi để râu làm món quà tặng vợ tôi đây. Tôi đã hứa với vợ tôi là sang đến Việt Nam tôi sẽ để râu cho đến khi về Mát-xcơ-va mới cạo.

Một buổi tối, Các-men đang giới thiệu với chúng tôi đề cương kịch bản của anh về phim *Việt Nam trên đường thắng lợi*, thì đồng chí liên lạc đến báo sáng hôm sau Bác Hồ sẽ gặp các đồng chí điện ảnh Liên Xô. Tôi báo tin vui ấy cho Rô-man Các-men biết. Anh ôm lấy tôi hôn rồi báo hai đồng chí Ê-su-rin và Mu-khin chuẩn bị phim, máy cho thật tốt để sáng hôm sau lên gặp Bác Hồ.

Hôm sau, Rô-man Các-men dậy rất sớm. Tôi thấy anh đang cạo râu. Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Anh bảo khi nào về Mát-xcơ-va mới cạo râu cơ mà? Rô-man Các-men cười và trả lời:

- Cả đêm hôm qua tôi thao thức không ngủ được. Tôi đành sai lời hứa với vợ, nhưng không thể để bộ râu như thế này lên gặp Bác Hồ được! Không thể được!

Đồng chí liên lạc đưa chúng tôi đến nhà Bác, một căn nhà sàn bằng gỗ bên cạnh suối. Phong cảnh rất đẹp, rất thơ. Các đồng chí điện ảnh Liên Xô vô cùng xúc động về sự niềm nở và thân mật của Bác Hồ. Bác hỏi thăm từng người về sức khỏe, gia đình, công việc. Bác nói tiếng Nga không cần người dịch. Không khí rất vui, rất thân mật. Nói chuyện với các đồng chí Liên Xô một lúc lâu, Bác quay sang hỏi tôi: Chú có biết tiếng Nga không?

Tôi trả lời: Thưa Bác cháu hiểu lồm bồm.

Bác bảo tôi, phải học đến nơi đến chốn, không thể hiểu lồm bồm được. Thí dụ người ta bảo: “Không bằng lòng, chú hiểu lồm bồm có hai chữ “bằng lòng”, còn chữ “không” chú không hiểu thì nguy hiểm. Nói xong Bác lại dịch câu của Bác vừa dạy tôi ra tiếng Nga với các đồng chí Liên Xô. Tất cả cùng cười vui vẻ.

Hôm ấy Bác cho chúng tôi ăn cơm. Sau bữa cơm, Bác lại cho uống sâm-banh chiến lợi phẩm từ chiến dịch Cao-Bắc-Lạng năm 1950. Lúc này đang là lúc quyết liệt nhất và cũng là giờ phút vinh quang nhất của chiến dịch Điện Biên Phủ, làm chấn động dư luận khắp năm châu.

Ngày hôm ấy, Rô-man Các-men, Ê-su-rin và Mu-khin quay rất nhiều, quay toàn cảnh nhà Bác Hồ, quay Bác làm việc, rồi quay những tĩnh vật trong nhà Bác: cái giường gỗ cá nhân đơn giản, tấm chăn dạ, chiếc gối đơn, tấm màn vải mộc, chiếc tủ gỗ mộc trong có hai bộ quần áo ka-ki, đôi dép lốp cao su. Tất cả những cái đó nói lên sự hy sinh suốt đời của Bác, sự cao cả, sự thanh bạch, đơn sơ của một tâm hồn vĩ đại.

Rô-man Các-men nói với tôi: Điều rất đáng tiếc của chúng tôi là cả cuộc đời hoạt động của Lê-nin vĩ đại, chúng tôi chỉ quay được chừng vài trăm thước phim. Sự thiếu sót ấy không có cách nào sửa được. Tôi khuyên các đồng chí nên tranh thủ quay nhiều về những hoạt động của đồng chí Hồ Chí Minh. Nếu các đồng chí để qua thì sẽ thiếu trách nhiệm với lịch sử, với các thế hệ mai sau, mà không có cách nào gỡ được.

Khi ra về, Bác Hồ ân cần căn dặn chúng tôi cố gắng mà học tập, mà làm việc cho tốt. Cũng trong dịp này, Rô-man Các-men cũng sẵn sàng trao những kinh nghiệm làm phim của anh với chúng tôi, và mạnh dạn đưa phim, đưa máy cho một số anh em

quay phim Việt Nam quay những thước phim màu đầu tiên, góp một phần nhỏ trong bộ phim *Việt Nam trên đường thắng lợi*.

Năm 1961, tôi lại có dịp sang Mát-xcơ-va dự Đại hội Liên hoan phim quốc tế lần thứ hai, Rô-man Các-men ra ga đón đoàn đại biểu điện ảnh Việt Nam. Câu đầu tiên anh hỏi tôi là về sức khoẻ Bác Hồ. Anh vui vẻ nói với tôi là anh vừa đi Cu-ba để làm phim về đất nước Cu-ba anh hùng.

Anh nói tiếp: nhân dân Liên Xô chúng tôi có hai người bạn lớn mà tôi có vinh dự được gặp. Đó là đồng chí Hồ Chí Minh và đồng chí Phi-đen Cát-xtrô.

Tôi vẫn gửi một phần trái tim của tôi ở Việt Nam cũng như ở Cu-ba và không bao giờ quên được.

PHẠM VĂN KHOA ghi
Số 565 (30/8/1974)

RÔMAN CÁC-MEN

Đạo diễn điện ảnh Nga (*Liên Xô*)

MỘT NGHỆ SĨ NGÀ CHỤP ẢNH BÁC HỒ

Rô-man Các-men (1906 - 1978), nhà điện ảnh chính luận nổi tiếng của Liên Xô trước đây, là tác giả nhiều bộ phim có tiếng vang như: *Tây Ban Nha* (1936 - 1939), *Béc-lin* (1945) *Toà án Quốc tế Nu-ren-be* (1947), *Hòn đảo rực lửa* (1961) và bộ phim tài liệu sử thi cuối cùng dài 20 tập “*Cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại*”. Ông còn là một nhà nhiếp ảnh quen thuộc.

Cách đây 43 năm, Các-men đã sang quay phim ở Việt Nam, giữa lúc chiến dịch Điện Biên Phủ đang diễn ra quyết liệt. Ngay trong những ngày đầu đặt chân tới Việt Nam khỏi lửa, ông vinh dự được gặp Bác Hồ. Ngoài phim “*Việt Nam trên đường thắng lợi*”, ông đã hoàn thành cuốn “*Ánh sáng trong rừng sâu*”, trong đó kể lại những kỷ niệm về Chủ tịch Hồ Chí Minh mà ông “*ghi nhớ suốt đời, mãi mãi để lại trong tâm trí và trái tim dấu vết sâu sắc có một không hai*”.

R.Các-men kể:

“Một con đường nhỏ hẹp len lỏi giữa các lùm cây chằng chịt trong rừng rậm mà chỉ những người dẫn đường mới biết. Nó chạy sát một sườn núi dựng đứng, phía dưới là dòng suối róc rách. Chúng tôi đi sâu vào một khu rừng rậm rạp với những cây tre, cây cọ và chuối rừng tỏa hương thơm ngát. Giữa những lùm

cây là ngôi nhà tre của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trông không khác gì hàng nghìn ngôi nhà của nông dân Việt Nam. Nền đất mái lá cọ, không có vách, xung quanh là rừng, là tiếng chim hót, là những tàu cọ kêu xào xạc, những thân tre cọt két...

- Chủ tịch Phủ đây!

Người mặc quần áo nông dân bước xuống đón chúng tôi và mỉm cười nói về ngôi nhà của mình. Nếu mấy ngày trước chúng tôi có gặp Chủ tịch ở đường hoặc ở ngoài ruộng, thì sẽ tưởng rằng đó là một nông dân giản dị. Bây giờ tôi nhận ra ngay khuôn mặt thanh tao quen thuộc qua nhiều bức ảnh, chòm râu thưa và nụ cười tươi tắn, cởi mở.

- Chào các đồng chí! Các đồng chí có khoẻ không?

Người hỏi vui vẻ, chìa hai bàn tay bắt tay chúng tôi và mời chúng tôi vào nhà. Ngay từ phút đầu tiên, tôi cảm thấy đã biến mất cái cảm giác hồi hộp trước cuộc gặp gỡ nhà cách mạng kiệt xuất của Đông Dương, của quốc tế.

Tôi nhìn qua gian phòng làm việc của Người. Những chồng báo và những tạp chí mới trên bàn làm việc, bên cạnh là chiếc máy chữ. Tám chiếu cói trải trên sàn nhà làm giường nằm. Người không dùng thư ký, tự mình đọc và xử lý khối lượng lớn báo chí, tài liệu, tự trả lời, tự đánh máy.

Chủ tịch Hồ Chí Minh kể cho chúng tôi nghe về chiến dịch Điện Biên Phủ, một chiến dịch mà thắng lợi của nó mang một ý nghĩa lịch sử thật to lớn. Người cũng sôi nổi nói về tình cảm yêu mến của nhân dân Việt Nam đối với quê hương của Lenin:

- Các đồng chí là những người Xô Viết đầu tiên đến đất nước chúng tôi. Các đồng chí sẽ thấy tình cảm ấy ở mọi nơi.

Người nói chuyện bằng tiếng Nga. Chúng tôi hỏi:

- Chủ tịch học tiếng Nga có khó không?

Người đáp:

- Người cách mạng phải nắm được ngôn ngữ của Lenin.
- Chủ tịch làm việc mỗi ngày bao nhiêu tiếng?
- Buổi sáng chim đánh thức tôi, còn buổi tối tôi đi ngủ sao hiện trên trời.

Nhưng, không hẳn như vậy. Sau này, chúng tôi thấy nhiều đêm Người chống gậy đi với đồng chí bảo vệ, quần xắn cao, dưới ánh đuốc, trên con đường hẻm trong rừng. Chủ tịch đến một bản xa nào đó trong núi hoặc đi họp Hội đồng Chính phủ về muộn.

Gần như cả ngày đầu tiên chúng tôi được ở bên Bác Hồ, thỉnh thoảng Người xin lỗi ra bàn làm việc để đọc thư khẩn hoặc nói điện thoại. Những lúc ấy Người đưa cho chúng tôi tập báo chí Pháp mới đến hoặc đề nghị chúng tôi dạo quanh “dinh” của Người.

Người nói: Chúng ta sẽ còn gặp nhau luôn. Quả vậy, tôi không những được đến thăm mà còn được đi công tác với Người. Có một lần, tại vùng căn cứ tôi theo Người vượt một đoạn đường rừng đến dự một cuộc họp quan trọng. Đường xa, đi bộ đã mỏi, Bác dừng lại giữa đường hỏi:

- Đồng chí có mệt không?
- Thưa Chủ tịch... xin thú thật là cũng hơi mệt.

Bác Hồ cười và nói:

- Tôi biết là đồng chí mệt. Cả tôi cũng vậy, nhưng dầu sao thì chúng ta hãy cố gắng đi cho tới đích.

Tôi hiểu câu nói ý nhị đó. Cái đích mà Bác Hồ nói không chỉ là cuộc hội nghị mà còn là cái đích thắng lợi của cuộc kháng chiến mà nhân dân Việt Nam tiến hành từ bấy lâu nay. Người châm một điếu thuốc và đưa cho tôi. Biết tôi là người nghiện thuốc, Bác giao cho đạo diễn Phạm Văn Khoa phải lo kiếm thuốc cho tôi hút...

Tôi đã trân trọng đề nghị Người cho phép chụp ảnh ngôi nhà của Người trong rừng sâu. Người đồng ý. Bộ ảnh về “Phủ Chủ tịch” này biết đâu sẽ có ngày được sử dụng như những tư liệu vô giá, khi nói về Cách mạng Việt Nam? Và tôi cũng đã chụp ảnh Người - khi đang đi trên đồng lúa, đang leo núi, đang lội suối... Tôi biết rằng sẽ không bao giờ tôi còn gặp cơ hội như thế nữa. Thời kỳ “ở rừng” kéo dài 8 năm chỉ còn lại vài ngày thôi. Ở tuổi 64 của Chủ tịch, với chiếc gậy trúc, Người đã đi hàng ngàn kilômét trên mọi nẻo đường của đất nước mà không hề biết mệt. Thế đấy, những cảnh tôi đang chụp đã và sẽ mãi mãi đi vào lịch sử...”

DƯƠNG TUẤN HOA

Tạp chí Nhiếp ảnh 1(111)/1-2.1997

RÔMAN CÁC MEN

Đạo diễn điện ảnh Nga (*Liên Xô*)

ĐỒNG CHÍ HỒ CHÍ MINH

Những ngày đầu xuân năm 1954 chúng tôi rời khỏi Mạc-tư-khoa vượt hàng vạn cây số để sang Việt Nam trôi qua rất chóng. Chúng tôi đi theo một lối mòn chật hẹp, xuyên qua những khu rừng rậm của vùng nhiệt đới. Từ biên giới Trung - Việt trở đi, chúng tôi chỉ mới được nhìn lướt qua đất nước Việt Nam, nhưng mỗi anh em trong đoàn ba người Xô-viết chúng tôi đều đã cảm thấy sự thử thách vĩ đại đè lên vai một dân tộc, tám năm nay đã đứng lên đấu tranh giành tự do và độc lập.

Chúng tôi đã thấy những làng mạc bị bom na-pan đốt cháy thành tro tàn, những xác trâu bò cháy đen trên các đồng lúa, những trẻ em bị giết chết trên nôi. Chúng tôi đã thấy nhân dân, già, trẻ, gái, trai, sửa chữa những con đường và những chiếc cầu bị máy bay địch phá hoại. Trên khuôn mặt của họ ta đọc thấy những nét bình tĩnh, lòng tin dũng cảm vào chính nghĩa của mình, quyết tâm chiến đấu. Trong những ngày ấy chúng tôi đã từng nhiều lần được nghe từ miệng của những cụ già và em bé, của anh em bộ đội và chị em phụ nữ hai tiếng “Bác Hồ”.

Có những lần gặp gỡ mà sau đó chúng tôi nhớ mãi suốt đời. Đó cũng là ý nghĩ của chúng tôi lần đầu tiên được gặp Hồ Chủ tịch.

Chúng tôi đi lần theo một con đường núi, dốc đứng. Dưới vực, một con suối chảy ào ào. Qua hết con đường ấy lại chui vào một quãng rừng tre, cọ và chuối rừng, từ các thân cây bốc lên

một mùi nồng dịu. Vượt khỏi quăng rừng, chúng tôi thấy một ngôi nhà nhỏ. Từ bên trái nhà bóng một người ăn mặc theo lối nông dân - một chiếc sơ-mi vải nâu cài cúc trắng - ra đón chúng tôi. Vẻ mặt thanh thanh, hiền từ, nụ cười thân mật quen thuộc mà chúng tôi đã được nhìn qua các bức ảnh.

- Chào các đồng chí. Thế nào khỏe chứ? - Người vui vẻ đưa cả hai tay ra bắt tay chúng tôi và mời chúng tôi vào ngôi nhà tre nhỏ bé.

Và ngay từ đầu, khi chúng tôi đã quây quần quanh chiếc bàn bằng ván ghép, phe phẩy những chiếc quạt lá cọ, ngay từ những lời đầu tiên của câu chuyện thân mật đậm đà, chúng tôi đã cảm thấy tan mất nỗi hồi hộp và cảm động trong lòng trước đây, trong khi chúng tôi chờ đợi được gặp vị Chủ tịch của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Ngôi nhà nhỏ bé của Hồ Chủ tịch không khác gì trăm nghìn ngôi nhà khác của nông dân Việt Nam. Đúng hơn thì nên gọi ngôi nhà ấy là một “ngôi nhà đất”: nền bằng đất, mái bằng lá cọ, không có một mảnh tường nào. Xung quanh là rừng, tiếng chim ríu rít, tiếng lá chuối soàn soạt và tiếng tre kẽo kẹt nghe thâm lặng. Hồ Chủ tịch cười đưa tay chỉ ngôi nhà đơn sơ và bảo chúng tôi: “Đây, dinh Chủ tịch của tôi như thế này đây”. Trên chiếc bàn làm việc thấy những chồng sách báo mới, chiếc máy chữ mà Hồ Chủ tịch thường dùng để tự tay đánh lấy những bài báo của mình, những bài kêu gọi nhân dân và bộ đội. Chỗ ngủ của Người là một chiếc chiếu rải ngay trên nền nhà. Sách vở rất nhiều. Hồ Chủ tịch thông thạo nhiều thứ tiếng của các dân tộc phương Đông và phương Tây. Người nói chuyện với chúng tôi bằng tiếng Nga. Chúng tôi hỏi Người:

- Cụ học tiếng Nga như vậy có khó khăn không?

Người trả lời:

- Người Cách mạng phải biết tiếng nói của Lê-nin.

- Cụ làm việc mỗi ngày mấy giờ?

Người bảo:

- Sáng nào cũng vậy, cứ chim hót là tôi dậy. Tôi đến cứ lúc nào thấy sao mọc trên trời là đi nằm.

Sau này chúng tôi thấy rõ ràng thật ra thì không hẳn như thế. Tôi đã từng được thấy nhiều đêm Hồ Chủ tịch tay chống gậy, đi theo ánh sáng bó đuốc trong tay đồng chí cần vụ, soi đường qua những cánh rừng. Ấy là những lúc Hồ Chủ tịch trở về nhà sau những buổi đi xuống thăm các vùng nông thôn miền ngược hoặc sau những phiên họp dài ngày của Hội đồng Chính phủ, sau những buổi họp mặt với nhân dân.

Chính ở nơi này, trong núi rừng Việt Bắc, trong các chiến dịch, trong công việc bận rộn đến căng thẳng, Hồ Chủ tịch đã sống tám năm, nghĩa là suốt cả thời kỳ chiến tranh gian khổ. Trung tâm cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam đều tập trung trong các khu rừng nhiệt đới này, trong núi rừng Việt Bắc. Ở đây đã dựng lên các công binh xưởng, các nhà máy giấy, nhà in lớn, các trường Đại học, phòng thí nghiệm khoa học, các Bộ, các cơ quan. Tôi đã đọc thấy trong một tờ báo phản động một đầu đề nhạo báng “Chính phủ của núi rừng”. Dịch muốn chế diễu ta. Nhưng trải qua mấy tháng sống ở Việt Nam trong thời kỳ chiến tranh, chúng tôi đã được dịp thấy rõ Chính phủ và Trung ương Đảng lao động nước Việt Nam dân chủ cộng hòa luôn luôn gắn chặt với quần chúng nhân dân chiến đấu bằng những sợi dây liên lạc chặt chẽ đến thế nào.

Qua năm thứ tám của cuộc chiến tranh, Hồ Chủ tịch đã thọ 64 tuổi. Nhưng trước mặt chúng tôi là một người đầy cương nghị của tuổi thanh niên. Khuôn mặt xương xương rạm nắng đỏ lên hồng hào, trông rất khỏe mạnh. Và đôi mắt vui vẻ sáng ngời của Người thu hút người tiếp chuyện một cách lạ lùng. Nhưng đôi khi trên đôi mắt hiền từ ấy cũng đọng một nét buồn. Ấy là những

lúc Người nói đến khổ cực của nhân dân hy sinh không bờ bến, những hành vi cực kỳ hung ác của kẻ thù. Người cảm động vâng vâng điều thuốc, trong khóe mắt hiện lên màu ươn ướt, khi chúng tôi nói đến những cử chỉ biểu dương tình hữu nghị, cảm thông và đoàn kết với nhân dân Việt Nam chiến đấu của thanh niên thế giới, công kênh những người anh hùng trẻ tuổi Việt Nam trên tay diễu qua sân vận động trong những ngày hội liên hoan thanh niên thế giới ở Bu-ca-rét.

Giọng Người rất nồng nhiệt khi nói đến lòng yêu mến của nhân dân Việt Nam đối với nhân dân Liên Xô. Người bảo:

- Các đồng chí là những người Liên Xô đầu tiên đến nước chúng tôi. Các đồng chí sẽ cảm thấy lòng yêu mến ấy trên mỗi bước đi.

Trong những năm chiến tranh, Hồ Chủ tịch đã từng đi từ nơi này qua nơi khác, ngày này qua ngày khác, hoặc đi chân hoặc ngồi trên lưng ngựa, nói chuyện đơn giản và thân mật với nông dân trong các làng mạc, trên những cánh đồng. Người vừa cười vừa kể cho chúng tôi nghe câu chuyện gặp hồ ban đêm trên đường. Hồ sợ Người chạy mất. Hồ Chủ tịch ngả đầu sang một bên và bảo:

- Con thú dữ nguy hiểm nhất là bọn thực dân đế quốc. Hồ tuy hung ác nhưng chỉ vồ người lúc đói. Chứ thực dân đế quốc thì vì muốn kiếm lãi, bao giờ cũng tìm cách hút máu người. Người lại tiếp: - Nhưng chỉ hút một cách tuyệt vọng thôi. Chính lũ thú dữ ấy từ lâu cũng đã thấy rằng không thể nào nô dịch và tiêu diệt một dân tộc đứng lên đấu tranh giành tự do.

Suốt đời Hồ Chủ tịch ấp ủ lòng tin mãnh liệt rằng nhân dân Việt Nam sẽ thắng lợi trong công cuộc đấu tranh giành độc lập. Đến nay Người đã cống hiến 45 năm đời mình cho cuộc đấu tranh đó.

Hồ Chủ tịch sinh ở một làng nhỏ tỉnh Nghệ An thuộc miền Bắc Việt Nam, trong một gia đình nho giáo. Ông cụ thân sinh Hồ

Chủ tịch rất căm ghét thực dân, đấu tranh với chúng nên được nhân dân gọi là “Ái Quốc”. Tên gọi ấy ông cụ thân sinh đã đem đặt cho con mình. Nguyễn Ái Quốc - ngày nay gọi là Hồ Chí Minh - ngay từ thuở thanh niên đã bước lên con đường đấu tranh giải phóng dân tộc.

Năm 20 tuổi, Nguyễn Ái Quốc, với ước vọng được nhìn thấy thế giới, đã đi làm thủy thủ trên một chiếc tàu buôn Pháp. Trong khoảng vài ba năm, Người đã đi quanh khắp thế giới. Trong khi đi tìm chân lý của cuộc đời, Người đã biết thế nào là lao động mệt nhọc, đã biết những cảnh túng thiếu. Người đã thấy các dân tộc bị áp bức trên thế giới đấu tranh giành quyền sống của mình. Trong thời gian sống ở Pari, Người đã làm bất cứ việc gì, đã trải qua rất nhiều nghề. Người liên lạc với các tổ chức cách mạng vô sản ở nước Pháp. Sau đại chiến lần thứ Nhất, Nguyễn Ái Quốc tổ chức “Liên đoàn các dân tộc thuộc địa” và bắt đầu xuất bản tờ báo chiến đấu “Người cùng khổ” (Le paria). Trên những trang báo ấy, Người đã đấu tranh anh dũng chống bọn thực dân.

Suốt cả đời Hồ Chủ tịch đã củng cố những liên hệ giữa nhân dân Việt Nam với giai cấp công nhân cách mạng nước Pháp, cùng nhau chiến đấu chống bọn bóc lột, chống bọn đế quốc. Tháng Chạp năm 1920, Người dự hội nghị Tua. Trong hội nghị đó đa số đảng viên Xã hội đã gia nhập Quốc tế cộng sản.

Cách mạng tháng Mười bùng nổ. Người thanh niên Nguyễn Ái Quốc tiếp đón thắng lợi ấy với nỗi vui mừng vô hạn, cảm thấy rằng giai cấp vô sản Nga đã mở cho thế giới một kỷ nguyên mới trong công cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức chống chủ nghĩa đế quốc. Học thuyết Lê-nin mở ra trước nhân dân châu Á con đường đấu tranh giành độc lập dân tộc, giải phóng khỏi ách thuộc địa.

Nguyễn Ái Quốc trở về châu Á để tích cực hoạt động cách mạng. Bọn đế quốc thấy rằng Người là một kẻ thù nguy hiểm

của chúng. Chúng theo dõi từng bước của Người ở khắp tất cả các nước trên lục địa châu Á. Chúng treo nhiều giải rất lớn cho kẻ nào bắt được Người. Nhưng trong suốt một thời gian dài, Người vẫn hoạt động mà chúng không bắt được, lẩn tránh khỏi bọn mật thám ở Trung Quốc, Nam Dương và Mã Lai. Tuy vậy chính quyền Anh đã bắt được Người. Người phải sống gần một năm trong các ngục tù Hương Cảng. Cuối cùng Người đã trốn thoát, và lại tiếp tục hoạt động bí mật.

Năm 1930, Hồ Chủ tịch đã sáng lập Đảng cộng sản Đông Dương, thống nhất tất cả các lực lượng cách mạng trong nước.

Suốt trong bao nhiêu năm, Nguyễn Ái Quốc đã tiến hành đấu tranh không ngừng, tập hợp các lực lượng cách mạng các dân tộc ở Đông Dương. Dưới tên gọi mới là Hồ Chí Minh, Người tiến hành công việc tổ chức quần chúng nhân dân Việt Nam, thành lập “Việt Nam độc lập đồng minh hội” gọi tắt là Việt minh.

Trong thời gian chiến tranh ở Việt Nam, tôi đã đi trên những nẻo đường cảnh đẹp như tranh của núi đồi Việt Bắc. Những người bạn cùng đường đã chỉ cho tôi xem một ngôi nhà lớn, nổi bật một mình giữa những cánh đồng lúa. Nơi đây tháng 8 năm 1945 Hội nghị các đại biểu nhân dân đã tổ chức Chính phủ lâm thời Việt Nam đứng đầu là Hồ Chủ tịch. Người đã vượt qua nhiều núi đèo, đi bộ từ Trung Quốc trở về đây sau khi đã bị giam trong các ngục tù của Tưởng Giới Thạch.

Trong những ngày ấy Hồng quân Liên Xô bắt đầu tấn công quân đội Nhật Bản ở Mãn Châu.

Trong lời kêu gọi nhân dân đứng lên khởi nghĩa chống bọn phát xít Nhật hung ác, Hồ Chủ tịch đã nói: “Giờ hành động quyết liệt của chúng ta đã đến!”

Ngày 02 tháng 9 năm 1945 ở Hà Nội. Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tuyên bố thành lập, do Hồ Chủ tịch lãnh đạo.

Bọn đế quốc nuốt lời, dùng hành động khiêu khích phản bội hiệp ước thừa nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, gây cuộc

chiến tranh đổ máu chống nhân dân Việt Nam. Khi thấy rằng không còn khả năng ngăn ngừa chiến tranh, gìn giữ hòa bình, Hồ Chủ tịch đã kêu gọi nhân dân toàn quốc đứng lên kháng chiến chống quân đội viễn chinh Pháp, xâm phạm đến những quyền lợi mà nhân dân đã giành được trong Cách mạng tháng Tám.

Tuy thiếu khí giới nhưng vẫn tin tưởng vững chắc vào thắng lợi cuối cùng, nhân dân Việt Nam đứng lên đấu tranh bảo vệ nền độc lập của mình. Trong những ngày đen tối ấy, Hồ Chủ tịch đã gửi nhiều điện văn cho Lê-ông Bơ-lum, Thủ tướng Chính phủ Pháp lúc ấy, kêu gọi chấm dứt cuộc đổ máu, cùng nhau đàm phán. Lê-ông Bơ-lum không lên tiếng trả lời.

Những năm chiến tranh, những thử thách gian khổ, những hi sinh vô cùng to lớn không làm sứt mẻ chí nhân dân Việt Nam cao quý và anh dũng. Với những súng kíp, những gậy tầm vông, các đội quân chính quy và dân quân du kích đã chiến đấu chống một kẻ thù mà đằng sau là cả một lực lượng quân sự hùng hậu của Mỹ. Qua mỗi năm chiến tranh giải phóng, Quân đội nhân dân Việt Nam càng vững mạnh, cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam càng phát triển rộng rãi vì họ hiểu rằng cùng với họ có hàng triệu chiến sĩ hòa bình trên toàn thế giới, hàng triệu nhân dân Pháp có thiện chí cũng chiến đấu cho hòa bình ở Việt Nam. Chính phủ cộng hòa dẫn đầu toàn dân chiến đấu, dựa trên lực lượng của Mặt trận dân tộc thống nhất. Cuộc kháng chiến đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng lao động Việt Nam, được sự yên mến và tin cậy của quần chúng nhân dân.

Đã bao nhiêu lần, mỗi khi gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh tôi đều lấy làm ngạc nhiên trước nghị lực mãnh liệt và sức chịu đựng của con người mảnh khảnh với nét mặt thanh thanh ấy, trước tính tình đơn giản của Người, niềm vui sống tỏa ra và lôi cuốn cả mọi người xung quanh. Tôi còn nhớ hình dáng của Người phi nước đại trên lưng con ngựa mướt lông và tính hay lòng, cúi rạp mình xuống tận bờm giữa lúc đang phóng nhanh

gặp phải cành tre chằng chịt mây và dây leo ngả cong trên đường mòn. Người không biết mệt lúc đi bộ, không chậm bước lại lúc nào, dù là lúc trèo qua những quãng đường rất dốc hoặc lúc lội qua những khe suối trong rừng.

Tôi đã được chính mắt trông thấy Người vượt qua 18 cây số đường bộ dưới nắng hè gay gắt không hề nghỉ, đứng lên diễn đàn trong buổi hội nghị các cán bộ Đảng, giơ hai tay lên và vỗ mạnh xuống - một cử chỉ quen thuộc của Người - để ngắt những tiếng hoan hô trong phòng họp và bắt đầu bài nói chuyện, kéo dài suốt trong một tiếng rưỡi đồng hồ. Đó là ngày 22 tháng 7 năm 1954, ngày chấm dứt cuộc chiến tranh ở Đông Dương. Hồ Chủ tịch nói chuyện với cán bộ về chương trình công tác của Chính phủ trong giai đoạn mới, giai đoạn đấu tranh giành độc lập và thống nhất dân tộc trong hoàn cảnh hòa bình.

Hôm sắp rời khỏi đất nước Việt Nam, chúng tôi đã đến từ biệt đồng chí Hồ Chí Minh tại Chủ tịch phủ ở Hà Nội. Xe chúng tôi lướt qua giữa bộ đội gác đứng nghiêm và chạy vào cổng lớn. Bánh xe rào rào tiếng sỏi trên con đường tráng lệ chạy thẳng đến dãy bậc tam cấp bằng cẩm thạch. Thật là long trọng. Hoàn cảnh mới của lần gặp gỡ cuối cùng này với Hồ Chủ tịch làm chúng tôi hồi hộp: chúng tôi đã quen gặp Người trong thời gian chiến tranh trong rừng núi, trên một quãng đường mòn, giữa một đơn vị bộ đội, trong một trạm quân y.

Chúng tôi càng hồi hộp hơn nữa vì gặp Hồ Chủ tịch lần này chính là lần chúng tôi giã từ đất nước và nhân dân Việt Nam mà chúng tôi cảm thấy rất gần gũi với lòng mình.

Nhưng chiếc xe đã vượt qua dãy cột cao của Chủ tịch phủ theo con đường của khu vườn.

Ở tận cuối khu vườn, lẫn trong bóng mát, có một ngôi nhà nhỏ có vẻ như ngôi nhà của người gác cổng hay người coi vườn. Và lần này cũng như lần nào trên núi rừng Việt Bắc, đồng chí Hồ Chí Minh lại ra gặp chúng tôi. Vẫn bộ quần áo nông dân ấy. Vẫn

đôi dép cao su đế bằng lớp ô-tô ấy và vẫn nụ cười ấy. Chỉ khác là lúc này trên vai Người khoác thêm một chiếc áo nhà binh. Hôm ấy là vào một ngày tháng Chạp...

Và chúng tôi cảm thấy hầu như mình chưa sống những tháng chiến tranh rộn rã trên đất nước Việt Nam này. Chủ nhân căn nhà của người coi vườn này vẫn hóm hỉnh, vui vẻ và hậu khách như trước, đôi mắt hiền từ vẫn chiếu sáng ngời, và trên đôi mắt ấy vẫn thoáng đọng một nét buồn khi Người nhắc đến nỗi khổ cực của hàng triệu nhân dân bên kia vĩ tuyến 17, nơi đầy rẫy khủng bố và tù ngục, và bọn đế quốc đang làm tất cả những cái gì có thể làm để phá hoại hòa bình đã tranh thủ được. Hồ Chủ tịch bảo:

- Nhân dân miền Nam chịu nhiều đau khổ đang hướng về chúng tôi đầy hy vọng. Họ tin tưởng rằng chúng tôi sẽ đấu tranh đến thống nhất Tổ quốc. Nhân dân Việt Nam hiểu rằng mình có hàng triệu người bạn trên khắp thế giới, ở Pháp, ở Liên Xô.

Tôi lại nhớ đến lần gặp gỡ đầu tiên trong rừng núi. Hôm ấy chúng tôi đem từ Mạc-tư-khoa đến một cuộn phim về ngày kỷ niệm mừng 1 tháng 5 ở Hồng trường. Khi trời đã tối, nhân viên ở các cơ quan Chính phủ, anh em bộ đội bảo vệ, các chị phụ nữ, các em thiếu nhi đều đến tập hợp đông đúc. Tấm màn trắng được căng lên giữa hai gốc tre...

Dưới chân điện Cờ-rem-lanh, Hồng quân đứng từng dãy dài, chuông đồng hồ ngân vang từng tiếng. Và tiếng âm âm của từng loạt đại bác hoà lẫn với tiếng núi, tiếng gầm của thú rừng trong bóng đêm mù mịt bao phủ núi rừng.

Mọi người đều ngược nhìn không chớp mắt lên màn bạc, trông Hồng quân hùng dũng bước đi theo điệu nhạc mạnh mẽ, trông những chiếc khu trục phản lực lướt đi trên trời như chớp. Một rừng cờ đỏ rực rỡ, một bể hoa! Và những tiếng hô "hu ra!" vang dội trên tường điện Cờ-rem-lanh hòa lẫn với những tiếng hô khẩu hiệu, những tiếng vỗ tay ở đây trong đêm tối nồng nực

của vùng nhiệt đới. Anh em bộ đội Việt Nam hoan hô Hồ Chủ tịch khi trông thấy chân dung của Người trôi đi trong dòng sông hoa lá trên đầu các công nhân Mạc-tư-khoa. Khi cuộn phim đã dứt, Hồ Chủ tịch đứng lên bảo:

- Chúng ta vừa nhìn thấy hình ảnh Mạc-tư-khoa, ngọn đuốc của toàn thế giới. Chúng ta vừa nhìn thấy những máy bay tốt nhất hoàn cầu, bay nhanh hơn tiếng động. Khi chúng ta trông những máy bay của địch, chúng ta sôi sục căm phẫn vì trên những cánh đen của chúng, chúng mang theo nô dịch và chết chóc. Máy bay Liên Xô là chim bồ câu hòa bình. Hôm nay, một lần nữa chúng ta lại cảm thấy tình hữu nghị vĩ đại và lòng mến yêu của hàng triệu người dân Liên Xô đối với nước ta, đối với nhân dân Việt Nam.

“Nhờ các đồng chí chuyển lời chào Mạc-tư-khoa” đó là lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh nói với chúng tôi khi Người đứng trên bục cửa căn nhà nhỏ bé ở Hà Nội.

Hoan hô Chủ tịch Hồ Chí Minh, hoan nghênh nhân dân Việt Nam anh dũng! Đó là tiếng nói của Mạc-tư-khoa, của hàng trăm triệu người dân Liên Xô hôm nay trong buổi tiếp đón các vị khách thân mến, Đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa.

*(Bài của Các-men đăng trong báo “Văn học”
của Hội các nhà văn Liên Xô, tháng 3-1955)*

CHARLIE CHARPLIN

Đạo diễn điện ảnh gốc Anh

TÌNH BẠN GIỮA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀ CHARLIE CHARPLIN

NHỮNG DẤU ẤN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG
LỊCH SỬ ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM

1. Cuộc gặp gỡ lịch sử giữa hai con người đi tìm chân lý "Anh Ba" đầu bếp và "Vua hề Sác-lô".

Vào năm đầu thập kỷ thứ hai của thế kỷ XX một thanh niên Việt Nam ra đi tìm đường cứu nước trên một chiếc tàu của Pháp chạy trên các đại dương từ châu Á đến châu Mỹ, châu Phi... Người thanh niên ấy có biệt danh là "anh Ba", làm phụ bếp trên tàu. Khi con tàu đang lênh đênh trên các hải cảng Mác-xây, Niu-oóc, Bô-xton, Luân-đôn... thì anh Ba phát hiện ra một tài tử xi - nê rất nổi tiếng - Vua hề Sác-lô cũng đang có mặt trên con tàu. Vào những năm 20 đầu thế kỷ trước, các rạp xi - nê ở Hà Nội hay các rạp chiếu bóng ở Sài Gòn chợ Lớn, khách sạn Pa-la-xơ đông đảo người mê xi - nê đến xem các bộ phim hài hước của Vua hề Sác-lô. Cũng như mọi người, "anh Ba" rất mê phim hài Sác-lô. Trên con đường đi tìm chân lý của cuộc sống, hai con người "cùng khổ" này - mà sau này trở thành hai nhân vật vĩ đại của thế kỷ XX - đã gặp nhau trên biển cả. Chúng ta hãy nghe Giê-ga-lơ-din Sá-pơ-lin - con gái của nhà đạo diễn nổi tiếng thế giới Sác-lô Sá-pơ-lin kể lại

cuộc gặp gỡ lịch sử đó: "... Cha tôi đã đi du lịch trên con tàu có một thanh niên Việt Nam làm phụ bếp, tên là "Ba". Về sau này Cha tôi có kể lại với tôi rằng khi ông Hồ Chí Minh (tất nhiên lúc ấy chưa có tên và cương vị như bây giờ), gửi cho Cha tôi một bức thư khi Người biết Cha tôi đang ở trên tàu với cương vị một hành khách. Hồi đó những phim do Cha tôi thực hiện đã rất thành công. Câu chuyện xảy ra như thế này - anh phụ bếp "Ba" hỏi Cha tôi rằng liệu anh có thể chụp chung với Cha tôi một bức ảnh không? Với Cha tôi sự việc được giải quyết rất nhanh. Người lập tức bước xuống hầm tàu đến khu bếp tìm gặp anh phụ bếp trẻ vốn khâm phục và muốn gặp mình. Cha tôi và anh nói chuyện với nhau, cuối cùng ngồi xuống ăn cơm chung với tất cả các anh làm bếp. Đây là lần gặp gỡ thứ nhất giữa "anh Ba" và "Vua hề Sác-lô".

Cuộc gặp gỡ giữa "anh Ba" đầu bếp và "Vua hề Sác-Lô" không phải ngẫu nhiên mà bắt nguồn từ lòng say mê tài năng của một thiên tài xi - nê trước đó của "anh Ba". Những tác phẩm điện ảnh của Sác-lô Sá-pơ-lin được phổ biến trên thế giới thời ấy đã gây ra những tiếng cười sảng khoái đầy tính nhân văn ở khắp nơi, khắp chốn, thâm nhập cả vào từng gia đình, vì vậy nó đã trở thành một thứ ngôn ngữ giao tiếp, giao lưu văn hoá, vượt ra ngoài mọi biên giới. Như Kiốt Roa đã nói: "Nghệ thuật là con đường ngắn nhất đi từ con người đến con người". Sự kiện "anh Ba" - chủ động tìm đến "Vua hề Sác-lô" để trân trọng và tán thưởng đã làm cho các nhà điện ảnh Việt Nam rất xúc động và tự hào về sự nhạy cảm và tình yêu của một con người Việt Nam đối với một môn nghệ thuật còn rất mới mẻ và xa lạ đối với một dân tộc đang sống trong sự tăm tối của chế độ thực dân Pháp. Họ còn phát hiện ra một điều rất quan trọng là bên trong một nhà yêu nước vĩ đại - mà sau này trở thành người đứng đầu một quốc gia - Hồ Chí Minh còn có một tình yêu nghệ thuật của một người nghệ sĩ. Và các thế hệ điện ảnh sau này đều cảm thấy mọi to

duyên giữa "anh Ba" với "Nghệ thuật thứ bảy" ngày ấy như những dấu chân đầu tiên trên "con đường mòn Hồ Chí Minh" trong lịch sử Điện ảnh Việt Nam.

Điều chứng minh cho tình yêu nghệ thuật và tình bạn giữa Hồ Chí Minh và nhà đạo diễn thiên tài không chỉ diễn ra một lần. G. Sá-pơ-lin kể: "... ít lâu sau, Cha tôi và ông Hồ Chí Minh lại gặp nhau lần nữa trong một chuyến đi. Hai cụ tìm nhau và gặp lại. Cha tôi đã nổi tiếng hơn trước rất nhiều, và ông Hồ Chí Minh thì đã trở thành một lãnh tụ nổi tiếng. Cha tôi đã kể cho tôi nghe câu chuyện này với một mối thiện cảm đặc biệt bởi vì người rất khâm phục ông Hồ Chí Minh. Tôi chỉ biết rằng họ đã gặp nhau nhiều lần. Cha tôi nhiều lần kể cho chúng tôi nghe về những cuộc gặp gỡ này và lần nào cũng tỏ ra sung sướng thực sự khi nhớ lại ông Hồ Chí Minh, vì đó là người mà ông rất yêu quý".

Lời kể chuyện chân thật, cởi mở và giản dị của G. Sá-pơ-lin đã gây xúc động sâu sắc không chỉ cho những người hoạt động điện ảnh Việt Nam, mà còn cho những ai biết đến những tư liệu vô giá này. Người ta như tìm ra cái dấu nối thời gian giữa quá khứ và hiện tại, giữa thời tiền sử và lịch sử của một nền nghệ thuật bắt đầu từ một con người Việt Nam ra đi tìm đường cứu nước trong suốt một thế kỷ - "Anh Ba" - "Nguyễn Ái Quốc" - "Hồ Chí Minh". Nó tựa như lâu nay các nhà lịch sử nghiên cứu văn học - nghệ thuật đã "ngậm ngải tìm trầm" để đi tìm những cội nguồn phát sinh và hình thành các nền nghệ thuật như Tuồng, Chèo, Múa rối nước, Nhã nhạc, Ca trù, Nhạc tài tử... để tôn vinh thờ phụng các ông Tổ nghề đã làm nên một bản sắc văn hoá cho dân tộc Việt Nam chúng ta.

HẢI NINH

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

EDUARD CLAUDIUS

Nhà văn Đức

VỀ TÁC PHẨM “NHÂN CÁCH BÁC HỒ”

Nhà văn Đức Eduard Claudius (1911-1976) nguyên là Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hoà dân chủ Đức tại Việt Nam (1959 -1961), từng tham gia đội quân tình nguyện quốc tế thứ nhất chống phát xít Tây Ban Nha 1936, đã viết nhiều tác phẩm về cuộc đấu tranh chống phát xít của nhân dân Tây Ban Nha và nhân dân Đức. Ông cũng viết nhiều phóng sự về các truyền thuyết và truyện cổ tích Việt Nam, Lào, Campuchia. Nhà văn Claudius từng ghi nhận ảnh hưởng tích cực của Bác Hồ và Thủ tướng Phạm Văn Đồng đối với cuộc đời sáng tác của ông. Sau đây là những suy nghĩ của nhà văn trong bài trả lời phỏng vấn của nhà nghiên cứu văn học Đức Hoxơ (Horst Haase).

“Mỗi khi tôi nghĩ về những nhân cách chính trị vĩ đại ở Hồ Chí Minh và Phạm Văn Đồng thì tôi càng thấy rằng, đó chính là sự thống nhất giữa tư tưởng và hành động, sự thống nhất giữa hoạt động và nhân cách chính trị với thái độ rất giản dị, khiêm tốn, nhân hậu. Ở Hồ Chí Minh và ở Wilhelm Pieck tôi thường cảm nhận được nét tương đồng đó.

Tôi muốn miêu tả điều tôi thường nghĩ bằng một kỷ niệm. Hồ Chí Minh thường đề nghị, khi đến thăm không trình trọng và hãy để mọi thủ tục ngoại giao ở nhà. Người đích thân đứng đợi trước căn nhà nhỏ, nơi Người sống.

Trong bộ y phục giản dị, Người tiếp đón và dẫn khách vào căn phòng nhỏ của Người. Một lần nữa tôi được Người tiếp. Nhân dịp này, chúng tôi định bớt chút thời gian để bàn về thơ của Người. Nhưng thật là thú vị, chúng tôi không hề đề cập đến thơ của Người, mà tới nước Đức và những vấn đề chính trị của nó. Người đặc biệt quan tâm tới các vấn đề dân tộc Đức. Sau khi chúng tôi cạn những tách chè, Người hỏi thăm đến các con tôi. Người gửi cho chúng nhiều kẹo đựng trong một cái âu gốm cổ tuyệt đẹp. Người tìm cách bỏ kẹo vào túi cho tôi. Và tôi, lịch sự như tôi cần phải thế, cản lại chút ít, những chiếc kẹo này rơi xuống đất. Cả hai chúng tôi cùng ngồi xuống và gom những chiếc kẹo này lại. Đoạn chúng tôi nhìn nhau. Người cười. Người có tiếng cười tuyệt đẹp, sâu thẳm vang ra từ lồng ngực. Sau đó Người nói “Thế đấy, giả thử khi người ta không có con cái, thì chúng ta phải làm mọi việc để làm gì”. Chính Người lại không có con cái, thế nhưng hàng tuần hai ba lần Người tiếp các cháu thiếu nhi và dành cho chúng cả buổi tối. Đối với tôi, đó chính là sự vĩ đại. Ở Người tầm cao về chính trị được quy định bởi tầm cao nhân đạo chủ nghĩa và tầm cao nhân đạo này lại được quy định bởi tầm cao về chính trị.

Hàng loạt những kỷ niệm nho nhỏ như vậy đã toả ra từ nhân cách của Người và nhân cách Phạm Văn Đồng. Tôi luôn có cảm nhận họ không hiện ra một cách xúng xính trong vai trò lãnh tụ chính trị của họ, mà họ tự thân vận động và làm việc với tư cách một con người thuần phác, dấu cho trong khoảnh khắc nào đó, họ có ở hay không ở trong cương vị này. Bởi vì họ đến với những con người thuần phác, và chính họ cũng là con người thuần phác.

Sự vĩ đại của những nhân cách này là ở chỗ, họ có gốc rễ trong đời sống của nhân dân và sức mạnh của họ bắt nguồn từ đây.

Chắc chắn đây là những phong thái, những biểu hiện và sự kết tinh nhân cách, mà trong đó hiện diện mọi lực lượng có thể quyết định thắng lợi của cuộc đấu tranh lâu dài ở Việt Nam”.

NGUYỄN TRI NGUYỄN dịch

- Trích dịch từ cuốn “Các thông điệp” (xuất bản ở Béc-lin)
Báo Tiền Phong 14/5/1991.

- Học tập tấm gương đạo đức Bác Hồ, Nxb Thanh niên, Hà Nội, 2006, tr.349-351

PHORANGXOADƠ COREĐƠ

Pháp

NGƯỜI MỘC MẠC THỂ ĐÓ

Người mộc mạc thể đó
Ở lời ăn tiếng nói
Trong cuộc sống hàng ngày
Người mộc mạc thể đó
Vì người am hiểu nhiều
Vì người đau khổ nhiều
Vì người đấu tranh nhiều

Hiện từ với em bé
Mắt Người ngời ánh thép
Khi đây là nhục nhã
Và đây phận tôi đòi

Cây kia tuy mảnh dẻ
Mà vững hơn gốc chò
Cái chết khôn cắt đứt
Rễ cắm tận lòng ta
Cái chết không hòng cạn
Nguồn nuôi cây mang trĩu
Nào lá cành,
 hoa quả

Bóng tối đang lui dần
Cái chết là mặt trời
Xác định lý tưởng Người
Chân trời các dân tộc

Oi những bạn Việt Nam
Hỡi các anh em tôi!

Lệ tuôn trên hoa hồng^(*)
Lệ tuôn trên tay ta
Đã chẳng níu được Người

Dép Người nay bỏ đây
Thôi lui tới vườn cây
Tay Người không trồng nữa
Cây dừa mới, dừa mới
Mắt Người không dõi nữa
Lúa sớm kể lúa xưa...

Song còn đó lối đi
Người đưa tự do tới.

PHẠM HUY THỐNG dịch

Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

^(*) Năm 1946, khi Bác sang Pari, cô Phorăngxoادر Côredơ là nhà báo đầu tiên được Bác tiếp. Trong cuộc họp báo đầu tiên của Bác, sau khi Bác tiếp riêng cô Phorăngxoادر, Bác đã rút một bông trong lọ hoa hồng trên bàn tặng cô Phorăngxoادر, nhà báo nữ độc nhất hôm đó. Khi nghe tin Bác từ trần, nhà báo Phorăngxoادر đã mang hoa hồng đến trụ sở Tổng đại diện nước ta tại Pháp, khóc mà dâng hoa lên Bác.

FRANCOISE CORRÈZE

Nhà thơ, nhà báo Pháp

MỘT NHÀ THƠ CHỒNG “SÙNG BÁI CÁ NHÂN” VIẾT VỀ BÁC HỒ

Một buổi sáng mùa đông lạnh lẽo năm 1970, Phrăngxoادر Coreدو (Francoise Corrèze) đến nhà xuất bản *Ngoại văn* tìm tôi. Mặt chị ủ rũ, mắt thâm quầng, đầu tóc bơ phờ.

Tôi rót chén trà nóng mời chị, chờ đợi một điều ngạc nhiên buồn thảm.

Chị ngồi lặng mấy phút rồi òa khóc. Tôi hốt hoảng hỏi:

- Có điều gì thế chị?

Mọi lần đến làm việc, chị bao giờ cũng vui vẻ, không ngớt kể về những điều mắt thấy tai nghe khi đi qua các phố cổ Hà Nội. Không hiểu sao lần này lại thế?

Khi đã qua cơn xúc động, chị lấy lại bình tĩnh và nói:

- Suốt đêm qua tôi không hề chợp mắt. Tôi đọc đi đọc lại tập bản thảo “*Mãng non*” của tôi viết về trẻ con Việt Nam: tôi muốn gửi về Pháp sớm để xuất bản. Sau khi đọc kỹ, tôi muốn đốt đi, anh thấy thế nào?

- Ấy chết! Tôi kêu lên, sao lại đốt một bản thảo 350 trang sau gần hai năm sống và làm việc ở Việt Nam với bao nhiêu vốn

sống, công phu sưu tầm, đi khắp nông thôn, thành thị, miền xuôi miền ngược?

Phrăngxoادر Coreادر là một nhà thơ Pháp, giáo sư đại học, nhà dân tộc học, nhà báo, suốt đời tận tụy với Việt Nam. Xưa kia, khi thực dân Pháp đàn áp vụ khởi nghĩa Yên Bái, chị đã tham gia biểu tình đấu tranh. Năm 1954, chị túc trực ở Gionevơ phục vụ phái đoàn của đồng chí Phạm Văn Đồng, do đó an ninh quân sự Pháp đã khám nhà chị. Trong những năm Việt Nam chống Mỹ, chị xin sang dạy đại học ở Phnom Pênh để gần Việt Nam và bí mật hoạt động cho mặt trận giải phóng Miền Nam. Khi ta có điều kiện, chị đã sang dạy học ở Trường Đại học sư phạm ngoại ngữ Hà Nội. Chị viết nhiều sách và bài báo về Việt Nam.

Cái gì đã khiến chị “giở” chứng muốn đốt bản thảo tập *Măng non*? Chị buồn bã giải thích:

- Sự trung thực của người trí thức không cho phép tôi đưa in bản thảo này. Tôi đành thôi vậy.

- Chị đã tìm hiểu về trẻ em Việt Nam ở rất nhiều nơi, bản thân chị đã nhìn tận mắt nhiều vườn trẻ, lớp mẫu giáo, gặp hàng trăm em nhỏ, nói chuyện với nhiều cha mẹ, ông bà, giáo viên, thu lượm nhiều tài liệu, con số, sao lại không trung thực?

- Đúng như thế. Tôi không có điều gì đáng hổ thẹn về những trang tôi đã viết. Nhưng đó mới chỉ là một mặt của sự thật về trẻ em Việt Nam. Tôi mới chỉ gặp và biết về trẻ em thành thị, mà phần nhiều là con cháu cán bộ nghiêm túc, tôi mới chỉ thăm những vườn trẻ, lớp mẫu giáo tốt, còn những hiện tượng trẻ con thiếu dinh dưỡng, đi ăn xin, hư đốn thì sao? Chỉ viết về mặt hay, lờ mặt tiêu cực đi là một cách nói dối có ý thức.

- Chị chả đã từng nói với tôi là trong lúc bom đạn Mỹ đang gây đau thương ở Việt Nam, viết gì về Việt Nam mà kẻ địch lợi dụng xuyên tạc là làm hại cho cuộc kháng chiến của Việt Nam?

- Tôi nghĩ lại thấy nếu tôi chỉ viết một nửa hiện thực, tôi sẽ đóng góp vào việc đánh lừa dư luận thế giới. Mặt khác có thể làm cho người Việt Nam ngộ nhận về mình, điều này sẽ có hại cho tương lai. Tôi muốn đốt bản thảo để chấm dứt sự day dứt của lương tâm, nhưng lại tiếc công, lại nghĩ nó có thể có lợi cho các bạn Việt Nam, nên thật khổ tâm.

Tôi chẳng dám có ý kiến gì, chỉ nói:

- Vấn đề chính là liều lượng... điều này chỉ có chị quyết định được thôi.

Sau đó ít lâu Phrăngxoادر Coreدو gửi bản thảo đi Pari. Năm 1971, sách phát hành và có ảnh hưởng rất tốt. Để cho lòng thư thả, chị đã viết thêm vào ngay trang đầu sách: *Đất nước này đang chiến tranh, do đó thật là khó, có thể nói là không thể được - nhận xét một số sự việc nhất là để hiểu chúng mà không bóp méo* (Theo lăng kính Phương tây - H.N.). *Bất cứ ở nước nào, trong tất cả các lĩnh vực...có những khía cạnh tích cực, đôi khi hứng khởi, và những khía cạnh tiêu cực, có thể là tai hại nữa. Bên cạnh những thành tích, không thể không nhận thấy có những thiếu sót và những vấn đề tồn tại... Cuốn sách này chưa phải là một bức tranh hoàn chỉnh về trẻ em Việt Nam*".

Ngoài tấm lòng trung thực như vậy, Phrăngxoادر Coreدو còn là một chiến sĩ kiên cường. Chị có mặt trong hàng ngũ Đảng cộng sản Pháp trong những năm phát xít Đức khủng bố những người yêu nước. Chị thuộc loại người "uy vũ không khuất phục được".

Nhưng chị lại khuất phục trước chính nghĩa của nhân dân Việt Nam đấu tranh giành độc lập mà Bác Hồ là hiện thân.

Là con đẻ của một nền văn hóa nhân mạnh cá nhân, chị không thể chấp nhận "sùng bái cá nhân". Chị không "sùng bái"

Bác Hồ, chị rất mến phục Bác, rất tự hào được Bác tiếp riêng và tặng một bông hồng ở Pari, chị nói:

- Trong những lãnh tụ chính trị đương thời trên thế giới, đối với tôi, không ai bằng Hồ Chí Minh vì ông Hồ “người” nhất.

Khi được tin Bác mất, Phrăngxoادر Coredo đã bộc lộ lòng mình trong bài thơ mở đầu tập thơ “*Tặng sáng và hạt giống*”

*Hồ Chí Minh
Người giản dị
Trong lời nói
Trong cuộc đời
Người giản dị
Vì đã hiểu biết nhiều
Vì đã đau khổ nhiều
Vì đã đấu tranh nhiều*

*Mắt Người, hiền từ với trẻ em
Trở thành sắt thép
Trước tội nhục
Và nô dịch*

*Cây mảnh khảnh ấy
Vững hơn cây chò
Chết không cắt được
Rễ cây ăn sâu vào lòng người
Chết không làm trụi được
Bao lá
Bao trái
Cây đã từng mang*

*Bóng tối lùi lại
Cái chết là Mặt trời*

*Chiếu sáng lý tưởng của Người
Ở chân trời các dân tộc*

*Anh chị em Việt Nam
Tôi hồi!
Lệ rơi trên hoa hồng
Lệ rơi trên bàn tay chúng ta
Không giữ Người lại được
Dép lộp Người rời bỏ
Không đến vườn quả nữa
Bàn tay Người thôi trông
Thêm dứa mới
Mắt Người ngừng theo dõi
Lúa mới lại mọc lên..
Nhưng con đường Người đi
Vẫn dẫn đến tự do.*

...

Hai chục năm đã qua từ khi những dòng thơ thiết tha trên đây được viết.

Tiếc thay, năm nay kỉ niệm 100 năm sinh nhật Bác Hồ, Phrăngxoادر Coreدو không còn đủ sức viết một bài thơ mới nhân dịp này. Chị bị chảy máu não, liệt nửa người. Cách đây một năm. Mađôlenơ Rip-phô đưa tôi đến thăm chị ở một đường đường ngoại ô Pari. Chúng tôi đến, chị rất mừng, chúng tôi nói, chị hiểu hết, nhưng chị không nói được, không viết được, thật là một thảm kịch! Nhưng trong đôi mắt trong suốt, màu xanh da trời của chị, ánh lên một niềm vui khi gặp lại một người bạn Việt Nam. Hẳn chị nhớ lại Việt Nam, quê hương thứ hai của chị với hình ảnh Bác Hồ mạnh hơn cái chết

HỮU NGHỊ

(*Tạp chí Văn nghệ Quân Đội*
Số 5 (400) - Tháng 5/1990)

ROGER DENUX

Nhà văn Pháp

HỒ CHÍ MINH, NHÀ THƠ

Trích bài diễn thuyết của Roger Demux đọc trong hai cuộc họp do phong trào hòa bình tổ chức năm 1966 tại Pháp, đăng trên tạp chí Europe số 458 tháng 6 -1967 (N.D).

Nhà ngoại giao mà lại nổi tiếng trong làng văn, hay nhà văn mà lại nổi tiếng trên trường ngoại giao, điều đó không phải là chuyện hiếm có. Chỉ nhắc đến những vị đã qua đời và trong phạm vi nước Pháp mà thôi, tôi xin kể Clô-đen, Gi-giô-đu, Xten-dan và nhất là Sa-tô-bri-ăng, bậc thầy của họ về cả hai lĩnh vực nói trên.

Cụ Hồ Chí Minh là một trong những nhà thơ Việt Nam lớn nhất ngày nay, một trong những đại biểu cuối cùng của một nền văn học đánh dấu bằng cả ngàn năm bị đô hộ và áp bức. Sinh năm 1890, Cụ Hồ là một học giả uyên bác. Người sử dụng Hán văn cổ điển cũng thạo như Việt văn hiện đại, lại nói đến sành cả tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Nga. Ai đến gần Người cũng đều tiếp xúc ngay với tư tưởng nhân đạo và lòng nhân đạo của Người. Người là tấm gương sáng của một cuộc sống tinh thần nhất quán, không lách qua con đường nào khác, tôi muốn nói là trí tuệ và tấm lòng của Người đều cùng ăn sâu vào những nguồn vô tận của đau khổ loài người và hướng hành động và tác phẩm của Người về một mục đích duy nhất. Trong bản lĩnh của Người,

người chiến sĩ gắn liền với nhà lãnh đạo chính trị. Ở Người, tình cảm và tư tưởng cùng chung một nguồn gốc, truyền sức mạnh cho nhau: nhà chính trị và nhà thơ chỉ là một. Trước kia, Người tên là Nguyễn Ái Quốc. Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, ông Nguyễn làm phụ bếp trên một chiếc tàu thủy sang Pháp, làm nhiều nghề thủ công ở Pa-ri, gia nhập Đảng xã hội, trong đó ông đấu tranh cho các dân tộc thuộc địa và năm 1923 khi được cử làm đại biểu Đại hội thành phố Tua thì ông bỏ phiếu cho việc thành lập Đệ tam quốc tế. Ba năm sau, ông Nguyễn rời nước Pháp trở về Viễn đông, thành lập Việt Nam thanh niên cách mạng đàng, thoát khỏi lưới mật thám Pháp sang Xiêm; năm 1927, sau khi công xã Quảng Châu bị đàn áp, ông tập hợp đồng bào ở Xiêm lại; và năm 1930 sang Hương Cảng. Rồi, người ta không nghe nói gì đến ông Nguyễn nữa, bạn bè cũng như bọn mật thám ở Viễn Đông, ai ai cũng tưởng là ông đã chết rồi. Vì ông hoạt động bí mật cho cách mạng trên một phần trái đất, từ thành phố này đến thành phố kia, từ vùng này đến vùng nọ phong trào khởi nghĩa dấy lên khắp nơi, cho nên khi bỗng nhiên mất tích, thì chẳng ai nghĩ đến lý do nào khác là chết. Chết vì tai nạn hay chết vì tay một tên ám sát chuyên nghiệp thì chẳng ai rõ, nhưng chẳng ai còn mong hoặc còn sợ gặp lại ông Nguyễn nữa. Một ngày kia, vào những năm 1942, gần biên giới Trung -Việt bọn cảnh sát Tưởng Giới Thạch bắt được một người có tên là Hồ Chí Minh, đại biểu của những người Việt Nam yêu nước định đi đến gặp nhà chức trách tại một thành phố Trung Quốc nào đó. Như thế thì làm sao khỏi vào tù được! Nhưng bọn chúng có ngờ đâu đó chính là ông Nguyễn Ái Quốc! Có điều qua một vài dấu hiệu không đâu, qua tiếng nói, cử chỉ nhã nhặn và cách nhìn ngó của người bị bắt chúng đoán là đã tóm được một nhân vật xuất chúng. Chúng giải đi hết nhà tù này đến nhà tù khác; bắt trở về chỗ cũ, rồi lại vô cớ bắt đi nữa; ban ngày đi suốt, hầu như chẳng ăn uống gì; đêm nghỉ lại nhưng cũng chẳng ngủ yên gì được dù

cho chính kiến của mỗi chúng ta có khác nhau chẳng nữa, ai cũng thừa nhận sức mạnh về tâm hồn của con người đó: trong cảnh lao tù dã man đã viết nên những bài thơ nhân đạo khiến cho chúng ta cảm thấy tác giả cống hiến cuộc đời mình để thực hiện cái sứ mệnh bảo vệ sự nghiệp cách mạng. Cuốn *Nhật ký trong tù* cho thấy cái chủ yếu và cái sâu xa nhất trong lòng của Cụ Hồ Chí Minh, và Người thì không lúc nào phô trương cảnh giam cầm của mình. Năm 1946, trong hội nghị Fông-ten-nơ-bơ-lô, một cuộc hội nghị không thành công. Cụ Hồ Chí Minh với một giọng kín đáo vừa châm biếm, vừa tự hào đã trả lời những câu hỏi đường đột của một nhà báo như sau:

- Ngài đã kháng chiến?
- Vâng
- Bao nhiêu lần?
- Khoảng bốn mươi năm
- Ngài cũng đã ở tù?
- Vâng
- Những nhà tù nào?
- Thừa ông nhiều lắm.
- Thời gian lâu?

Một nụ cười khó tả nở trên khuôn mặt gầy gò, Cụ Hồ nhìn ông bạn nhà báo béo tốt, rồi dịu dàng đáp:

- Ông cũng biết, ông cũng biết ở tù thì thời gian bao giờ cũng lâu cả.

Chỉ là một câu nói thông thường thôi, chẳng đề lộ ra một tí gì về thực chất của nó.

Nhân bản dịch xuất sắc của *Nhật ký trong tù* ra tiếng Pháp, tôi xin phép mở một dấu ngoặc. Dịch một bài thơ là làm một việc cầu may, thường thường chỉ phản ánh được một phần rất mỏng manh

của nguyên tác. Muốn cho trung thành với nguyên tác, dịch sát nguyên văn thì chẳng lấy gì làm khó nhưng dịch như thế là thất sách. Phải tìm cho ra những mối quan hệ tế nhị giữa từng chữ với toàn bộ câu thơ, phải thông qua tiết tấu, âm thanh, âm điệu, tất cả những gì xoay quanh lời thơ, nói tắt là phải thông qua tiếng nói âm thầm của hình thức để bắt cho được “cái mạch chạy ngầm dưới các từ” khiến cho câu thơ có năng lực rung cảm. Âm phải phản ánh ý và truyền cho ý cái năng lực đánh vào cảm tính người đọc. Dịch ra tiếng Pháp những bài thơ của Cụ Hồ Chí Minh viết bằng Hán văn để cho bọn cai ngục khỏi nghi ngờ, thật là một công việc nan giải. Nhờ một sự có thể gọi là đồng cảm giữa nhà thơ và bản thân mình, cho nên dịch giả Phan Nhuận đã (ít ra là theo cảm tưởng của tôi) thực hiện được một điều kì diệu là sáng tạo ra một số bài thơ giống hệt nguyên tác như những trẻ sinh đôi. Phan Nhuận là một trạng sư người Việt Nam ở Paris. Mặc dầu đã thông thạo ngôn ngữ trong *Nhật ký*, ông vẫn tìm cho thấy lại một môi trường xung quanh và tâm trạng bên trong lúc tác giả sáng tác. Nhờ những ký ức về tuổi thơ ấu của mình, dịch giả hình dung lại cảnh đơn điệu trên con đường cái quan cũng như làn mưa phùn li ti rét thấm da thấm ruột. Sự tìm tòi đó đã dẫn ông đến khu phố Múp-phơ-ta còn phảng phất hình bóng Lê-nin và Nguyễn Ái Quốc. Một mùa đông trước đây, trong những ngày mưa hoặc sương mù, ông tiến hành việc dịch tập thơ tại nhà lao Xăng-tê, là nơi ông thường lui tới vì nghề nghiệp; như vậy cuốn *Nhật ký* của Cụ Hồ Chí Minh được dịch ra phần lớn trong một nhà tù. Đây là những điều kiện thuận lợi đưa tới thành công nhưng không phải vì thế mà công việc trở thành dễ dàng. Chẳng hạn bài tứ tuyệt mở đầu tập thơ, Phan Nhuận đã dịch ra làm mười hai bản thảo nhưng chẳng bản nào vừa ý. Cuối cùng, ông lấy bản sau đây:

*C'est ton corps qui est en prison
Ton esprit n'est pas en prison
Pour mener ta grande entreprise
Tu dois garder ton moral bon.*



Chủ tịch Hồ Chí Minh trao Huân chương Lao động hạng Nhất
cho Đoàn Nghệ thuật Mông Cồ (15/2/1958)

- Ảnh: TTXVN

Ta hãy lần giở tập *Nhật ký*, toàn là những bài thơ ngắn, nói chung là những bài thơ bốn câu: cảm tác, tức cảnh, phần lớn gắn vào một ý nghĩ duy nhất, một ước mong duy nhất:

Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do ⁽¹⁾

Tôi đã lựa chọn và sắp xếp các bài thơ theo từng loại xúc cảm tinh thần, giầy vò thể xác, từng loại tâm trạng khởi nguồn cảm hứng cho từng bài. Nhưng dù có phân tích cho đầy đủ, cho khéo léo đến mấy đi nữa cũng không làm nổi bật lên được hồn thơ. Bóc cánh hoa hồng ra, dù cho nhẹ tay đến đâu cũng chưa dễ đã tìm thấy bí quyết hương thơm của nó. Thường thức một bài thơ khác nào ngửi một bông hoa. Thơ đúng là thơ thì nói lên một cái gì và không nói dối; nó ít cần đến bình luận, xuất phát từ tâm hồn và đi thẳng đến tâm hồn, thơ Cụ Hồ Chí Minh chẳng nhờ vả gì đến kĩ thuật vận dụng các lối biểu dương, hô hào, hùng biện, thóa mạ. Gắn chặt với bản tính điềm đạm của nhà thơ, với bóng tối trong xà lim nơi Người viết lên trên mấy màu xanh nhạt, thơ Người nói ít mà gợi nhiều. Là loại thơ có màu sắc thanh đạm, có âm thanh trầm lắng, không phô diễn mà như cố khép lại trong đường nét chính để cho người đọc tự thưởng thức lấy cái “ý tại ngôn ngoại”; phải yên lặng một mình ngồi đọc thơ Người mới thấy nó mở ra, phải thỉnh thoảng ngừng lại để suy nghĩ, mới cảm thấy hết được những âm vang của nó, và nghe thấy những âm vang ấy cứ ngân dài mãi ra.

Đây là Cụ Hồ Chí Minh trong nhà tù Tĩnh Tây:

*Trong lao tù cũ đón tù mới,
Trên trời mây tạnh đuổi mây mưa;
Mây mưa, mây tạnh bay đi hết,
Còn lại trong tù khách tự do.*

Ở trong nhà tù, Người ngẫm nghĩ về con đường đời

¹ Nguyên văn chữ Hán: *Thả ngâm thù đãi tự do thì* (N.D.)

*Đi khắp đèo cao khắp núi cao
Ngờ đâu đường phẳng lại lao đao,
Núi cao gặp hồ mà vô sự,
Đường phẳng gặp người bị tống lao.*

*Ta là đại biểu dân Việt Nam
Tìm đến Trung Hoa để hội đàm
Ai ngờ đất bằng gây sóng gió,
Phải làm “khách quý” tại nhà giam.*

*Ta người ngay thẳng, lòng trong trắng
Lại bị nghi là kẻ Hán gian
Vốn biết ở đời không phải dễ,
Mà nay càng thấy khó khăn hơn.*

Chẳng phải thất vọng, chẳng phải nhẫn nhục, nhưng đôi khi người cũng cần đến một nguồn khích lệ ...mà ai, nếu không phải chính bản thân Người có thể mang lại cho mình nguồn khích lệ đó?

*Ví không có cảnh đông tàn
Thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân
Nghĩ mình trong bước gian truân
Tai ương rèn luyện tinh thần thêm hăng.*

*Gạo đem vào giã, bao đau đớn,
Gạo giã xong rồi trắng tựa bông.
Sống ở trên đời người cũng vậy.
Gian nan rèn luyện mới thành công.*

Sau bốn tháng giam cầm thiếu ăn, thiếu ngủ, chầy rạn, ghe lở khắp mình:

*“Một ngày tù, nghìn thu ở ngoài”
Lời nói người xưa đâu có sai
Sống khác loài người vừa bốn tháng
Tiêu tụy còn hơn mười năm trời*

Bởi vì:

*Bốn tháng cơm không no
Bốn tháng đêm thiếu ngủ,
Bốn tháng áo không thay
Bốn tháng không giặt giũ*

Cho nên:

*Răng rụng mất một chiếc,
Tóc bạc thêm mấy phần,
Gầy đen như quỷ đói
Ghẻ lở mọc đầy thân.*

May mà:

*Kiên trì và nhẫn nại
Không chịu lùi một phân
Vật chất tuy đau khổ
Không nao núng tinh thần*

Chỉ một sự việc bé nhỏ thôi cũng đủ cho Người chú tâm lắng nghe tiếng gọi của chiến đấu:

*Hoa hồng nở, hoa hồng lại rụng
Hoa tàn hoa nở cũng vô tình
Hương hoa bay thấu vào trong ngục
Kế với tù nhân nổi bất bình.*

Để đánh giá đúng mức hơn nghị lực của Cụ Hồ Chí Minh chúng ta hãy chú ý tới những chi tiết khác. Như trên đã nói, Người bị giải từ nhà tù này sang nhà tù khác. Mười bốn tháng, ba chục nhà tù. Tệ nhất là có khi người ta bắt Người quay trở lại một nơi chỉ mới rời khỏi cách đây ít ngày thôi. Một lối hình phạt chán chường, chẳng khác nào cái lối bắt tù nhân đào một cái lỗ, rồi bắt lấp, rồi bắt đào lại, cứ thế mãi, khiến cho người ta mệt mỏi thì ít mà bức bối thì nhiều vì phải làm một công việc không có nghĩa lý gì. Ta hãy nghe Người nói:

*Bốn chục ngày qua khổ xiết bao,
Bốn mươi ngày khổ thật không đâu
Liều Châu nay giải quay về lại
Đến thế lòng ai lại chẳng rầu.*

Trời chưa sáng, chúng đã bắt Người lên đường, hai cánh tay
trói ghì, dắt đi đằng sau một con lợn do hai tên lính khiêng đi:

*Khiêng lợn, lính cùng đi một lối
Ta thì người dắt, lợn người khiêng
Con người coi rẻ hơn con lợn
Người có còn đâu được chủ quyền!*

Nếu cần đi đường thủy thì luật lệ bắt buộc phải treo ngược tù
nhân lên mái thuyền. Đầu thống xuống đất, cụ Hồ vẫn nhìn đời
bằng đôi mắt lạc quan:

*Đáp thuyền thẳng xuống huyện Ung Ninh
Lung lẳng chân treo tựa giáo hình
Làng xóm ven sông đông đúc thế
Thuyền câu rẽ sóng nhẹ thênh thênh.*

Trên đường đi, ai cấm được Người ngửi thấy hoa thơm hoặc
lắng nghe chim hót:

*Mặc dù bị trói chân tay
Chim ca rộn núi, hương bay ngát rừng
Vui say, ai cấm ta dừng
Đường xa âu cũng bớt chùng quạnh hiu.*

Ai cấm được Người than phiền cho những người phu làm
đường:

*Dãi gió, dầm mưa chẳng nghỉ ngơi
Phu đường vất vả lắm ai ơi!
Ngựa xe, hành khách thường qua lại
Biết cảm ơn anh được mấy người?*

Chập choạng tối, sau một ngày đi bộ hàng năm chục cây số, có khi đi giữa mưa như thác đổ, giày dép tả tơi, Người lại bị nhốt vào trong một trại giam đầy ắp. Người phải ngồi nơi hố xí nếu không bị đẩy vào trong một buồng tối để cho cái cùm nghiền nát da thịt:

*Dữ tựa hung thần miệng chực nhai
Đêm đêm há hốc nuốt chân người
Mọi người bị nuốt chân bên phải
Cò duỗi còn chân bên trái thôi.*

Cái cùm đã nghiền da thịt, cái rét lại day nghiền thêm. Cù Hồ nằm xuống và lấy giấy đắp vào mình:

*Sách xưa, sách mới bồi thêm ấm
Chăn giấy còn hơn chẳng có chăn
Trướng gấm, giường ngà, ai có biết
Trong tù bao kẻ ngủ không an?*

Nhưng nào có ngủ được:

*Đêm thu không đệm cũng không chăn
Gối quắp, lưng còng, ngủ chẳng an
Khóm chuối trắng soi càng thấy lạnh
Nhòm song, Bắc Đẩu đã nằm ngang.*

Còn ăn uống thì sao?

*Lót lòng mỗi bữa lưng cơm đỏ
Không muối, không canh, cũng chẳng cà
Có kẻ đem cơm thì chắc dạ
Không người lo bữa, đói kêu cha.*

Tôi còn có thể kể thêm nhiều bức tranh hiện thực khác nữa, những bức tranh nói lên tình trạng thối nát vật chất lẫn tinh thần của các nhà lao Trung Quốc hồi đó, đầy rẫy những tay cò bạc, nghiền ngáp, mắc bệnh ghẻ lở, giang mai, với những tên cai ngục tham ô bắt tù nhân mới vào phải đóng mỗi người năm chục

đồng! Nhưng tôi đã nói khá nhiều về những điều đó rồi, ta đã có thể dùng phép đối chiếu để thưởng thức cho thấm thía hơn những gì là tế nhị trong mấy cảm tưởng sau đây. Giá cụ Hồ chỉ viết mấy câu thơ này thôi thì Người cũng đã xứng đáng với cái danh hiệu nhà thơ rồi:

Trăng:

*Trong tù không rượu cũng không hoa
Cảnh đẹp đêm nay, khó hững hờ
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.*

Cảnh chiều tối:

*Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không
Cô em xóm núi xay ngô tối
Xay hết, lò than đã rực hồng.*

Cảnh hoàng hôn tuyệt diệu và hồi hộp:

*Gió sắc tựa guom mài đá núi
Rét như dùi nhọn chích cành cây
Chùa xa chuông giục người nhanh bước
Trẻ dắt trâu về, tiếng sáo bay.*

Một người bạn tù của Cụ Hồ cũng thổi sáo:

*Bỗng nghe trong ngục sáo vi vu
Khúc nhạc tình quê chuyển điệu sầu
Muôn dặm quan hà khôn xiết nỗi
Lên lầu, ai đó ngóng trông nhau.*

Nhớ bạn:

*Ngày đi, bạn tiễn đến bên sông
Hẹn bạn về khi lúa đỏ đồng
Nay gặt đã xong, cày đã khắp
Quê người tôi vẫn chốn lao lung!*

Tiếc ngày giờ:

*Trời xanh cố ý hãm anh hùng
Tám tháng hao mòn với xích gông
Tắc bóng nghìn vàng đà đáng tiếc
Ngày nào thoát khỏi chốn lao lung?*

Cảnh mùa thu:

*Bắc Đẩu mười giờ ngang đỉnh núi
Đế kêu khoan nhặt đón mừng thu
Thân tù đâu thiết thu sang chữa.
Chỉ nghĩ hôm nao mở cửa tù.*

*Năm ngoái đầu thu còn tự do
Năm nay thu đến ở trong tù
Đã rằng giúp ích cho dân tộc
Thu trước, thu này há kém nhau.*

Vẫn là đêm thu: một bức tranh và tấm lòng chung thủy của Người:

*Trước cửa lính canh bông súng đứng
Trên trời trăng lướt giữa làn mây
Rệp bò lổm ngổm như xe cóc
Muỗi lượn nghênh ngang tựa máy bay*

*Nghìn dặm băng khuâng hồn nước cũ
Muôn tơ vương vẫn mộng sầu nay
Ở tù năm trọn thân vô tội
Hòa lệ thành thơ tả nỗi này.*

Cụ Hồ Chí Minh cũng dùng đến lối châm biếm chua chát, lối châm biếm của một dân tộc bị đè nén dưới ách chuyên chế ngàn năm của vua quan. Người đàn ông nào trốn đi lính thì người ta bỏ tù vợ con:

*Biên biệt anh đi không trở lại
Buồng the tro trọi, thiếp ôm sầu
Quan trên xót nỗi em cô quạnh
Nên lại mời em tạm ở tù!*

Trong một trường hợp khác, lời châm biếm của Người lại chuyển sang kiểu Pháp. Hãy cho phép tôi gọi đó là kiểu châm biếm cãi lý. Cầm hút thuốc đây nhé! Tên lính ngục tịch thu thuốc của anh bỏ vào bao hấn:

*Hút thuốc nơi này cầm gắt gao
Thuốc anh nó tịch bỏ vào bao
Nó thì kéo tẩu tha hồ hút
Anh hút, còng đây, tay ghé vào.*

Trong bài sau đây là lời dí dỏm:

*Chia nước
Mỗi người nửa chậu nước nhà pha
Rửa mặt, pha trà tự ý ta
Muốn để pha trà, đừng rửa mặt
Muốn đem rửa mặt, chớ pha trà.*

Trong bài *Tiết thanh minh* cũng vẫn là lời dí dỏm. Muốn thưởng thức nó một cách đầy đủ thì phải biết hai chữ “Thanh minh” nghĩa là “trong sáng” và chỉ một khoảng thời gian trong năm tương ứng với nửa đầu tháng tư dương lịch. Ở miền Nam Trung Quốc, đó là cái mùa mưa phùn dài lê thê khiến cho người ngồi trong nhà cũng như kẻ đi ngoài đường đâm ra chán nản:

*Thanh minh lất phất mưa phùn
Tù nhân nghe thấm nỗi buồn xót xa
Tự do, thử hỏi đâu là?
Lính canh trở lối thẳng ra công đường.*

Dù cho tính cách của nó như thế nào chăng nữa, lời châm biếm này, như một phản ngữ, vẫn biểu lộ một nguồn tình cảm bị

xúc phạm. Lúc nào nổi đau thương, dù là của bản thân Người hay là Người chỉ chứng kiến thôi, (bao giờ Người cũng cảm thấy đau thương của người khác như của chính mình) mà không cho phép dùng nụ cười nhẹ nhàng, thì là nhà thơ biểu lộ bằng lối nói trực tiếp, ngắn gọn, súc tích nhưng giàu khả năng rung cảm.

Vợ bạn tù đến thăm chồng:

*Anh đứng trong cửa sắt
Em đứng ngoài cửa sắt
Gần nhau chỉ tắc gang
Mà biển trời cách mặt*

*Miệng nói chẳng nên lời
Nói lên bằng khóe mắt
Chưa nói, lệ tuôn đầy
Tình cảnh đáng thương thật!*

Một bạn tù định trốn:

*Tự do, anh ấy hằng mong mãi
Liều mạng đâm nhào nhảy xuống xe
Rủi quá chạy đâu chừng nửa dặm
Bị ngay cảnh sát bắt lôi về!*

Một bạn tù khác chết:

*Thân anh da bọc lấy xương
Khổ đau, đói rét, hết phương sống rồi
Đêm qua còn ngủ bên tôi
Sáng nay anh đã về nơi suối vàng!*

Trong cái đêm dài ngót hơn một năm đó, không hé ra được một vệt tia sáng ư? Nếu trên đời có những nơi trí tuệ con người phát ra như luồng gió thì khắp các nơi đều có những mầm mống của công lý, của nhân đạo, ngay cả trong cảnh dơ bẩn của chốn lao tù. Chúng ta hãy cùng Cụ Hồ cảm ơn ông Quách nhân hậu này:

*Gặp nhau bèo nước, chuyện gần xa
Ông Quách ân cần đối đãi ta
"Rét đến cho than" tuy chẳng mấy
Đời nay người thế vẫn còn mà.*

Ta hãy cảm ơn ông cai ngục này nữa:

*Trưởng ban họ Mạc người hào hiệp
Dốc túi mua cơm giúp phạm nhân
Đêm đến, cởi thùng cho họ ngủ
Chẳng dùng quyền thế, chỉ dùng ân.*

Chẳng bao giờ cụ Hồ ngã lòng, chẳng bao giờ tư tưởng của Người chệch ra khỏi mục đích theo đuổi suốt bốn mươi năm chiến đấu, là nền độc lập của nước Việt Nam. Một đêm, Người mở mắt nằm mơ, đầu óc luôn luôn thả ngòi sao vàng năm cánh trên nền cờ đỏ, lá cờ kháng chiến của dân tộc Việt Nam.

*Một canh... hai canh... lại ba canh
Trần trọc, bắn khoăn giấc chẳng thành
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.*

Năm 1943, du kích lại tiếp tục chiến đấu. Người được tin và vì lẽ không thể tham gia được, đã tỏ niềm áy náy bằng một giọng thơ chẳng khác gì thơ ca cách mạng Pháp:

*Thà chết chẳng cam nô lệ mãi
Tung bay cờ nghĩa khắp trăm miền
Xót mình giam hãm trong tù ngục
Chưa được xông ra giữa trận tiền.*

Ngày tháng trôi qua, sau mười bốn tháng giam cầm, Cụ Hồ Chí Minh lại bị quản thúc.

Cuối năm 1944, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, lúc đó chỉ huy quân du kích ở Cao Bằng tại biên giới Trung - Việt, tìm thấy một tờ

báo Trung Quốc, số mới ra, trong đó có một bài thơ chép tay ở chỗ lề giấy trắng:

*Núi áp ôm mây, mây áp núi
Lòng sông gương sáng, bụi không mờ
Bồi hồi dạo bước Tây Phong lĩnh
Trông lại trời Nam, nhớ bạn xưa.*

Võ Nguyên Giáp nhận ra nét chữ của người chiến sĩ và nhà thơ mà mọi người đều tưởng là chết đã lâu rồi. Không nghi ngờ gì nữa: bài thơ bốn câu đó là một lá thư nhắn về nước. Võ Nguyên Giáp nhận rõ ý nghĩa của lá thư. Cụ Hồ Chí Minh muốn nói rằng: “*Tôi vẫn mắt sáng, chân cứng, vì tôi trèo qua núi được và mặt sông dưới xa kia vẫn yên tĩnh chẳng có gì làm mờ. Tôi đi một mình về hướng Nam. Gửi lời chào anh em*”. Thoát khỏi lưới quản thúc, Người đã tìm đường về Việt Nam, và gặp lại các bạn chiến đấu. Đoạn sau thế nào, ai cũng biết rõ: nó thuộc về lịch sử.

Là người đầu tiên xây dựng sự nghiệp giải phóng đất nước mình, là người lãnh đạo chính trị của thế kỷ thứ 20, Cụ Hồ Chí Minh là một tấm gương về đạo đức cổ truyền và về nguồn thơ tình túy, trong sáng. Người ta sẽ ghi nhớ niềm tin tưởng của Người đối với cuộc sống, lòng yêu nhân loại và thiên nhiên của Người, lòng khát khao tự do cho bản thân cũng như cho đồng bào của Người, và sự cần thiết của Người đòi hỏi phải thiên hạ sung sướng đã rồi mình mới được sung sướng.

(Trích)

Báo Văn nghệ - Số 227 (1/9/1967)

DIMINA

Nghệ sĩ Nhân dân múa ba lê Nga (*Liên Xô*)

LỜI HỨA VỚI BÁC VÀ PHẦN THƯỞNG CỦA BÁC

Được tin Đoàn nghệ thuật Liên Xô sang thăm ta đã tới Bằng Tường, tôi có việc phải sang ngay gặp bạn.

Vừa đặt chân tới, người đầu tiên tìm gặp tôi là một nữ diễn viên rất đẹp. Chị chủ động và hỏi hỏi ngay:

- Tới Hà Nội có được gặp Bác Hồ không?

Tôi chưa biết trả lời làm sao. Có lẽ mặt ngớ ra nên anh trưởng đoàn bước tới, chắc là muốn gỡ cho tôi sự lúng túng, nên mắt cười, miệng cười, anh giới thiệu:

- Nghệ sĩ Nhân dân Dimina, diễn viên độc tấu ba-lê của đoàn chúng tôi, người nhiệt tình đến nôn nóng muốn sang Việt Nam.

Trưởng đoàn là nhà thơ Xô-viết nổi tiếng Mustai Karim. Ít nhất anh cũng nên hiểu tôi có phần lúng túng không phải vì người đẹp, mà vì câu hỏi đặt ra đột ngột và không thể trả lời được. Thấy tôi chưa trả lời, đến lượt Dimina ngẩn ngơ ra mặt, tôi đành an ủi.

- Tôi nghĩ là có hi vọng.

Rõ ràng Dimina chưa thỏa mãn với câu trả lời dè dặt ấy. Chị còn đứng đó và chưa chịu đi.

... Ấy là năm 1955. Chúng ta vừa kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp, trở về thủ đô Hà Nội. Liên Xô, Trung

Quốc, Triều Tiên là ba nước đầu tiên cử những đoàn nghệ thuật sang thăm biểu diễn ở Việt Nam, gây thêm cho nhân dân ta không khí phấn khởi mừng chiến thắng. Họ được coi là những sứ giả của hòa bình và hữu nghị. Nhưng, chưa kịp có đường hàng không, họ phải đến nước ta bằng đường tàu hỏa qua cửa khẩu Bằng Tường (Trung Quốc). Đoàn nghệ thuật Liên Xô cũng vậy. Tôi tham gia ban đón tiếp do đồng chí Xuân Thủy làm trưởng ban. Khi đoàn đến Bằng Tường, có những việc cần bàn trước, tôi phải đi bằng ô-tô sang gặp. Cũng bởi vậy, biết tôi tới, chị Dimina tìm gặp ngay.

Dimina có biết đâu, chương trình hoạt động còn phải có sự trao đổi để thống nhất với đoàn. Mà chương trình cũng chỉ bao gồm phần biểu diễn, tọa đàm, tham quan... Còn những việc đặc biệt như Bác Hồ có tiếp hay không, phải đợi ý kiến của Văn phòng Chủ tịch mới sắp xếp được, và gần đến ngày mới được biết.

Đối với tôi, sự nhiệt tình đến nôn nóng kia của Dimina là thế nào, tôi chưa hiểu.

Đoàn biểu diễn nhiều đêm rồi, tôi mới chú ý một chi tiết trong chương trình và trong cấu tạo thành phần đoàn. Là một đoàn nghệ thuật ca múa, tất nhiên có tốp ca, tốp múa, có nhạc công và các diễn viên độc tấu. Vậy thì sự có mặt của Dimina là bình thường? Sự không bình thường là thế này: về múa, mặc dù ba-lê là đỉnh cao của nghệ thuật múa, nhưng chương trình biểu diễn và cấu tạo thành phần đoàn, thường không có ba-lê, vì những đặc thù nghệ thuật của nó. Đằng này bên cạnh dân vũ lại có ba-lê. Ba-lê lại chỉ một trích đoạn "*Hồ thiên nga*" với một diễn viên độc tấu duy nhất là Nghệ sĩ Nhân dân Dimina. Quả đáng tội, còn có một vũ bạn Ivanốp và một nhạc sĩ pianô chỉ đi người không chứ không kèm theo đàn. Bởi vậy, biểu diễn ở Hà Nội hay đi các tỉnh, ta phải bố trí riêng cho tiết mục Dimina một cây đàn pianô. Đi đâu, cây đàn phải riêng một ô-tô, kèm theo một người chuyên về kỹ thuật khiêng đàn là ông Cai Lân, và một người chuyên về lên dây đàn là anh Khánh.

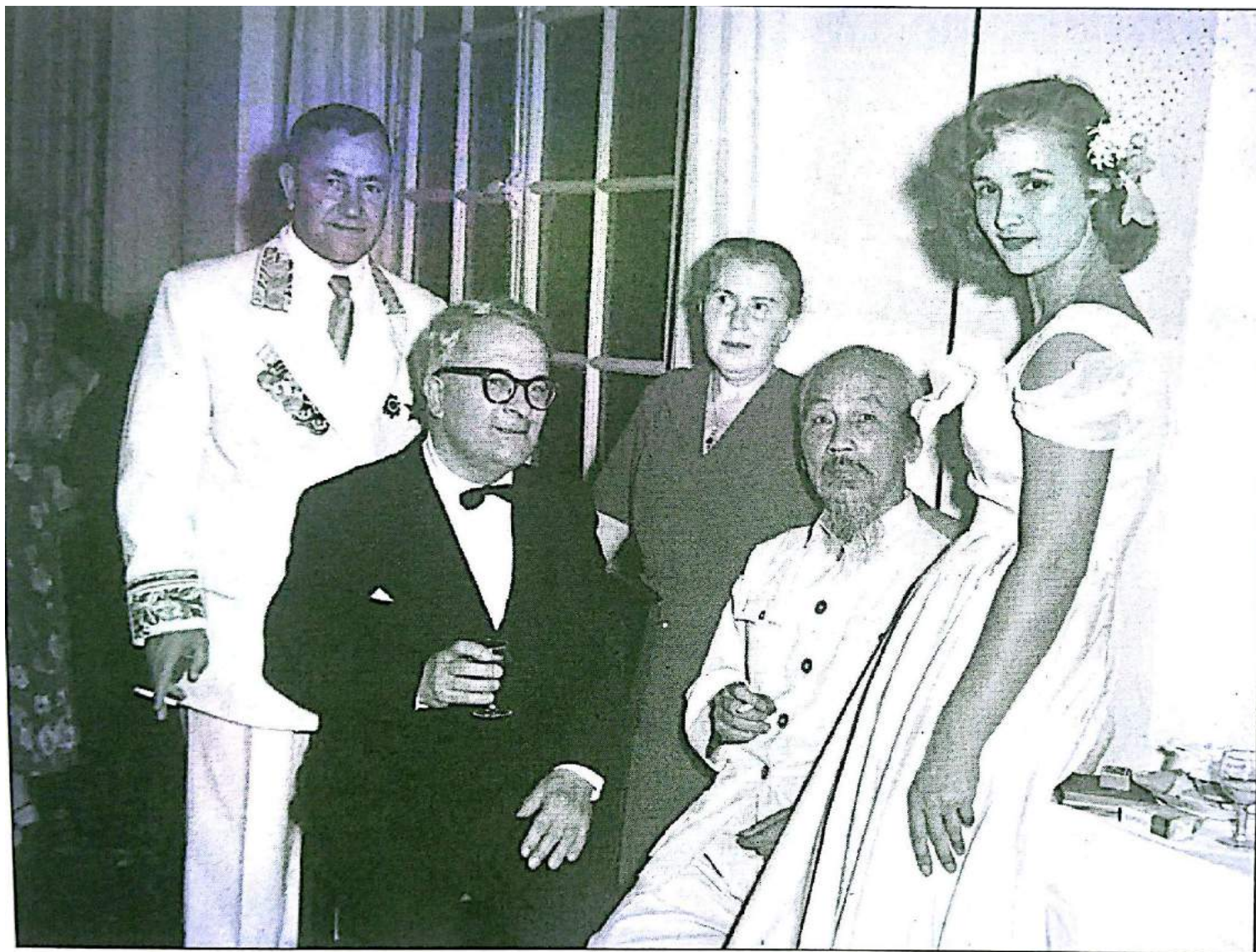
Tiết mục trích đoạn "*Hồ thiên nga*" tuy có hơi lạ với công chúng ta ngày ấy, nhưng được hoan nghênh lắm. Dimina biểu diễn hết lòng. Tuy nhiên, vẫn có điều thắc thỏm mà trưởng đoàn Karim biết, tôi cũng được biết - ấy là liệu trong đợt sang Việt Nam lần này có được gặp Bác Hồ hay không, và, bao giờ thì được biết?

Cho đến ngày xuống biểu diễn ở Nam Định cho công nhân xem, ban tổ chức chúng tôi đã có chỉ thị xếp lịch ngày được Bác Hồ cho lên gặp. Trước đêm Nam Định tổ chức khiêu vũ liên hoan với các nghệ sĩ Liên Xô, tôi mới trả lời được câu hỏi của Dimina hỏi từ hôm tôi mới đặt chân tới Bằng Tường.

Dimina nghe thấy tin ấy với một sự vui mừng tôi không hình dung được, với sự cảm động gần phát khóc. Và càng không thể ngờ được là, chính trong buổi khiêu vũ liên hoan với công nhân ấy, Dimina kéo tôi ra cho bằng được để nhảy một điệu van-xơ. Nhịp van-xơ quay triền miên đã khó cho tôi, đằng này lại là van-xơ với một diễn viên ba-lê chuyên về quay! Càng khó bội phần cho tôi là chị chủ động, chị cố tình quay, quay đến tôi phải chóng mặt, chưa hết bài mà tôi chịu không nổi, phải gục vào vai chị, chỉ còn thiếu ngã ra sàn nhảy...

Sau nỗi vui mừng quá thể của Dimina, tôi mới được nghe câu chuyện vì sao chị nhiệt tình đến nôn nóng, vì sao chị lại được cấu tạo vào Đoàn nghệ thuật Liên Xô sang Việt Nam lần này.

Thì ra, câu chuyện được bắt đầu từ một chuyến Bác Hồ sang thăm Liên Xô, Đảng bạn tổ chức một buổi biểu diễn "*Hồ thiên nga*" mời Bác xem. Nhà chính trị Hồ Chí Minh còn là một nhà thơ, là một người rất sành về nghệ thuật. Bác hoan nghênh thực sự. Hết buổi biểu diễn, Bác lên sân khấu không phải để tặng hoa mà để trò chuyện với các nghệ sĩ. Bác cảm ơn. Rồi Bác nói một điều tương như để động viên: "Điệu múa hay. Câu chuyện đẹp. Nhưng các cháu múa càng đẹp. Bác cảm ơn các cháu và muốn nói với các cháu rằng: Việt Nam đang còn



Chủ tịch Hồ Chí Minh chụp ảnh lưu niệm với Đại sứ Liên Xô
và các nghệ sĩ đoàn ba lê Liên Xô sang thăm và biểu diễn
tại Việt Nam (6/11/1958)

- Ảnh: TTXVN

chiến tranh, bao giờ thắng lợi, hòa bình rồi, các cháu sang biểu diễn cho nhân dân Việt Nam xem!”.

Bác Hồ nói thế, hết thầy đều vỗ tay hưởng ứng. Điều mà Bác không chờ đợi, mà lại có thật, ấy là một nữ diễn viên bước lại trước Bác, xúc động và nghiêm trang thưa với Bác:

- Thưa Bác Hồ kính yêu của Việt Nam và của tất cả chúng cháu, cháu xin hứa, ngày ấy, cháu nhất định sẽ sang Việt Nam, cháu sẽ biểu diễn cho nhân dân Việt Nam xem. Một lần nữa, cháu xin hứa với Bác kính yêu.

Diễn viên ấy là ai, chính là nghệ sĩ độc tấu ba-lê vừa đóng vai chính của vở “*Hồ thiên nga*”, chính là Nghệ sĩ Nhân dân Dimina.

... Vậy thì đến ngày ấy thật, ngày Việt Nam đã kháng chiến thành công, hòa bình được lập lại. Liên Xô cấu tạo đoàn nghệ thuật ca múa sang Việt Nam biểu diễn mừng công. Dimina lên nhắc Bộ Văn hóa Liên Xô lời hứa với Bác năm trước. Không cần nhắc, Bộ Văn hóa cũng phải nhớ. Cấu tạo có phức tạp, khó khăn gì thì cũng phải khắc phục. Dù cho thế nào chăng nữa. Dimina cũng phải và cũng muốn thực hiện lời hứa với Bác.

Bây giờ tất cả mọi việc đã đang ở trước mặt. Nhà thơ Karim vẫn cười bằng mắt và bằng miệng bảo tôi: “Gặp Bác tôi phải có thơ”. Dimina thì băn khoăn: “Phải mặc đẹp thế nào lên gặp Bác?” Tôi bảo chị:

- Mặc như con thiên nga là đẹp nhất.

- Thật ư?

Dimina buột miệng hỏi thế, nhưng biết ngay là tôi đùa, định giờ nắm đầm lên.

Sự mong đợi tha thiết, hồi hộp đối với mọi người, cuối cùng đã đến. Đoàn được lên Chủ tịch Phủ một buổi tối. Bác cháu sum vầy. Bác cho ăn bánh kẹo, hoa quả, niềm nở vui vẻ với mọi người trong một bầu không khí đầm ấm của cha con gặp nhau, chứ không nghi thức gì.

Tôi để ý Dimina, chị lặng lẽ nhìn Bác, chắc là xem Bác có khác trước không. Dimina không ăn uống gì, chắc là bồi hồi lắm, mà không dám lại gần Bác. Biết thế, tôi đến tận chỗ Dimina, kéo chị cùng đi. Tôi không nói đi đâu, nhưng chắc chị đoán biết.

Đến tận trước ghế Bác ngồi, tôi thưa:

- Thưa Bác, đây là Dimina, con thiên nga của Nôvôxiбіéc năm xưa đã được biểu diễn cho Bác xem. Và đã có lời hứa. Nay đã sang trong Đoàn nghệ thuật.

Bác ngẩng nhìn Dimina, chắc là đang tìm chị trong trí nhớ. Dimina vội vàng nhưng lại rụt rè, lúng túng:

- Thưa Bác Hồ muôn vàn kính yêu của chúng cháu, cháu rất sung sướng được vâng lời Bác sang Việt Nam, càng sung sướng được giữ lời hứa với Bác.

Bác khẽ giơ một tay lên rung rung, mắt chớp chớp, miệng cười, đầu gật gật:

- Bác nhớ, bác nhớ rồi!

Bác nói là nhớ càng làm Dimina hồi hộp. Đến lúc Bác hỏi chuyện biết Dimina sang Việt Nam, cố ý biểu diễn trích đoạn “*Hồ thiên nga*” mà Bác đã xem năm xưa thì Dimina đã tự nhiên hơn, bác cháu trở nên hồ hởi chuyện trò.

Nhưng Dimina giữ ý không dám kéo dài thời gian được ở bên Bác. Lúc sắp dờn gót quay đi thì Bác bảo “Khoan đã, khoan đã”. Rồi Bác đứng lên, lấy một quả chuối ở bàn hoa quả, bánh kẹo. Bác đưa cho Dimina với lời âu yếm giữa cha và con:

- Bác thưởng cho con năm trước đã có lời hứa tốt đẹp, năm nay đã giữ lời hứa.

Dimina cúi đầu, giơ hai tay cầm quả chuối, nâng niu như thể quả chuối là vật có linh hồn.

Tôi vẫn để ý, hình như suốt buổi được lên gặp Bác, Dimina không ăn bánh, ăn kẹo, khư khư giữ quả chuối.

Cho đến mấy ngày sau đó, chị nói với tôi ý định của chị sẽ mang về Liên Xô làm kỷ niệm mà không ăn.

Ngày ấy, tuy ta mới giải phóng còn nghèo, nhưng ta cũng may tặng mỗi diễn viên trong đoàn một bộ áo mới. Dimina gọi đó là bộ áo Bác Hồ. Chị lại không để dành mà ngày phải chia tay Việt Nam, chị mặc bộ áo mới đó.

Đến ngày phải đáp tàu hỏa lên Lạng Sơn trở sang Bằng Tường, ta cũng như bạn, nhiều người cười, càng nhiều người khóc, khóc lưu luyến mà thôi. Dimina không cười, cũng không khóc. Sự xúc động, sự lưu luyến làm đánh nét mặt chị. Đôi mắt sâu thẳm, trở nên xa xăm.

Tôi thay mặt Ban đón tiếp tiễn lên đến ga Đồng Đăng.

Dimina ngó nghiêng tìm tôi, cuống lên khi tìm được. Không hiểu sao chị kéo tôi lên tàu để qua bên kia đường tàu, chị vẫn lôi tay tôi chạy một quãng xa, đến chỗ một bụi tre đang la đà trước gió, chị dừng lại, nói một câu trong hơi thở và ngắt từng tiếng một:

- Tôi... yêu... Việt Nam... lắm... Mười lần...

Trời ơi, Dimina nói bằng tiếng Việt, không biết chị học ai và học từ bao giờ! Tôi hiểu chị muốn nói từ cõi lòng thật, chị đã yêu Việt Nam mười lần hơn...

ĐÀO VŨ

(Rút ra từ tập *Bác đến từng nhà*)

Văn nghệ trẻ

trang số 3,4,5 (21.1 - 4.2 /2001)

BLAGA DIMITROVA

Nhà thơ Bungari

HỒ CHÍ MINH NIỀM HY VỌNG LỚN NHẤT

Niềm hy vọng cũng có nhiều tên gọi khác nhau. Song, ở Việt Nam niềm hy vọng được tượng trưng là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chỉ đến lúc này tôi mới càng cảm thấy hiện lên rõ nét một ông cụ vóc tầm thước, điềm đạm mà tôi có may mắn được gặp vào tháng 10/1966 trong căn nhà đơn sơ của Người ở Hà Nội. Lòng kính yêu và quý trọng vô hạn của người Việt Nam đối với Bác Hồ đã đưa tôi đến với Người như đến với một người rất thân và rất kính trọng trạc tuổi với ba tôi đã qua đời.

Lúc đó cuộc leo thang ném bom của giặc Mỹ là một mối đe dọa thường xuyên. Đêm biến thành ngày, ngày làm đêm. Tôi được đến thăm Người trước 6 giờ, vào giờ ăn sáng. Tôi không bao giờ quên cảm giác trong mát và sáng khoái của buổi sáng hôm ấy dưới bầu trời ửng hồng của Hà Nội đang chiến đấu. Những cô gái tiếp tục cảnh giới trên các mái nhà sau một đêm không ngủ, khi có còi báo động...

Chúng tôi bước vào một vườn cây xanh, sương ban mai còn đọng trên lá, ánh sáng toả khắp rừng cây cổ thụ trong sự yên lặng khó tả. Có thể đó là ánh sáng từ một con người vĩ đại mà tôi sẽ gặp, đang bảo vệ tôi khi bóng đêm sợ hãi và thôi thúc tôi bước nhanh hơn. Chúng tôi đi giữa hai hàng cây trên một đoạn đường ngắn và đủ để nhớ lại tất cả những điều mà tôi biết về Bác Hồ, người đứng đầu Nhà nước, một nhà thơ, một chiến sĩ. Những bài

thơ Người viết trong nhà tù chứa đầy ánh trăng dịu hiền và khát vọng tự do. Tôi thường ôn lại một trong những bài thơ Người viết trong những giờ phút đen tối đó.

*Trong tù không rượu cũng không hoa,
Cảnh đẹp đêm nay, khó hững hờ
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.*

Tôi biết, trong suốt 40 năm ròng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đấu tranh quên mình, đấu tranh bất hợp pháp. Nhưng khi trả lời câu hỏi của một nhà báo nước ngoài: “Cụ đã ở tù bao nhiêu năm?”. Người chỉ nói bằng ý rất thơ:

- Thời gian trong tù thì bao giờ cũng dài.

Đồng chí Grêcôp, Đại sứ Bungari ở Hà Nội kể lại: khi đồng chí Andrây Bansép, bác sĩ của chúng ta hy sinh ở Việt Nam trong khi làm nghĩa vụ quốc tế của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đích thân đến sứ quán Bungari và không cầm được nước mắt, hỏi: “Chúng ta sẽ báo tin cho mẹ đồng chí đó như thế nào?”. Và khi tới thăm Xôphia, Người muốn được gặp mẹ đồng chí Bansép. Những vấn đề quan trọng quốc gia không làm cho Người quên sự quan tâm đến một bà mẹ có đau thương. Chính mẹ đồng chí Bansép đã kể lại cho tôi kỷ niệm rất cảm động về cuộc gặp gỡ ấy và sự thông cảm qua giọng nói âm áp của Người.

Người không có cuộc sống cá nhân nào khác, ngoài tình thương yêu đối với toàn thể nhân dân cả nước. Thu Hà, một em bé Việt Nam luôn luôn hát bài âu yếm như sự âu yếm của tuổi thiếu niên đối với Bác Hồ, và trong cả tuổi niên thiếu của mình cố gắng, chăm chỉ với những bàn tay bé nhỏ học băng bó vết thương, cứu giúp các em khác trong các trận mưa bom... để đạt danh hiệu cao nhất - “Cháu ngoan Bác Hồ”.

Tên Bác Hồ đối với tất cả thiếu nhi Việt Nam giống như một câu chuyện thần thoại mà các em rất quý mến và ưa thích khi được nghe kể.

Chúng tôi dừng lại trước cánh cửa đã mở của một căn nhà nhỏ phủ đầy bóng mát. Cảnh đầu tiên hiện ra trước mắt tôi là lọ hoa hồng trên bàn và một cụ già vóc người tầm thước mà tôi đã được biết qua tranh ảnh. Đó là người Việt Nam đẹp nhất trong số những người Việt Nam mà tôi đã gặp. Người có đôi mắt đậm chiều, và có thể là người đậm chiều nhất ở Việt Nam.

Tôi tự hỏi: đâu là nguồn gốc bí ẩn của một nỗi buồn thâm kín? Có thể là sự đau khổ của nhân dân, cũng có thể Người linh cảm trước rằng sẽ không được nhìn thấy ước mơ cả đời mình - giải phóng và thống nhất Tổ quốc - được thực hiện. Nhưng Người đã thấy cuộc đấu tranh anh hùng trên Tổ quốc thân yêu do Người lãnh đạo và tin tưởng vào thắng lợi trong tương lai...

Chúng tôi nói chuyện bằng tiếng Pháp, thứ tiếng mà Người nói rất giỏi. Nhà thơ Tố Hữu cũng có mặt trong cuộc gặp gỡ. Chúng tôi uống nước chè ướp hương sen, không có đường, như sinh hoạt trong một gia đình Việt Nam bình dị nhất.

Người là chủ nhà, là chủ cả đất nước mà chỉ mặc bộ quần áo bà ba giản dị, chân đi đôi dép cao su. Bất gặp tôi đang chăm chú nhìn lọ hoa hồng - ở đây, hoa hồng được coi là sự chúc mừng đối với Tổ quốc tôi - Người nói bằng lời lẽ dễ hiểu rằng trong mọi hoàn cảnh, Người vẫn có được lọ hoa hồng đặt trên bàn làm việc. Chỉ có sự hà khắc trong nhà tù mới tước mất thói quen đó của Người. Lúc này tôi mới nhận thấy hết ý nghĩa những bông hoa hồng nảy nhụy, tỏa hương.

Người hỏi tôi đã từng đi thăm những nơi nào ở Việt Nam, Người vui mừng khi biết tôi đã được vào thăm khu Bốn, một vùng bị ném bom, bắn phá ngày đêm, để tận mắt thấy lòng dũng cảm đáng kinh ngạc của những con người bình thường. Người sửa cho tôi phát âm chữ “Thanh Hoá” và giải thích thêm âm thứ hai “hoa”, ví dụ như “hoa” hồng. Tôi không thể tìm cách lấp lại đúng phát âm của chữ “hoá”. Người lưu ý tôi về nhạc điệu của tiếng Việt Nam, vạch vào không khí những bậc, những nốt và chỉ

dẫn cho tôi cách lên xuống giọng và những âm nào cần phải nói như hát. Phải là nhà thơ thực thụ mới có thể cảm thấy đúng từng thanh điệu chi tiết như vậy trong tiếng nói của dân tộc mình.

...Chúng tôi nói về thị trấn Phủ Lý bị tàn phá ác liệt trước đó mấy ngày. Tôi vẫn còn có những cảm giác nóng hổi về cái miệng núi lửa sâu thẳm, trong đó đã thiêu cháy thị trấn đẹp đẽ này, nơi tôi đã đi qua trước khi nó bị tàn phá. Không để tôi tự trấn tĩnh, Người kể tiếp là đã chứng kiến sự bình tĩnh và dũng cảm của nhân dân mình, như một điều ngạc nhiên nhất trong chiến đấu là sự gan góc của phụ nữ Việt Nam.

Khi tiễn tôi ra về, theo tập quán của Việt Nam, cũng như Bungari, chúng tôi dừng lại ở cửa hồi lâu, nói những câu cuối cùng về văn thơ của Người, mà không muốn chia tay. Qua nụ cười dí dỏm, Người nói rằng Người không phải là nhà thơ. Trong nhà tù không có việc gì làm, nên Người cũng “tập ghép vần” thêm. Tôi rút trong túi xách của mình ra tập “Nhật ký trong tù” của Người đã được dịch ra tiếng Pháp và xin Người cho chữ ký kỷ niệm. Tôi làm việc này sau cùng khi gần tạm biệt Người. Con người vĩ đại đó có một thứ ánh sáng rất kỳ diệu trong một phong thái tự nhiên và bình dị. Chính vì thế mà lúc nào tôi cũng cảm thấy gắn bó với hình ảnh của Người.

Ngày nay tôi rất xúc động nhìn lại nét chữ chân phương, điềm đạm của Người với màu mực còn đỏ tươi trên trang đầu của tập thơ.

Trong những ngày các thành phố và làng mạc Việt Nam có nguy cơ biến thành tro bụi, sự tàn phá đang đe dọa thủ đô Hà Nội và sự chết chóc đang đe dọa những em bé Việt Nam, trong tình huống đó, với sức yếu tuổi già, Người vẫn giữ được tự chủ trong quan niệm cũng như trong hành động. Người hy vọng rất sâu sắc vào nhân dân, cũng như nhân dân đặt hy vọng to lớn vào lãnh tụ của mình.

Sự chết chóc không thể nào dập tắt được niềm hy vọng đó.

Tôi ra về. Một ông cụ vóc người tầm thước, đôi mắt đắm chiều, mặc bộ quần áo bà ba, chân đi đôi dép cao su không tắt dừng lại ở ngưỡng cửa.

Hồ Chí Minh! Niềm hy vọng lớn nhất!

BLAGA DIMITROVA

Tạp chí Văn học nước ngoài

“Hồ Chí Minh niềm hy vọng lớn nhất”

Trang 20-22, Số 4-2008

BLAGA DIMITROVA

Nhà thơ Bungari

KHÔNG THỂ NÀO NGĂN CÁCH^(*)

– Trái tim lớn, một trái tim nồng cháy
Vì tình yêu xứ sở, nhân dân
Người "đi xa", ôi, trái tim ngừng đây
– Trái đất đau thêm bởi nỗi hàn

Nhưng cái chết không thể nào ngăn cách
Dân tộc Việt Nam với Bác Hồ
Bởi từ đây, Việt Nam cùng Bác
Gắn bó nhau, hơn cả bao giờ...

PHAN XUÂN HẠT dịch

Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

^(*) Đầu đề do NXB đặt.

HEINRICH DRACKE

Nhà điêu khắc Đức

MỘT TÁC PHẨM CỦA TÌNH YÊU

Thật ra, trong chuyến đi thăm Việt Nam vào cuối năm 1958 ấy, những ngày đầu tôi không có ý nghĩ, hoặc đúng ra là không mơ ước được nặn tượng Bác Hồ, bởi vì tôi thấy mình chỉ là một nghệ sĩ điêu khắc bình thường, mà Bác Hồ thì bận trăm công nghìn việc, làm sao có thể được gặp Bác, nói chi đến chuyện được ở bên Người ngày này sang ngày khác để mà nặn tượng!

Về sau, qua những ngày đi thăm đất nước Việt Nam và tiếp xúc với con người Việt Nam, mơ ước được làm một tác phẩm điêu khắc chân dung Bác Hồ càng ngày càng thôi thúc tôi. Cho tới một hôm đồng chí đại sứ Phuyt-xơ của Đại sứ quán Cộng hòa Dân chủ Đức tại Hà Nội nói với tôi:

- Anh sang bên này, chúng tôi rất phấn khởi. Từ lâu, chúng tôi mong muốn có một pho tượng hoặc một bức họa cỡ lớn về Hồ Chủ tịch mà tác giả phải là người Đức, Hồ Chủ tịch là vị lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là người bạn lớn của nhân dân nước ta, người anh em thân thiết của Chủ tịch Vin-hem Pích. Anh nghĩ thế nào?

Còn nghĩ thế nào nữa! Tôi giải bày tất cả những gì đã nung nấu trong lòng mình và chỉ yêu cầu Đại sứ quán đề đạt gấp nguyện vọng đó lên Bác Hồ.

Chừng một tuần sau, tôi sung sướng được Bác cho đến gặp. Tôi nhớ hôm ấy có cả đồng chí nhà thơ Tố Hữu và Đại sứ Phuyt-

xơ. Bác niềm nở bắt tay tôi và ân cần hỏi thăm sức khoẻ, gia đình và công tác. Bác hỏi cảm tưởng của tôi sau những chuyến đi thăm các địa phương. Bác còn hỏi cảm tưởng của tôi về nền mỹ thuật Việt Nam. Tôi muốn thưa với Bác bao điều, song, trong giờ phút ấy, đứng bên Người, tôi cảm thấy thiêng liêng và xúc động quá! Tôi chỉ thưa với Bác rằng tôi có nhiều cảm nghĩ rất tốt đẹp về những ngày ở Việt Nam và hiện có nguyện vọng cao nhất, duy nhất là được xin Bác một thời gian để có thể đem cho nhân dân Cộng hòa Dân chủ Đức một kỷ niệm lâu bền.

Bác nhìn Đại sứ Phuyt-xơ rồi lại nhìn tôi với nụ cười đôn hậu, và bảo:

- Tôi được biết nguyện vọng của đồng chí rồi. Thế này nhé: tôi đồng ý đáp lại yêu cầu của đồng chí. Mỗi buổi sáng, đồng chí đến chỗ tôi làm việc độ một giờ rưỡi. Có thể cho một số anh chị em Việt Nam cùng đến làm.

Tôi xúc động cảm ơn Bác và chào Bác ra về với một niềm vui lâng lâng, khó tả...

Hai ngày sau, tôi và bốn đồng chí Việt Nam cùng lên chỗ Bác. Các đồng chí Việt Nam gồm hai họa sĩ, hai nhà điêu khắc, trong số đó có anh Diệp Minh Châu, người trước đây, ở một chiến trường Nam Bộ, đã chích máu mình vẽ ảnh Bác Hồ và mơ ước hoàn thành một pho tượng cỡ lớn về Người để đặt giữa thành phố Sài Gòn sau ngày giải phóng. Thấy chúng tôi vào, Bác tươi cười nói với các bạn đồng nghiệp Việt Nam của tôi:

- Các chú phải cố gắng nhé! Thi đua với đồng chí Đơ-rắc-ke mà làm, không thì gay go đấy!

Thoạt đầu, công việc tiến hành không được dễ dàng lắm. Tôi thấy bố trí Bác ngồi cạnh một cái bàn ở góc phòng là không tiện. Bởi vì chúng tôi sẽ khó lòng mà đi quanh Bác để nghiên cứu từng đường nét trong quá trình phác thảo, tạo hình. Suy nghĩ mãi, cuối cùng tôi nêu lên yêu cầu là mời Bác ngồi ở giữa phòng,

cho kê cao bàn làm việc và ghé ngồi của Bác. Các đồng chí Việt Nam tỏ vẻ e ngại. Tôi nói:

- Các đồng chí cứ thưa với Bác rằng đó là đề nghị của tôi.

Quả nhiên, đề nghị đó được chấp nhận. Mấy anh em chúng tôi đều phấn khởi vì sự thay đổi này.

Tôi là người đã nặn tượng nhiều danh nhân như Các Mác, Gót, Bê-thô-ven, Hum-bôn... nhưng chưa bao giờ được gặp các vị ấy ở ngoài đời. Đây là lần đầu tiên tôi nặn tượng một lãnh tụ nổi tiếng mà chính mắt mình được trông thấy. Do yêu cầu của nghề nghiệp, tôi có điều kiện ngắm nhìn rất kỹ gương mặt Bác. Bởi vậy cho đến hôm nay, sau bao nhiêu năm trời, tôi vẫn nhớ rõ đôi mắt sáng ngời, chòm râu bạc trắng như cước, vầng trán cao, và cả những đường nhăn, những chấm mồi trên da mặt Bác. Tất cả đều toát ra vẻ hiền từ, độ lượng, bao dung của một vị cha già rất thân yêu, bình dị và bao dung. Đạo đó, Bác đã ngót bảy mươi tuổi. Bác ngồi yên được lâu như vậy là một sự rất kiên trì. Tôi không hề thấy Bác tỏ ra mệt mỏi, mà trái lại Bác vẫn ung dung đọc báo, xem tài liệu, hoặc thỉnh thoảng viết gì đó vào một cuốn sổ tay.

Thời gian chúng tôi làm việc bên Bác tổng cộng khoảng mười hai tiếng đồng hồ. Đó là mười hai tiếng đồng hồ vô cùng quý báu trong đời hoạt động nghệ thuật của tôi.

Hôm cuối cùng, trước khi chia tay. Bác ngồi nán lại với chúng tôi chừng hai mươi phút. Bác xem những gì chúng tôi đã làm được. Tôi xúc động một lần nữa bày tỏ lời cảm ơn đối với Người đã vì nguyện vọng của một nhà điêu khắc bình thường mà dành cho một số thời gian quý giá. Bác cười:

- Chúng tôi phải cảm ơn đồng chí mới đúng chứ! Quan trọng là tôi có giúp ích được gì cho công việc của đồng chí không thôi!

Trong không khí thân mật, Bác kể rằng xưa kia, khi hoạt động cách mạng ở Pháp. Người cũng đã có lúc sử dụng đến việc

vẽ tranh để tố cáo chế độ thống trị của thực dân. Sau này, tôi có may mắn được xem một sổ bức vẽ của Người. Bác còn nói Bác rất khâm phục tài năng của các họa sĩ đã làm nên những tác phẩm tuyệt vời trưng bày tại Viện bảo tàng tranh Dre-xden mà Người đã có dịp đến xem, khi Người sang thăm hữu nghị nước Cộng hòa Dân chủ Đức. Và Bác cũng nhờ tôi chuyển lời thăm hỏi tới họa sĩ E-rích Giơ-han-xon, một họa sĩ người Đức gốc Thụy Điển đã từng gặp và vẽ chân dung Bác tại *Triển lãm tổng hợp nghệ thuật Đức* tổ chức ở Mát-xcơ-va năm 1924. Bức chân dung Bác Hồ do họa sĩ E-rích Giơ-han-xon vẽ trước đây hiện nay vẫn còn và đã được in trong tạp chí *Nghệ thuật tạo hình* (CHDC Đức) số ra tháng 12-1965 và trên bìa tập *Thơ Hồ Chí Minh* do Nhà xuất bản *Cuộc sống mới* ở Béc-lin ấn hành năm 1970. Chính trong tạp chí *Nghệ thuật tạo hình*, họa sĩ Giơ-han-xon đã viết một bài về Hồ Chủ tịch. Tôi xin trích một đoạn trong bài viết đó:

“...Nguyễn Ái Quốc là người thường đến xem triển lãm. Người có quan hệ với chúng tôi từ trước khi mở triển lãm này. Quê hương Người là Việt Nam ngày nay. Người thông thạo ngôn ngữ của những nước lớn ở châu Âu. Khi thảo luận, Người nói rất sinh động. Người am hiểu những trào lưu nghệ thuật Tây Âu và mỉm cười để lộ rằng, ở Pa-ri, Người cũng có vẽ chút ít. Người nhận xét một cách tinh tế về những tác phẩm mà Người đã xem và trước hết về những nghệ sĩ đã mạnh dạn phơi trần sự thật xã hội, kêu gọi đấu tranh. Người bàn luận về những vấn đề nghệ thuật của châu Âu, sau khi đã nghiên cứu đầy đủ, chính xác, thận trọng. Người nhấn mạnh rằng mỗi dân tộc cần phải chăm lo đặc tính dân tộc mình trong nghệ thuật...”

Đọc lại những dòng chữ đó của nhà họa sĩ đã quá cố, đọc bức thư của Hồ Chủ tịch gửi anh em họa sĩ Việt Nam giữa những ngày đang tập trung kháng chiến chống thực dân Pháp. Tôi sung sướng được hiểu thêm một khía cạnh độc đáo nữa ở vị lãnh tụ lỗi lạc và toàn diện này...

Về công việc đã tiến hành trong Phủ Chủ tịch, dĩ nhiên là chưa kết thúc. Tôi chỉ có thể tạo dáng bằng đất nung, sau đó nhờ Trường cao đẳng Mỹ thuật Hà Nội cho đúc khuôn bằng thạch cao, rồi đóng hòm thật cẩn thận để mang về nước. Ở Béc-lin, tôi đã cho đổ đồng được năm bức tượng cỡ vừa. Hiện nay, một bức được đặt tại Trường Đào tạo sĩ quan biên phòng mang tên *Hồ Chí Minh* ở ngoại ô Béc-lin, một bức tại Viện hàn lâm nghệ thuật, một bức tại Viện bảo tàng trung ương, một bức đặt tại công viên Tờ-rép-tô và một bức nữa thì đã gửi sang Việt Nam.

Tôi không dám nói rằng đã có thể hài lòng về bức tượng Bác Hồ của mình. Nhưng ít nhất, với bức tượng đó, tôi cũng ghi giữ lại được một kỷ niệm vô cùng đẹp đẽ về đất nước Việt Nam, đất nước của Bác Hồ. Và tôi có thể nói rằng: đó là một tác phẩm của tình yêu...

TRẦN ĐƯƠNG ghi

Báo Văn Nghệ - Một tác phẩm của tình yêu
(Số 967 ngày 15/5/1982)

XÔM XỈ ĐE XI

Lào

NHỚ ƠN CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH - VỊ LÃNH TỤ ƯU TÚ CỦA GIAI CẤP VÔ SẢN

Ôi! Năm 69

Năm xót xa thương nhớ

Ngày Ba tháng Chín, không khí ảm đạm

Trăng lu, mặt trời mờ thê thảm

Trời mưa như xối, nước tràn trề

Cảnh vật đất trời cũng rầu rĩ ủ ê

Hồi 9 giờ 47 phút

Chủ tịch Hồ Chí Minh - hồn dân tộc

Ra đi, trở lại không hẹn ngày!

Muôn dân sừng sốt đấng cay

Tim nhói đau tiếc thương hồn ngọc quý

Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ tên tuổi lẫy lừng thế kỷ

Đạo đức Người là tấm gương trong

Cần-kiệm-liêm-chính, sắt son một lòng
Trọn cuộc đời 79 năm hy sinh tận tụy
Chẳng chút vì mình, chỉ vì Việt Nam,
vì năm châu chân lý
Người chiến đấu phá tan xích xiềng
Xây xã hội công bằng không còn áp bức nhỏ nhen
Người thực sự làm người sống tự do hạnh phúc
Lý tưởng Người trở thành hiện thực
Người chiến thắng hai kẻ thù hung bạo
Pháp phải thua, Mỹ gần ngày thất bại
Chủ tịch Hồ Chí Minh! Hồ Chí Minh!
Công đức Người hơn hẳn cả lúc bình sinh
Phút ra đi... Người còn để lại Di chúc
Nhu ngọn đuốc, chỉ hướng tương lai sáng rực
Cho Việt Nam, cho cả hoàn cầu
Cuối Di chúc, ngời ngời từng câu
Còn in đậm nét người đã ký
Bút tích Người sẽ không phai qua hàng thế kỷ
Hồ Chí Minh! Hồ Chí Minh!
Tên tuổi Người là mặt trời tỏa sáng quang vinh

Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

SIACA DIARAXUBA

Ma-li

TRÊN ĐƯỜNG HÀ NỘI

Trong niềm kiêu hãnh của thống nhất giống nòi
Người lính gác không kẻ nào đánh bại được
của nền Dân chủ Nhân dân!

Ơi cô áp ủ những truyền thống sáng ngời

Điện Biên Phủ

Và những hơi thở của Di chúc Bác Hồ

Bác Hồ kính yêu

Ơi người con gái của Việt Nam anh dũng!

Tôi biết vì sao cô yêu Hà Nội

Thủ đô của quang vinh

mà cô bảo vệ bằng máu của mình,

Đô thành không kẻ nào đánh bại được

Mà cô duy trì trong lửa nhiệt tâm.

Tôi biết cả cái đó, Ơi cô dân quân trẻ

Canh gác trên đường Hà Nội

Vì từ lò lửa của chiến tranh giải phóng

Miền Bắc Tổ quốc cô hiện ra chiến thắng

Đề nhập làm một trong tình yêu chót cùng

Với miền Nam Tổ quốc

Rồi cuối cùng sẽ được giải thoát

Khỏi những lỗi lầm tội ác của lịch sử.

Tôi biết tất cả cái đó, vâng, chỉ riêng cái đó

Hỡi cô gái của con đường quang vinh!

TRẦN LÊ VĂN dịch

Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

ĐỒNG TẤT VŨ

Phó Chủ tịch nước CHND Trung Hoa

BÀI THƠ

NHẬT KÝ CHUYẾN ĐI THĂM HOÀNG SƠN*

Hoàng Sơn thuộc tỉnh An Huy Trung Quốc là một trong những cảnh đẹp nổi tiếng nhất ở Trung Quốc. Ở đây có bốn cảnh đẹp độc đáo là thông kỳ, đá lạ, biển mây và suối nóng.

Từ xưa nhân dân Trung Quốc và khách thập phương đã đến đây văn cảnh, nghỉ mát. Những cái tên như Bạch Long Tuyên, Bạch Tương Tuyên, Hồ Đầu Nhai, Hòn Đá Say, Ôn Tuyên, Thiên Phong Độ và đặc biệt là dãy núi cao với 72 ngọn, thế như hình xoè nan quạt đã được nhiều người trong cả nước và khách du lịch biết đến.

Năm 1965 trong thời gian đến thăm Hoàng Sơn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến Quan Bộc Lầu (Lầu ngắm thác nước), nhà khách ở khu Suối nóng, đi bộ ở vùng Quan Bộc Đình, thăm trường Tiểu học Hoàng Sơn, gặp gỡ bà con xã viên, thăm trường Lâm nghiệp, vui liên hoan ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6 với các cháu thiếu niên, nhi đồng địa phương, dự mít tinh do chính quyền Hoàng Sơn tổ chức...

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành thời gian đến thăm suối Trăm Tượng, đỉnh Đào Nguyên, thác hình chữ Nhân, gác Từ Quang...

Ngày 25-5-1965, tức là sau 5 ngày cùng đi với Chủ tịch Hồ Chí Minh, tại Thương Trì, Phó Chủ tịch Đồng Tất Vũ đã làm xong một bài thơ chữ Hán, dài 70 câu, mỗi câu 5 chữ, viết trên tờ giấy to, hai phía trên và dưới có trang trí bằng hoa văn màu xanh nhạt, tặng đồng chí Hồ Chí Minh. Bài thơ ca ngợi cảnh đẹp của Hoàng Sơn, kể về chuyến đi nghỉ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ca ngợi công lao, đức độ của Bác Hồ và cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc Việt Nam:

Bài thơ mở đầu bằng mấy câu:

"Cửu văn Hoàng Sơn thắng
Ty thọ lai Vũ Diên
Trú tất tại Thương Trì
Thương thủy Triều tịch kiến

Dịch là:

Hoàng Sơn nghe tiếng từ lâu
Tuổi già đi đến Trinh Châu tránh phiền
Thương Trì dừng lại gót tiên,
Sớm chiều một sắc xanh liền núi non.

Tiếp đó, giữa bài thơ Phó Chủ tịch Đồng Tất Vũ viết:

Hồ công cự khiếm đức
Khởi tác vệ quốc chiến,
Kháng Mỹ tín tâm kiến.

Dịch là:

Cự Hồ đức khiêm tốn
Lo kháng chiến giữ nước
Chống Mỹ niềm tin bền

Trước khi rời Hoàng Sơn, kết thúc mười tám ngày sống gần gũi, gần bó tình cảm với đồng chí Hồ Chí Minh, phó Chủ tịch Trung Quốc Đồng Tất Vũ lại làm một bài thơ thất ngôn Từ giả Hoàng Sơn tặng đồng chí Hồ Chí Minh. Chủ tịch Hồ Chí Minh

cũng đã làm một bài thơ chữ Hán nhan đề *Nhật ký chuyến đi thăm Hoàng Sơn* để tặng lại Phó Chủ tịch Đồng Tất Vũ. Bài thơ chữ Hán của Người được dịch ra như sau.

*Đông đảo xã viên đi hái chè
Chè thơm ngào ngạt nước gần xa.
Khách từ Nam - Bắc - Đông - Tây đến
Uống cốc chè thơm nghe hát ca.
Trẻ ở Hoàng Sơn hết sức ngoan.
Gặp ta vốn vĩa "chào Bác" luôn.
Miệng như hoa má hồng như táo,
Tình cảm Bác, cháu thật đậm đà.*

*Cảnh trí Hoàng Sơn đẹp dễ thay!
Một ngày trời mưa, năm ngày nắng,
Sáng đưa khách cũ, đón khách mới,
Tôi nghe tiếng suối, tiếng mưa rơi!*

*Cụ Đồng⁽¹⁾ tặng ta bài thơ dài
Ta muốn họa thơ gửi lại Ngài.
"Chống Mỹ cứu nước" bao công việc.
Chiếm cả lòng ta, chưa rảnh tay.*

*Từ cổ An Huy lắm anh hào,
Làm sao sánh kịp Tân tứ quân.
Bộ đội với Đảng trù cường bạo,
Từ đây "công nhân" thành "chủ nhân",*

*Đồng chí địa phương mến khách quá,
Tiếp đãi chúng ta đầy đủ cả.
Mỗi tối đều mời đi xem hát.
Ngày ngày đưa xem khắp gần xa.*



Chủ tịch Hồ Chí Minh đề thơ ca ngợi Trường Thành,
Trung Quốc (7/1955)

- Ảnh: TTXVN

Theo đồng chí Vũ Kỳ, người có vinh dự đi cùng Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Hoàng Sơn trong thời gian từ ngày 21-5-1965 đến ngày 8-6-1965 cho biết thêm trong thời gian đó, Bác Hồ đã làm 6 bài thơ chữ Hán, được khắc thành chữ lớn treo trong khu nhà nghỉ ở Hoàng Sơn.

NGUYỄN XUÂN THÔNG

(Sưu tầm & giới thiệu)

Báo Văn nghệ, trang 5 Số 31 năm 1992

* Dấu đề do Nhà xuất bản đặt.

⁽¹⁾ Tức Phó Chủ tịch Trung Quốc Đồng Tất Vũ.

SE-NƠ EC-HÁC

Nhà thơ Đức

THƠ CỦA NIỀM TIN VÀ QUYẾT THẮNG

Nhà anh chị Se-nơ ở Soen-ai-sơ Lin-đơn, một khu rừng nhỏ thuộc ngoại ô Béc-lin. Sau nhà cạnh những hàng thông cao vút và những rừng bồ đề, có một khóm tre xanh hiền hậu gợi lên một phần nào khung cảnh Á Đông. Hai anh chị rất tự hào về khóm tre đó, nên vừa gặp tôi họ đã khoe ngay. Anh Se-nơ là tác giả của nhiều bài thơ ủng hộ Việt Nam, trong đó có *Bài ca lính thủy đánh bộ Mỹ* đã được nhạc sĩ Rai-nơ Soen-nơ phổ nhạc. Cả hai anh chị là những người đã dịch tập thơ *Nhật ký trong tù* của Bác Hồ ra tiếng Đức.

Tôi bày tỏ với anh, chị niềm vui mừng của mình về việc Nhà xuất bản *Nhân dân và thế giới* đã ấn hành tập thơ *Nhật ký trong tù* do anh chị dịch. Tại Cộng hoà dân chủ Đức, đây là lần đầu tiên một tác phẩm văn học lớn của Bác Hồ được dịch toàn bộ từ nguyên bản và phát hành với một số lượng lớn, được bạn đọc phần khởi chào đón, coi đó như một sự kiện tiêu biểu cho đời sống văn học.

Vì đã biết ý định của tôi, anh chị Se-nơ bày sẵn trong phòng khách những tài liệu mà hai người từng dùng trong quá trình dịch thơ Bác. Tôi lướt nhanh từng bìa sách: *Nhật ký trong tù* bản tiếng Pháp (Nhà xuất bản *Ngoại văn Hà Nội* - 1971) *Nhật ký trong tù* nguyên bản chữ Hán kèm theo bản dịch tiếng Việt

(Nhà xuất bản *Văn Hoá Hà Nội* - 1960), *Nhật ký trong tù* bản tiếng Trung Quốc (Nhà xuất bản *Nhân dân Bắc Kinh* - 1960), cùng nhiều tập thơ, truyện hồi ký cách mạng của ta đã dịch ra tiếng Đức và những tập ảnh giới thiệu cuộc đời hoạt động của Bác. Tôi đặc biệt chú ý tấm bản đồ do anh chị Se-nơ vẽ về chặng đường Bác từng trải qua trong suốt chặng thời gian bị tù đầy, dựa theo các địa danh Bác ghi trong *Nhật ký trong tù*. Chừng đoán được sự ngạc nhiên của tôi, chị Hen ga mỉm cười nói:

- Từ năm 1956 đến 1958, chúng tôi công tác ở Bắc Kinh và đã có nhiều dịp thăm miền nam Trung Quốc, trong đó có Quế Lâm. Nhưng hồi đó, chúng tôi nào có được biết Bác Hồ đã từng bị bọn Tưởng Giới Thạch giam cầm ở đây...

Éc-hác gật đầu, tiếp lời vợ:

- Mãi đến năm 1961, chúng tôi mới tình cờ được đọc bốn bài thơ của Người đăng trên tạp chí *Thị san* xuất bản ở Bắc Kinh: *Nghe gà gáy, Không ngủ được, Cảm tưởng đọc Thiên gia thi và Mới ra tù, Tập leo núi*, cùng với lời giới thiệu về hoàn cảnh ra đời của các bài thơ. Chúng tôi rất xúc động khi đọc những bài thơ tuyệt diệu này. Chúng tôi vốn biết Hồ Chủ tịch là một nhà chính trị lỗi lạc, một lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Việt Nam. Với bốn bài thơ trên đây, lần đầu tiên chúng tôi được hiểu thêm một khía cạnh mới về cuộc đời về tâm hồn phong phú của Người. Từ đó, chúng tôi có ý định dịch thơ Người ra tiếng Đức. Bốn bài thơ nói trên được dịch sớm nhất, đã giới thiệu trên mấy tờ báo và tạp chí, sau lại được tuyển vào tập *Thơ Hồ Chí Minh* do nhà xuất bản *Cuộc sống mới* (Cộng hoà dân chủ Đức) ấn hành năm 1970. Chúng tôi cố gắng đi tìm nguyên bản của tập thơ. Các bản tiếng Pháp, tiếng Anh chỉ dùng để tham khảo. Nhờ một số bạn nhiệt tình giúp đỡ, chúng tôi mới có được bản chữ Hán do nhà xuất bản *Văn hoá Hà Nội* ấn hành năm 1960. Tập sách in khá đẹp và công phu. Chúng tôi sung sướng đọc từ đầu chí cuối. Cảm nghĩ đầu tiên là bài nào cũng rất đáng yêu. Mỗi bài là một tia lửa nhỏ từ ngọn lửa của tâm hồn người chiến sĩ vĩ đại. Toàn

bộ tập thơ toát ra tinh thần dũng cảm coi thường khổ cực, hiem nghèo, chan chứa niềm yêu thương đối với nhân dân và đất nước. Cái gì đã có sức lôi cuốn chúng tôi hơn cả? Chính là cảm hứng lãng mạn cách mạng, thể hiện niềm lạc quan vô bờ bến, một niềm tin tưởng không gì lay chuyển nổi của Người vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

Chị Hen-ga nghe chồng nói, mắt chớp chớp đầy vẻ tán đồng. Chị bổ sung:

- Động lực thúc đẩy chúng tôi say mê dịch tập thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh là lòng kính yêu đối với Người và đối với nhân dân Việt Nam. Đồng chí biết, chúng tôi phải tiến hành dịch vào buổi tối và các ngày nghỉ, vì hàng ngày có việc ở cơ quan. Như nhà tôi nói, nhờ đọc thơ Người mà được hiểu thêm tâm hồn của Người, tài năng của Người. Đó là một tâm hồn tiêu biểu của các nhà cách mạng chân chính nói chung. Nếu không có cuộc đời phong phú thì không thể có những bài thơ phong phú như vậy. Qua những trang thơ, chúng tôi thấy rõ hình ảnh một con người rất thông minh, uyên bác, nhân đạo, rất lạc quan, yêu đời...

Nét mặt Éc-hác trở nên tự lự hẳn. Anh suy nghĩ một lát rồi nói:

- Trong quá trình dịch thơ, lòng tôi cứ xao động mãi về những nỗi khổ đau mà Người đã trải qua, nhiều lúc niềm xót thương tự nhiên trào thành lệ... Lúc sinh thời, Bác hầu như không kể gì về cuộc đời mình, và có lẽ cũng chỉ nhờ *Nhật ký trong tù* mà chúng ta hiểu được thêm một ít về chặng đường đời đầy gian truân của Người. Tập thơ làm chúng tôi liên tưởng đến cuốn ký sự *Viết dưới giá treo cổ* của Giu-li-út Phu-xích và những bức thư của Rô-da Lú-xen-bua gửi từ nhà tù ra. Đối với Bác Hồ, cũng như với bao nhiêu nhà cách mạng vô sản khác, nhà tù, là một trường học rất quan trọng, rất có ý nghĩa. *Nhật ký trong tù* là sự tổng hợp của những nhận xét, đánh giá về con người và sự việc, những kinh nghiệm đã thu nhận được trên đường đời, niềm thương cảm đối với những người tù, những người phu làm

đường, lòng thương nhớ đồng bào, đồng chí không bao giờ nguôi, nỗi khao khát tự do, những suy nghĩ đến cháy lòng về cách mạng, về sự vắng mặt của Người giữa lúc làn sóng cách mạng trong nước đang dâng lên mạnh mẽ. Tập thơ chứa đựng biết bao nhiêu là yêu thương, căm giận, biết bao nhiêu khát khao, mong nhớ! Càng đọc, ta càng thấy rõ: Bác Hồ, con người vĩ đại ấy, rất đau khổ về thể xác, về vật chất, song tâm hồn thì vững chãi vô cùng.

Trong suốt tập thơ của Bác, hoàn toàn không có một chút u uất, nã nề nào, mà chỉ là một nỗi khát khao hành động. Thơ của Bác Hồ như đã nói, là thơ tranh đấu, thơ hành động. Bằng hành động cách mạng của mình, tên tuổi của nhà cách mạng Việt Nam và nhà chiến sĩ quốc tế vĩ đại này vĩnh viễn được ghi vào lịch sử của nhân loại tiến bộ.

Nghe Éc-hác nói, tôi hoàn toàn bị thu hút bởi những cảm nghĩ tốt đẹp của anh. Tôi biết anh cũng đã từng đọc và bình thơ Bác Hồ tại các câu lạc bộ của công nhân, các trường học, tại nhiều đơn vị quân đội... Dĩ nhiên, không phải anh chị Se-nơ là những người duy nhất ở Cộng hoà dân chủ Đức đã đọc thơ, dịch thơ và phát biểu về thơ của Bác. Các Mích-ken, trong lời tựa tập *Thơ Hồ Chí Minh* do nhà xuất bản *Cuộc sống mới* ấn hành năm 1970 từng viết: "Hồ Chí Minh - đó là một vị lãnh đạo Nhà nước, đồng thời là một nhà thơ lỗi lạc. Người dành một hình thức cô đọng nhất và dễ nhận cảm nhất để truyền đạt lại những kinh nghiệm của một cuộc đời hoạt động chính trị lâu dài. Bởi thế, thơ của Người mãi mãi là vũ khí trong cuộc đấu tranh giai cấp - chùng nào những giai cấp thù địch vẫn còn". Và, trên bìa tập *Những đêm hành quân*, một tuyển tập thơ văn Việt Nam do nhà xuất bản *Nhân dân và thế giới* ấn hành cũng in nổi bật bài thơ *Hoàng hôn* của Bác, với những dòng bình luận: "Bài thơ đầy tính nghệ thuật trên đây của một trong những nhà thơ Việt Nam nổi tiếng nhất gợi ta nhớ đến những bức tranh của nền hội hoạ phương Đông. Chỉ với đôi nét phác qua của ngọn bút lông, ta

thấy nổi bật lên sắc thái của cả một khung cảnh. Không có gì chứng tỏ rằng bài thơ ấy đã được sáng tác trong ngục tù, ngay giữa những cuộc khảo tra của bọn cảnh sát Tường Giới Thạch. Chính mối tương quan giữa thành tựu nghệ thuật và điều kiện sáng tác này là một nét độc đáo của văn học Việt Nam”.

Trong lời bạt của bản dịch, anh chị Se-nơ cũng trình bày khá kỹ về điều kiện ra đời và những đặc điểm nghệ thuật của *Nhật ký trong tù*. Trong câu chuyện cùng tôi Éc-hác hào hứng nhắc lại những ý nghĩ tâm đắc nhất của mình:

- Chúng tôi biết, Bác đã từng đọc Sếch-xpia và Đích-ken bằng tiếng Anh, đọc Vích-to Huy-gô và Dô-la bằng tiếng Pháp. Thời thanh niên, người từng yêu thích A-na-tôn Phrăng-xơ và Lép Tôn-xtôi. Người cũng đã đọc Lỗ Tấn, nhà văn cách mạng Trung Quốc. Và từ buổi thiếu niên, Người đã làm quen với nền văn hoá cũng như với ngôn ngữ Trung Quốc rồi. Điều làm chúng tôi ngạc nhiên chính là Người đã tiếp thu một cách nhuần nhuyễn những truyền thống nghệ thuật đó, biến nó thành ngôn ngữ riêng và cuối cùng, với *Nhật ký trong tù*, Người đã có một cống hiến lớn về văn học bằng ngôn ngữ nước ngoài. Vượt lên khuôn khổ nghiêm ngặt của luật thơ Đường, Người viết nên những vần thơ của tiếng khóc, tiếng cười. Chính sự trào lộng, niềm yêu đời, những tiếng tự đáy lòng... làm cho thơ Người càng phong phú và có giá trị hiện thực lớn. Tóm lại, nội dung cách mạng mới, những cảm xúc mới đã được thể hiện bằng luật thơ “cổ điển”, đó là đặc điểm cơ bản của thơ Hồ Chủ Tịch sáng tác trong tù. *Nhật ký trong tù*, dưới hình thức nghệ thuật thi ca, là sự biểu hiện tài tình những tình cảm, những kinh nghiệm phong phú của nhà cách mạng đầy nghị lực, có học vấn sâu rộng...

Éc-hác chợt dừng lại, mỉm cười nhìn vợ, nhìn tôi và lấy điệu bộ minh họa cho những điều mình nói:

- Vâng, cũng có thể tên cai ngục đã liếc trộm qua vai Bác và lẩm bẩm: “Người tù kia làm thơ ư?... Ông ta viết gì đấy nhỉ?... À, à... thì ra toàn những chuyện xay thóc, gà kêu... thế thôi...”

Tên cai ngục ngu xuẩn ấy làm sao hiểu được tâm hồn của một bậc vĩ nhân! Chính đằng sau những hình tượng ấy, với sự am hiểu sâu sắc về văn học cổ điển Trung Quốc, Người gửi gắm những tâm trạng, những nỗi niềm sâu lắng nhất. Lê-nin cũng đã có lần nói đến ý nghĩa của biện pháp ẩn dụ này. Với *Nhật ký trong tù*, Bác làm thơ để tự động viên mình, để bảo vệ chân lý, để đấu tranh mau chóng được ra hoạt động công khai và hoàn thành nhiệm vụ chính trị của mình. Tôi đã đọc rất kỹ những bài thơ Bác viết về học đánh cờ. Đây là cả một nhận thức có tầm chiến lược, chiến thuật rất cao:

Kiên quyết không ngừng thế tiến công

và

Lạc nước, hai xe đành bỏ phí

Gặp thời, một tốt cũng thành công!

Ở thơ Người có thể nói, tình cảm con người, tiếng nói yêu thương và ý chí gang thép luôn luôn hoà làm một. Đọc từng bài, đọc nhiều bài, đọc cả tập, tâm hồn ta luôn luôn như được nâng lên, chấp cánh. Chính vì vậy, tôi muốn nhắc lại cái ý: Thơ Bác Hồ là thơ tranh đấu, thơ hành động. Đó là thơ của niềm tin và quyết thắng!

Éc-hác đưa mắt nhìn ra xa, hai tay xoa mạnh vào nhau. Chợt anh đứng dậy, lấy trong tủ ra một tập thơ mới in của Bác, để tặng tôi và tâm sự:

- Xin nói riêng với nhau rằng: chúng tôi đã hết sức cố gắng trong công việc của mình. Đây là một công việc hoàn toàn tự nguyện, một công việc xuất phát từ tấm lòng. Chúng tôi cố gắng trung thành với văn điệu, nhịp điệu cho đến số chữ, số câu của từng bài thơ. Tôi cứ nghĩ: trong đời người ta chỉ cần được một lần may mắn thực sự. Đối với tôi, việc dịch thơ Bác Hồ, là một hạnh phúc lớn, 15 năm qua, với công việc này, chúng tôi luôn mang trong lòng mình hình ảnh của Bác Hồ, hình ảnh của nhân dân Việt Nam chiến đấu. Ngược lại, với thơ mình, Bác Hồ

như lúc nào cũng tâm sự cùng chúng tôi, như dạy dỗ, khích lệ chúng tôi. Dù hết sức cố gắng, chúng tôi biết công việc của mình vẫn chưa xứng đáng với tác phẩm nghệ thuật vĩ đại mà Người đã cống hiến cho dân tộc, cho nhân loại. Nhưng, chúng tôi hết sức tự hào về công việc mình đã lựa chọn và càng xúc động khi bản dịch hoàn thành đúng vào lúc miền Nam Việt Nam hoàn toàn giải phóng, vào lúc những đoàn người chiến thắng nô nức tiến vào “Thành phố Hồ Chí Minh rực rỡ tên vàng”. Trong hoàn cảnh ấy, tôi thường nhẩm đọc hai câu thơ của Bác:

Sự vật vẫn xoay đà định sẵn

Hết mưa là nắng hừng lên thôi!

Ở miền Nam Việt Nam, ở khắp đất nước Việt Nam, nắng đã hừng lên rồi, nắng đã bừng lên, chói sáng, rực rỡ. Đó là nắng của hoà bình, của nhân phẩm, của tình yêu thương, nắng muôn đời của chủ nghĩa xã hội.

*Báo Văn nghệ “Thơ của niềm tin và quyết thắng”
Trang 2-3, Số 5-6 (Tết Quý Hợi)*

N.GHI-ĐEN
Tây Ban Nha

HỒ CHÍ MINH

Cuối một chuyến đi xa
Hồ Chí Minh hiền hoà và tinh táo
Trên màu trắng tinh của bộ quần áo
Trái tim Người sôi sục bao la.

Không cận vệ, chẳng người hầu,
Người vượt qua núi cao, sa mạc.
Trong màu trắng của bộ áo quần
Chỉ có một trái tim rộng mở

Nào Người có muốn gì hơn
Cho cuộc đi xa...

La Ha-ba-na 5-9-1969
LÊ XUÂN QUỲNH dịch

M.R ĐA GIÔ
Indônêxia

NHÂN DÂN HỒ TO: "KÍNH CHÀO BÁC HỒ"

Mọi cái hôn phải chẳng chỉ là tình cảm?
Và nếu không, sao lại thấy bức mình?
Chê trách người thượng khách vì một cái hôn?
Hay chẳng qua vì đó là người Cộng sản?

Dù vậy, Bác vẫn là Bác Hồ yêu mến
Một chiến sĩ Hòa bình một bậc cao niên
Người Cộng sản ư? - Đã làm sao, thưa bạn
Mà chất hoài nghi đã đầu độc trái tim!

Mặc bọn hèn những tưởng mình trong sạch đó
- Sản phẩm của lòng ghen tị nhỏ nhen -
Bác Hồ ơi, xin Người cứ khiêm tốn đi lên!
Gạt bọn ti tiện kia lùi vào một xó
Như lũ hề ra nhảy nhót làm trò
Nhân dân thét lời chào kính mến: Bác Hồ!

TRINH ĐƯỜNG dịch
Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

ERÍCH GIÔHANXƠN
Họa sĩ Đức (gốc Thụy Điển)

KỶ NIỆM CỦA NGƯỜI HOẠ SĨ VỀ CHÂN DUNG NGUYỄN ÁI QUỐC

E-rích Giô-han-xơn là một họa sĩ Đức, gốc Thụy Điển. Ông sinh năm 1895, kém đồng chí Nguyễn Ái Quốc năm tuổi.

Năm 1924, ông đến Liên Xô tổ chức cuộc triển lãm nghệ thuật quần chúng đầu tiên của Đức, tại ngôi nhà Bảo tàng nghệ thuật quốc gia ở Thủ đô Mát-xcơ-va.

Đồng chí Nguyễn Ái Quốc lúc bấy giờ cũng đang sống và hoạt động cách mạng ở đây. Người đã đến tham dự các Đại hội quốc tế nông dân, Quốc tế thanh niên, Quốc tế phụ nữ và Quốc tế cộng sản.

Cũng trong thời gian này, Người còn dành thời gian đi tham quan, nghiên cứu nhiều nơi, tiếp xúc với nhiều bạn bè quốc tế. Người đã nhiều lần đến thăm các cuộc triển lãm tổ chức ở Mát-xcơ-va, trong đó có triển lãm do E-rích Giô-han-xơn phụ trách. Chính trong những lần đó, Nguyễn Ái Quốc và Giô-han-xơn quen biết nhau⁽¹⁾.

Ngay từ buổi đầu tiếp xúc cũng như qua các câu chuyện trao đổi với Nguyễn Ái Quốc. E-rích Giô-han-xơn hết sức khâm phục, quý mến người đồng chí Việt Nam. Họa sĩ E-rích Giô-han-xơn kể: "Trong suốt thời gian tôi ở Mát-xcơ-va, gần như ngày nào chúng tôi cũng gặp nhau để nói chuyện về nghệ thuật và chính trị. Ái Quốc, tôi vẫn thường gọi Người bằng cái

tên ấy - là một người kiệt xuất trên nhiều lĩnh vực, một con người rất uyên bác.

Chính trong thời gian đó, E-rích Giô-han-xon đề nghị được vẽ chân dung Nguyễn Ái Quốc để làm kỷ niệm. Bức vẽ ấy trở thành một kỷ vật quý báu mà vợ chồng họa sĩ gìn giữ gần 50 năm qua.

Đến cuối năm 1981 cụ bà Giô-han-xon đã trao cho Đại sứ quán ta ở Thụy Điển bức chân dung Nguyễn Ái Quốc do chồng bà vẽ và xúc động nói: "Tôi rất tiếc chồng tôi không còn sống được tới ngày hôm nay để gặp những con cháu của đồng chí Nguyễn Ái Quốc - của chủ tịch Hồ Chí Minh.

*

* *

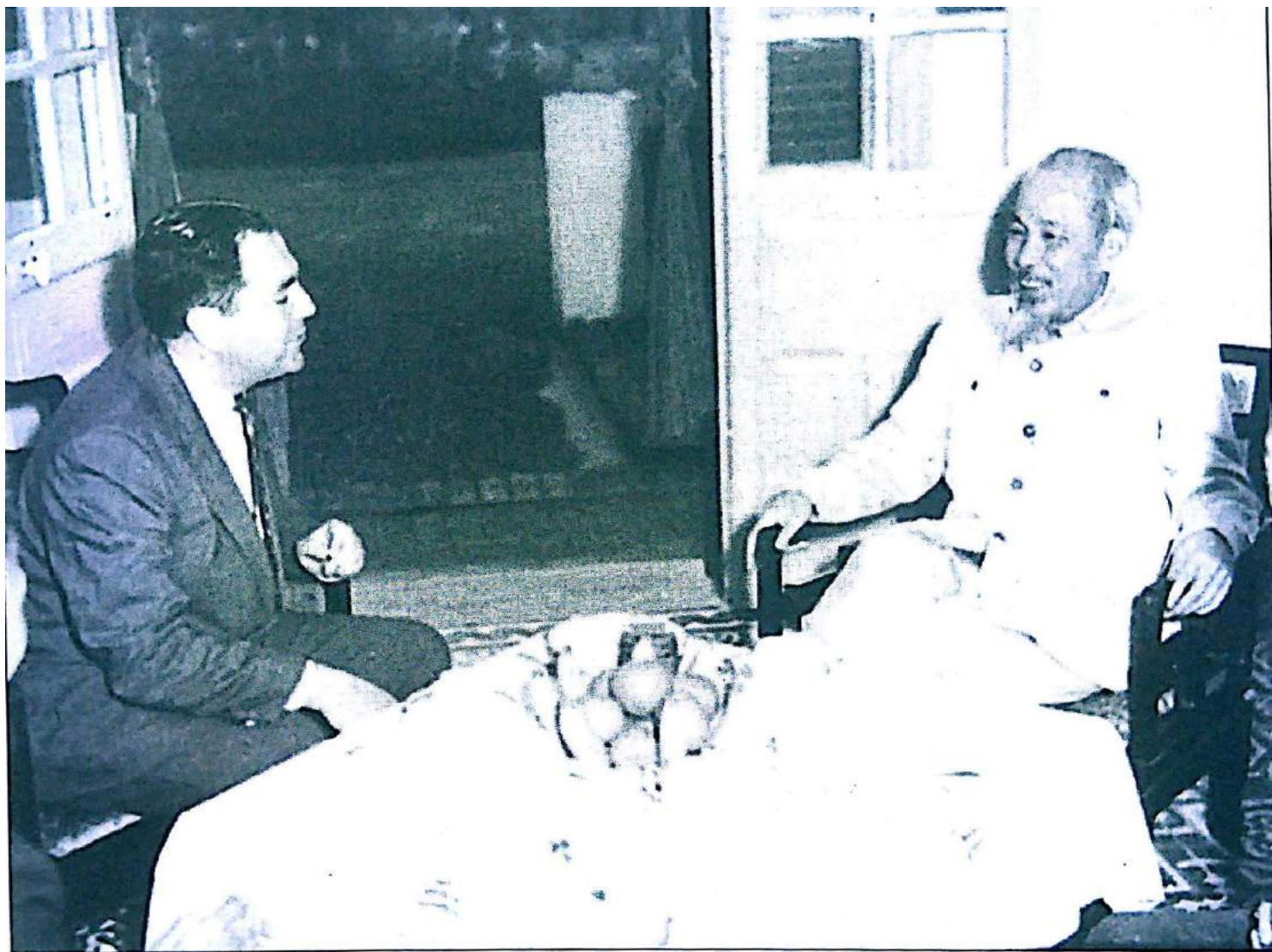
Sau bốn tháng ở Mát-xcơ-va để tổ chức triển lãm E-rích Giô-han-xon rời nước Nga trở về Đức. Ông tiếp tục vẽ nhiều tranh và tích cực hoạt động cách mạng.

Khi bọn phát xít Hít-le lên nắm chính quyền chúng tìm cách truy nã, bắt bớ những người cách mạng, E-rích Giô-han-xon bí mật trở về Thụy Điển Tổ quốc yêu dấu của mình, dùng ngòi bút và trí tuệ vẽ nên những tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng.

Nhớ lại những kỷ niệm đối với đồng chí Nguyễn Ái Quốc trong lần gặp gỡ đầu tiên năm 1924, E-rích Giô-han-xon kể: "Người nói rất sinh động. Người am hiểu những trào lưu nghệ thuật Tây Âu và mỉm cười để lộ rằng khi còn ở Pari, Người cũng có vẽ chút ít. Người nhận xét một cách tinh tế về những tác phẩm mà Người đã xem và trước hết về những nghệ sĩ đã mạnh dạn phơi trần sự thật xã hội, kêu gọi đấu tranh. Người bàn luận về những vấn đề nghệ thuật của châu Âu, sau khi đã nghiên cứu đầy đủ, chính xác thận trọng. Người nhấn mạnh rằng mỗi dân tộc cần chăm lo tính dân tộc của mình trong nghệ thuật.

Những kỷ niệm và tình cảm đó nhiều lần còn được E-rích Giô-han-xơn kể lại cho người vợ của mình. “Khi còn sống - bà E-rích Giô-han-xơn nói: - chồng tôi thường kể với tôi rất nhiều về đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Qua những ý kiến của Người, chồng tôi nhận thấy ngay từ hồi đó Người đã là một thiên tài, có trái tim nồng nàn tinh thần quốc tế”.

1. Theo một tài liệu mật thám Pháp thì Nguyễn Ái Quốc đã có gặp Giô-han-xơn ở Pari.



Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp nhà văn Ba Lan W. Ducorpgiai
sang thăm Việt Nam

- Ảnh: Đinh Đăng Định

M.GIU-LÁP-SKI

Nhà văn, nhà báo Pháp (gốc Ba Lan)

BA LẦN GẶP BÁC

Tôi được gặp Hồ Chủ tịch lần đầu tiên đã khá lâu. Đó là vào năm 1946 tại Pari, khi Người sang Pháp để đàm phán hòa bình. Trong những ngày ở đây Người được Việt kiều ở nước Pháp đón tiếp rất long trọng. Ảnh của Bác được in hầu hết trên các báo xuất bản ở Pháp, nên khi Người bước vào phòng họp, tôi nhận ra ngay. Chỉ có một điều trong thực tế, Người trông khác hẳn: vẫn cái dáng gầy, nhỏ nhắn với chòm râu thưa và bộ quần phục nhũn nhặn, nhưng không một chiếc ảnh nào thu được cái ánh sáng long lanh của đôi mắt và lột tả nổi cái đẹp cân đối tuyệt vời của cả cái thân hình đó.

Tôi không còn nhớ được cận kề diễn biến của cả hội nghị. Nhưng có một cảnh làm tôi nhớ mãi và rất rõ như vừa mới xảy ra hôm qua.

Một hôm các cháu thiếu niên Việt Nam ở Pari tới thăm Hồ Chủ tịch. Một cô giáo trẻ người Việt Nam dẫn các cháu tới đó. Đây cũng là lần đầu tiên tôi được may mắn nghe các bài hát Việt Nam. Các cháu thiếu niên hát cho Bác Hồ, người đại diện cho cả Tổ quốc xa xôi nghe. Bác ngồi nghe rất cảm động. Có lẽ những tiếng hát này đang làm Người sống lại với thời thơ ấu của mình ở Kim Liên.

Hát xong, cô giáo định cho các cháu ra về vì sợ quấy phiền Bác. Song Bác vui vẻ giữ cả lại. Người đặt tay lên đầu một cháu gái nhỏ nhất rồi hỏi:

- Thế các cháu có biết hát bài quốc ca của Pháp không?

Tất cả đều đồng thanh trả lời: “có ạ!”.

- Thế thì các cháu hát xem nào.

Những giọng hát thanh, nhỏ nhẹ của các cháu cùng một lúc ngân vang lên bài ca cách mạng mà từ lâu đã trở thành quốc ca của Pháp. Bác khẽ gật đầu và nheo đôi mắt lại. Một sự cảm động thật sự choán hết tâm hồn những người Pháp có mặt ở đây. Rất rõ ràng đây không phải là một cử chỉ trống không của Bác. Chúng tôi ai cũng thấy đó là biểu hiện của một thiện chí hòa bình, một biểu hiện hùng hồn tình yêu của Bác dành cho những truyền thống đấu tranh vì tự do của Pháp, dành cho nước Pháp với cái nghĩa thực sự của nó.

Nhưng chính lúc bấy giờ trên khuôn mặt Bác đã thoáng hiện những điều lo lắng. Mấy tuần sau Người rời Pháp... Ba tháng sau thực dân Pháp làm bùng nổ cuộc chiến tranh mà nhân dân Pháp gọi là “Cuộc chiến tranh bẩn thỉu”.

Lần thứ hai, tôi may mắn được gặp Bác vào tám năm sau, mùa thu 1954. Chính xác hơn là hai ngày sau khi Quân đội nhân dân Việt Nam tiến vào Hà Nội. Tôi có mặt ở Việt Nam lúc bấy giờ cùng mấy nhà báo châu Âu khác nữa. Đang viết dở bài phóng sự về những ngày đầu giải phóng thủ đô thì các bạn Việt Nam đưa cho tôi một giấy mời tới gặp Thủ tướng Phạm Văn Đồng lúc bấy giờ còn đang ở Sơn Tây.

Chúng tôi được dẫn tới một căn nhà lợp rạ, tường quét vôi trắng. Một chiếc bàn nhỏ, giản đơn kê giữa phòng và trên đó là những chiếc cốc thủy tinh dày màu xám. Ngồi xuống ghế, chúng tôi chưa kịp nhấp một ngụm nước thì chiếc rèm che cửa vào phòng bên làm bằng vải dù khẽ mở và có tiếng chào bằng tiếng Nga. Chúng tôi quay lại. Bác!

Bác vẫn giản dị, gần gũi hết như tám năm về trước. Người mặc chiếc áo sơ mi màu đen mỏng, song tôi bỗng cảm thấy Bác đẹp, trẻ hơn ra và tất nhiên là vui hơn trước. Tôi nói với Người điều đó không một chút ngần ngại. Bác cười - Ai cũng bảo vậy cả. Cuộc sống giữa rừng sâu và trước hết là chiến thắng đã làm tôi rất sung sướng.

Người ra hiệu cho đồng chí phiên dịch không cần thiết dịch rồi nghe phóng viên báo *Sự thật* nói, thỉnh thoảng Bác trả lời bằng tiếng Nga. Sau đó Người nói chuyện bằng tiếng Ý với phóng viên tạp chí *Unila*, bằng tiếng Anh với phóng viên báo *Công nhân*. Có lẽ đọc được sự ngạc nhiên của chúng tôi, Bác cười vui vẻ: “- Các nhà báo nước ngoài - Người nói bằng tiếng Pháp - thường hay kể những chuyện phóng đại về tôi. Nhưng cũng có những chuyện đúng. Khi còn trẻ, quả thật tôi có làm bồi bếp trên tàu, có đến Mỹ, Anh, Đức. Tôi cũng đã từng sống ở Pari và bắt đầu hoạt động cách mạng cùng các đồng chí Pháp. Nhiều lần tôi qua Liên Xô, Trung Quốc. Ở đâu, tôi cũng được công nhân dạy tiếng nước họ. Tôi sống cùng với công nhân ở Ý rồi cả ở châu Mỹ nữa...”

Lần thứ ba tôi được gặp Người, sự việc xảy ra như sau:

Nhân dân thủ đô bắt đầu bàn tán nhiều về việc đón tiếp trọng thể Bác từ Sơn Tây trở về. Ủy ban quân sự tạm thời có triệu tập đại biểu các đoàn thể để chuyển lời chúc mừng của Bác tới mọi người. Cuộc họp diễn ra tại ngôi nhà cạnh tòa công sứ. Tôi với danh nghĩa một nhà báo nước ngoài cũng được mời tới dự. Đầu tiên, ủy ban kêu gọi mọi người làm theo nguyện vọng của Bác là không nên tổ chức gì cả. Bác không muốn làm tốn kém tiền của vì những điều chưa cần thiết và làm mất thời gian của mọi người. Nhưng chưa một ai chịu nghe. - Thế là sao? Tám năm trời chúng tôi chỉ đợi tới phút này khi Bác - người tượng trưng cho Độc lập, thống nhất Tổ quốc - trở về để đón, vậy mà bây giờ lại phải từ bỏ nguyện vọng đó ư?

Cuộc tranh luận kéo dài tưởng không bao giờ chấm dứt. Cuối cùng, đại diện của Ủy ban đành đưa ra dự định.

- Hiện nay bên tòa công sứ các Bộ trưởng đang họp, các đồng chí có muốn gặp không?

Tất nhiên là ai cũng muốn. Chúng tôi kéo nhau sang đó và bước vào phòng tiếp khách. Chỉ mới kịp ngồi xuống, Bác đã lướt vào không một ai báo trước. Một phút bất ngờ, ngạc nhiên và im lặng. Rồi tất cả reo ầm lên...

Sau đó Người nói nhiều về tình cảm của nhân dân đã dành cho bộ đội và cách mạng. Bác nói, Người trở về Hà Nội không cần một nghi thức nào cả, Người trở về như bao người bình thường khác để đỡ tốn kém. Trong lúc đất nước đang còn gặp nhiều khó khăn, cần phải sống giản đơn như mọi người vậy. Bác kéo cháu bé tặng hoa mình vào lòng rồi ngồi nép lại nhường chỗ cho cháu. Bác nhỏ nhắn đến nỗi hai bác cháu ngồi vào một chiếc ghế bành mà vẫn rất vừa. Hồ Chủ tịch luôn có một tình cảm đặc biệt đối với thiếu nhi. Đồng chí Nguyễn Văn Tạo kể cho tôi nghe rằng ngày 19-12-1946 khi đại bác bắt đầu gầm lên ở Hà Nội, lời đầu tiên của Bác là:

- Các chú đã kịp cho tất cả các cháu thiếu nhi đi tản cư chưa?

Đấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh là con người như vậy!

HỒNG CHU trích dịch bài đăng trong báo

"Cuộc sống Vác - xô - vì"

Báo Văn nghệ số 396

Thứ 6, 14/5/1971

I.GOCOPDEP

Nga (Liên Xô)

SỨC MẠNH CỦA VIỆT NAM - HỒ CHÍ MINH

... Nhân dân Việt Nam
Như một trang hiệp sĩ -
Bao mất mát lớn lao chẳng kể
Bao đau thương tốt độ không sờn -
Trên con đường dài thử thách bước hiên ngang

Cuộc độ sức của trang hiệp sĩ
Được bạn bè ủng hộ, đứng bên
Vai sát vai, chặn thân địch chiến tranh
Vĩnh viễn từ nay sáng tỏ:
Không thể nào còn dùng cây roi địa chủ
Đánh đập địa cầu này!

Ôi hạnh phúc xiết bao
Thời đại cho tôi được sống
Đúng giữa thời điểm
Lịch sử chứng minh: sức mạnh của bạo tàn
Phải chịu cúi đầu trước chính nghĩa!

Việt Nam đã tặng cho thế kỷ
Cho loài người một ngày hội lớn lao
Hãy tung pháo hoa sáng khắp trời cao
Nơi đây bầy "đười ươi" xâm lược
Đã vĩnh viễn gãy hàm răng thép

Việt Nam chói lọi một tấm gương
Bao dân tộc đã dõi theo vùng dậy
Bao cánh tay đã đập nát xiềng gông:
Đã thắng lợi, đã đi tới đích
Lào, Campuchia kế tiếp
Ănggôla...

Như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng đã ước mơ
Ánh hồng cộng sản
Đang rọi tới những chốn đêm đen phủ kín
Tới những rừng già âm u

Những khe sâu núi thẳm
Như một tín đồ sùng tín chân thành
Muốn được đến nơi đất thánh
Tôi muốn được một lần nữa đến
Thấy lại mảnh đất thân thương yêu quý vô vàn
Mảnh đất Việt Nam
Và với từng viên đá bị thiêu đốt
Với những người bạn dù chưa quen
Với từng cô gái, từng ông già hay mỗi bé em
Khi gặp gỡ, tôi đều sẽ nói:
- Xin cảm ơn, Việt Nam!
Vì sự kiên cường!
Vì chiến thắng!

Trích trường ca
Chiến công của Việt Nam
THÚY TOÀN dịch

Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

WALTER HAILIG

Chủ nhiệm Hội nghệ sĩ nhiếp ảnh Đức

NIỀM VINH DỰ CỦA TÔI

*(Viết theo lời kể của đồng chí Van-to Hai-lich
(Walter Hailig) Chủ tịch Hội nghệ sĩ nhiếp ảnh của
Cộng hoà dân chủ Đức).*

Tôi rất xúc động khi nhận được tờ “Nhân dân” cơ quan trung ương của Đảng cộng sản Việt Nam, số ra ngày 3-1-1976, đã đăng trên đầu trang nhất một tấm ảnh cỡ lớn do tôi chụp. Đó là tấm ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chủ tịch Vin-hem Pích gặp nhau chiều ngày 25-7-1957 tại thủ đô Béc-lin, khi Người sang thăm hữu nghị nước chúng tôi. Tôi cũng rất sung sướng được biết, dựa theo tấm ảnh này, một nghệ nhân cao tuổi ở Thanh Hoá đã hoàn thành bức tranh ghép bằng nhiều loại gỗ quý để ghi lại phút gặp gỡ cảm động và thân thiết đó giữa hai vị lãnh tụ.

Thật là sung sướng khi thấy rằng, đối với hai nước chúng ta, Cộng hoà dân chủ Đức và Việt Nam hình ảnh hai vị Chủ tịch kính yêu đã trở thành một biểu tượng sinh động của tình hữu nghị anh em đời đời không gì lay chuyển nổi...

Chị Ê-ly Vin-thơ, con gái của Chủ tịch Vin-hem Pích, có lần kể lại sự kiện cảm động của buổi chiều 26-7-1957 ấy. Tưởng không thể bổ sung được gì hơn. Về phần tôi, tuy có mặt ở khu vườn của Chủ tịch Vin-hem Pích từ trước đến sau khi diễn ra cuộc gặp gỡ nhưng, với nỗi lo nghề nghiệp, tôi không thể có được sự trầm tĩnh để theo dõi từng chi tiết, từng sự việc. Có lẽ, việc hai Chủ tịch ôm hôn nhau thân thiết vẫn là hình ảnh tập trung nhất, đáng ghi nhớ nhất. Tôi còn chụp một số ảnh nữa

trong cuộc gặp gỡ này, song, tấm ảnh hai vị ôm hôn nhau vẫn là tấm ảnh tôi thích nhất, hài lòng nhất.

Khi được cấp trên giao cho nhiệm vụ chụp ảnh về cuộc gặp gỡ đó, tôi rất vinh dự. Đời người phóng viên thật có những phút sung sướng, vinh dự không ngờ. Đối với chúng tôi, Bác Hồ đã trở thành một con người vừa gần gũi, thân thiết, vừa là một nhân vật trong truyền thuyết và Chủ tịch Vin-hem Pích, vị lãnh tụ kính yêu của chúng tôi, cũng là một con người rất đáng yêu. Tôi suy nghĩ rất nhiều về những tấm ảnh mà tôi sẽ chụp. Phải thể hiện sinh động trên tấm ảnh mối quan hệ thân thiết giữa hai vị lãnh tụ, giữa hai người đồng chí đã quen biết nhau từ mấy chục năm nay. Tôi kiểm tra kỹ lại máy ảnh, phim và các đồ dùng cần thiết khác. Chắc rằng chưa có lần nào tôi chuẩn bị kỹ đến như vậy. Lòng tôi đầy phấn khởi, tự tin, nhưng vẫn xen lẫn ít nhiều hồi hộp, lo âu. Làm người phóng viên ảnh thì bao giờ cũng thế...

Tôi và các đồng chí quay phim được vào khu vườn tại nhà riêng của Chủ tịch Vin-hem Pích ở Păng-cô trước thời gian qui định chừng 15 phút. Khu vườn không rộng lắm, nhưng rất xinh xắn yên tĩnh. Chủ tịch Vin-hem Pích đang ngồi trước một cái bể nước nhân tạo hình vuông có vòi nước phun, để chờ đợi khách quý. Tôi đã có nhiều dịp vào đây và lần nào cũng được chủ tịch niềm nở bắt tay chào. Đã có lần, tôi thấy Người đang sung sướng đứng ngắm những chùm nho óng ả dưới ánh nắng mùa hè. Hồi này, Chủ tịch đã yếu nhiều, nhưng cứ nhìn gương mặt và dáng điệu chiều nay thì biết rõ Người đang có một niềm vui hiếm có. Tôi để ý thấy Người thỉnh thoảng lại nhìn ra cổng, xem đoàn xe của Bác Hồ đã tới chưa, trong những giây phút ấy, anh em phóng viên chúng tôi đều hồi hộp trước sự kiện đặc biệt sắp xảy ra...

Và Hồ Chủ tịch đã đến. Cái giây phút ấy, dù đã chờ đợi nhiều mà vẫn thấy đột ngột, bất ngờ. Từ cổng vườn, Người bước rất nhanh đến chỗ chủ tịch Vin-hem Pích. Người nở nụ cười sung

sương, hôn hậu, và nhẹ nhàng bắt tay, ôm hôn người lão đồng chí. Chính lúc ấy tôi đã lên phim và bấm máy nhiều lần. Một trong những hình ảnh của giây phút này đã được chọn lựa và phổ biến ở cả hai nước chúng ta. Cho đến hôm nay, xem lại những hình ảnh đã chụp tại khu vườn nhỏ Păng-cô vào buổi chiều 25-7-1957, tôi vẫn còn bồi hồi, xúc động...

Điều tôi nhớ nhất trong giây phút ấy là cử chỉ hết sức nhẹ nhàng, hết sức dịu dàng của Bác Hồ, Không có gì là vô vập, ồn ào, xã giao cả. Một sự dịu dàng xuất phát từ tình cảm vô cùng đầm thắm của Người đối với vị Chủ tịch nước chúng tôi. Chúng tôi biết trong những ngày trước đó, Người đã rất bận khoăn, lo lắng trước sức khoẻ của người lão đồng chí. Nghĩ đến nỗi niềm đó, mỗi chúng tôi ở Cộng hòa dân chủ Đức đều rất cảm ơn Người.

Tôi may mắn được đi theo Bác Hồ trong gần suốt thời gian Người ở thăm chúng tôi. Những nhận xét đầu tiên của tôi về đức tính hiền từ giản dị, giàu tình nghĩa của Người càng được khẳng định qua các cuộc tiếp xúc của Người với mọi tầng lớp nhân dân Cộng hoà dân chủ Đức, dù là ở Béc-lin hay ở Dre-xden, ở Rô-xtốc hay ở Xtra-dun... Dù ở đâu, Người cũng thăm hỏi tận tâm về đời sống và cảm nghĩ của nhân dân trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trên quê hương của Mác và Ăng-ghe-nơ vĩ đại. Về phía mình, Người luôn luôn bày tỏ lòng cảm ơn chân thành trước sự giúp đỡ và ủng hộ của Cộng hoà dân chủ Đức đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam. Người thường nói: “Tại nhiều nơi trên đất nước chúng tôi, ở đâu cũng có thể bắt gặp công nhân, kỹ sư, bác sĩ là công dân Cộng hoà dân chủ Đức, cũng có thể thấy máy móc, thuốc men cơ sở y tế của các bạn Cộng hoà dân chủ Đức viện trợ. Đây là những bằng chứng sinh động của tình hữu nghị anh em giữa nhân dân hai nước chúng ta. Sự giúp đỡ đó cũng như những tình cảm, ý nghĩ chung đang gắn liền nhân dân hai nước chúng ta trong đại gia đình xã hội chủ nghĩa là việc cụ thể hóa tinh thần quốc tế vô sản mà giai cấp công nhân Đức đã có một truyền thống đáng ca ngợi”.

Đầu năm 1959, khi Thủ tướng Ôt-tô Grôt-tơ-vôn dẫn đầu đoàn đại biểu Chính phủ Cộng hòa dân chủ Đức sang thăm Việt Nam, tôi có được đi theo và lại được gặp Bác Hồ. Chuyến đi ấy thật là tuyệt diệu. Tuyệt diệu từ thời tiết đến con người. Tôi đã chụp được nhiều tấm ảnh quý, như ảnh Bác Hồ tặng nữ đồng chí Giô-hơn-na, vợ thủ tướng Grôt-tơ-vôn một bông hồng. Ảnh các cô gái Hà Nội mặc áo dài nhiều màu ôm hoa lay-ơn đi đón khách. Trong chuyến đi này, tôi có một kỷ niệm vui. Khi chiếc xe “díp” của đoàn báo chí dừng lại trước Phủ Chủ tịch, tôi nhảy vội xuống, ông quần bị toạc một mảnh lợp. Tôi rất lo, vì có thể lễ tân sẽ khiển trách. Nhưng, công việc lúc này đáng lo hơn nhiều. Tôi cứ chạy vụt lên để chụp. Từ trên bậc thang, Bác nhìn xuống đám báo chí, Bác thấy ngay quần tôi bị rách, Bác cười, Thủ tướng của chúng tôi cũng quay lại nhìn và cười rất vui vẻ. Và tôi đã chụp được tấm ảnh hai vị trong khung cảnh này.

Tại cuộc mít tinh chào mừng Thủ tướng Grôt-tơ-vôn, Bác cũng rất vui. Bác lên trước ông mi-crô, ra hiệu im lặng và lấy nhịp hát bài “Kết đoàn”. Mọi người phấn khởi hát theo Người. Các đồng chí người Đức không biết hát bài này, nhưng cũng vừa vỗ tay vừa hát “la-la-la” theo điệu nhạc.

Cuối cuộc mít tinh ấy, Người hỏi tôi:

- Đồng chí có hài lòng không? Đồng chí có gì cần mà chưa có không?

Tôi sung sướng trả lời Người:

- Thưa đồng chí Chủ tịch, tôi rất hài lòng ạ. Tôi chỉ lo mỗi một điều là nếu phim chụp hỏng thì sẽ mất nhiều hình ảnh đẹp về Chủ tịch và nhân dân Việt Nam.

Người cười và thân mật hỏi thăm các đồng chí của Đài vô tuyến truyền hình và đài phát thanh.

Chính trong chuyến đi này, tôi được các đồng chí Thông tấn xã Việt Nam cho biết: xưa kia, lúc hoạt động cách mạng ở

Pháp, Bác Hồ cũng đã từng là một thợ ảnh. Chi tiết đó làm tôi vô cùng cảm động và càng suy nghĩ, càng thấy vinh dự, vì hoá ra Người cũng đã làm cái việc mà tôi đang làm...

Từ người thợ ảnh bình thường năm xưa, hôm nay, hình ảnh của chính Người đã đem lại niềm phấn khởi, niềm tin tưởng cho mọi người biết yêu, biết quý giá trị chân chính của cuộc sống, của con người.

TRẦN ĐƯƠNG ghi

Nhiếp ảnh - Niềm vinh dự của tôi

Trang 4+5 số 23, 5/6/1982)

VICHTO HARA

Chi Lê

CHÚNG TA CÓ QUYỀN HƯỞNG HÒA BÌNH

Chúng ta có quyền sống
Từ Việt Nam
Nhà thơ Hồ Chí Minh
Kêu gọi cả loài người
Bước vào cuộc đấu tranh
Trái đất phì nhiêu của chúng ta
Không thể nào huỷ diệt
Chúng ta có quyền hưởng hòa bình!

Đông Dương thật xa xôi –
Biển vẫn có bến bờ
Nhưng mảnh đất này chúng tàn phá tan hoang
Bằng napan và diệt chủng
Vàng trắng đã nổ tung
Và mỗi tiếng kêu đều tắc nghẹn trong lòng

Chúng ta có quyền hưởng hòa bình!

Bác Hồ ơi
Bài hát của chúng tôi
Là tình yêu dâng lên như lửa cháy
Là cánh chim câu, là cảnh ô liu, là hoa trái
Ngân vang khắp nơi
Liên kết mọi người bước vào cuộc đấu tranh

Chúng ta có quyền hưởng hòa bình!

*QUANG CHIẾN dịch Từ bản tiếng Đức
Văn nghệ Quân đội – tháng 5/1990*

HOÀNG KHẮC BẰNG
Trung Quốc

TƯỢNG NHỚ LÃNH TỤ VĨ ĐẠI CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Tôi nén chặt đau thương
đang cuộn cuộn trong lòng
Nước mắt rung rung ngược nhìn chân dung Người
Tôi không còn được gặp Người nữa
Tôi cũng chưa hề được gặp Người
Nhưng tên tuổi Người khắc sâu
mãi mãi trong lòng tôi
Lãnh tụ vĩ đại của Việt Nam
Người bạn chiến đấu thân thiết của chúng ta
Đời đời bất diệt
Lưu tiếng ngàn thu.

Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

GIÔRIS IVENS

Đạo diễn điện ảnh Hà Lan

NHÀ “BÌNH LUẬN” ĐIỆN ẢNH ĐẶC BIỆT CỦA ĐẠO DIỄN GIÔRIS IVENS

“Cuộc đời nghệ thuật Điện ảnh của tôi có biết bao nhiều nhà bình luận trên thế giới đánh giá. Nhưng lúc này, cái lúc tôi đang ngả lưng xuống ván thì mới thấy những bài viết của Bác Hồ về con đường nghệ thuật của tôi từ ngày mới lên đường, mà lại đúng với tôi hơn tất cả”, đạo diễn Giôris Ivens nói với đồng nghiệp của mình khi lâm bệnh nặng.

Thân thể sự nghiệp của ông lừng lẫy khắp năm châu bốn biển. Ông đã có mặt tại nhiều nơi trên thế giới trong cuộc đấu tranh cách mạng chống chủ nghĩa Tư bản, chủ nghĩa Đế quốc, và đã cống hiến trọn vẹn cuộc đời nghệ thuật và sự nghiệp chính nghĩa của mình cho nhân loại, cho hòa bình. Ông là Đạo diễn điện ảnh Giôris Ivens, người Hà Lan. Và khi mà cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước của dân tộc ta ở giai đoạn quyết liệt nhất thì đạo diễn Giôris Ivens đã đến Việt Nam.

Giữa lúc tiếng loa báo tin máy bay Mỹ xâm nhập bầu trời thủ đô thì một chiếc xe con vẫn lướt nhẹ dưới những vòm cây cổ thụ phủ bóng đêm mát dịu đỗ trước Phủ Chủ tịch của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Từ trong xe bước ra là đạo diễn Giôris Ivens và bà Marceline Loridan, vợ ông. Nguyên vọng đầu tiên của Giôris Ivens khi đến Việt Nam là được gặp Bác Hồ. Bác đã tiếp nhà đạo diễn trong một bầu không khí thân mật. Cùng tiếp

với Bác có nhà thơ Tố Hữu. Điều bất ngờ là câu đầu tiên Bác nói là đọc hai câu thơ trong “Truyện Kiều” của Nguyễn Du:

*“Đến bây giờ mới thấy đây
Mà lòng đã chắc những ngày một hai”.*

Bác Hồ nắm chặt đôi bàn tay của nhà đạo diễn trong bàn tay mình với một nụ cười đầm thắm như gặp lại người bạn cũ thân thiết. Bác nói: “Tôi đã biết tài nghệ của đồng chí từ năm 1922 kia”.

Nhà đạo diễn vô cùng sửng sốt và cảm động, cầu mong được Bác kể lại điều bí ẩn của cuộc đời mình còn đọng lại trong thời gian gần nửa thế kỷ.

Nhưng ông cũng nhận ra rằng, dù là trong không khí rất thân mật nhưng cũng rất trang nghiêm này, điều ông cần nói trước tiên là trình bày mục đích chuyến đi, và ý tưởng về bộ phim tương lai. Bác hứa với nhà đạo diễn sau khi hoàn tất công việc sẽ dành thời gian cho bằng hữu, sẽ kể lại câu chuyện của 46 năm về trước. Vượt qua khuôn thước ngoại giao, Bác nắm tay thân mật nhà đạo diễn nói: “Chúng ta đến với nhau trước hết vì tình anh em bốn bể cùng chống kẻ thù chung. Vậy thì tôi nhiều tuổi hơn đồng chí, là anh. Còn đồng chí ít tuổi hơn tôi, là em”.

Bác thực sự cảm động khi thấy bóng dáng một ông già phương Tây ở độ tuổi 70 bỗng bành trên đầu mái tóc đã bạc mà vẫn tiếp tục cống hiến sức lực của mình cho nhân loại. Bác dặn dò thêm và động viên chị Phương, người thầy thuốc trong chuyến đi đầy bom đạn và gian khổ này: “Cháu phải gắng bảo vệ sức khỏe cho Giôris Ivens và Marceline. Cho Đoàn đi đến nơi về đến chốn. Làm tốt, Bác sẽ có thưởng...”.

Và, chỉ 3 ngày sau ông già Giôris Ivens và những người cộng sự Việt Nam đã có mặt dưới hầm địa đạo giới tuyến Vĩnh Linh. Không phải là một vài ngày, mà là suốt 3 tháng trời đạo

diễn Giôris Ivens, bà Marceline Loridan, và những người cộng sự Việt Nam đã tắm mình trong khói lửa chiến tranh ác liệt để ghi vào ống kính của mình những hình ảnh sản xuất và chiến đấu của nhân dân Vĩnh Linh anh hùng. Họ đã trải qua những tháng ngày khốc liệt nhất trong cuộc đời làm phim của mình.

Chị Phương đã kể lại: “Những bước chân dò dẫm từng bậc một, một tay vịn vào thành vách đất mới đào xới. Càng xuống càng mịt mù. “Cối âm ty...”. Sau lưng tôi hơi thở của ông già Ivens ngắt quãng, nặng nhọc. Tôi quay lại... nhưng một bàn tay của ông già đã vỗ nhẹ lên vai tôi: “Không sao đâu... còn chịu được...”. Mồ hôi vã ra như tắm, cứ nửa ngủ, nửa thức, tôi chấp chờn lờ mờ từng bước xuống sâu dần trong lòng đất. Ivens và Marceline đã trải qua những giây phút như thế đấy”.

Thời gian đạo diễn Giôris Ivens và Đoàn làm phim hoạt động ở giới tuyến Vĩnh Linh, Bác Hồ vẫn dõi theo hàng ngày. Bác vui vẻ nói với mọi người: “Giôris Ivens! Ông đã đến với chúng ta!”. Ai cũng nghĩ câu nói của Bác mang một hàm ý sâu rộng về cuộc đấu tranh chính nghĩa của Việt Nam không chỉ còn của một dân tộc mà tiếp theo nó là những làn sóng giải phóng các dân tộc bị áp bức trên thế giới.

Trong nội dung kịch bản phải quay bằng được lá cờ đỏ sao vàng ở giới tuyến Vĩnh Linh. Lá cờ rất lớn được treo trên đỉnh một cột cờ cao, để hàng ngày bà con phía Nam có thể ngắm nhìn lá cờ của Tổ quốc. Điều khắc nghiệt là cột cờ lại ở ngay đầu cầu Hiền Lương, trong tầm quan sát cảnh giới của Cảnh sát Sài Gòn, những điều bất trắc có thể xảy ra.

Khi đoàn làm phim tiếp cận được cột cờ thì xảy ra một sự cố, lá cờ bị gió quấn chặt vào cột, không quay được, cần có người trèo lên gỡ ra. Nhà quay phim Quang Trán đã xung phong làm việc này. Đúng như mọi người đã phán đoán, khi gỡ được lá cờ tung bay trong gió, anh Quang Trán đang tụt xuống dưới chân

cột cờ thì máy bay địch đến ném bom. Đạo diễn Giôris Ivens bị đất đá vùi lấp. Một vết máu chảy dài trên cánh tay nhà đạo diễn. Chị Phương lao tới vực ông dậy, ông đã gạt chị Phương ra. Trong lúc miệng còn đầy đất, vẫn hỏi mọi người có việc gì không... Và sau này khi bộ phim ra đời người xem vẫn thấy hình ảnh lá cờ đỏ sao vàng phấp phới tung bay một cách ngạo nghễ bên bờ “Lũy thép Vĩnh Linh!”.

Sau 3 tháng vật lộn với bom đạn Mỹ ở giới tuyến Vĩnh Linh, đạo diễn Giôris Ivens cùng với các đồng nghiệp đã chuẩn bị đủ tư liệu để sau này cho ra đời một tác phẩm có giá trị “Vĩ tuyến 17 - Chiến tranh nhân dân”.

Có một điều mãi sau này ông mới tiết lộ, ấy là trước khi cùng vợ sang Việt Nam làm bộ phim “Vĩ tuyến 17 - Chiến tranh nhân dân”, ông phải cầm cố ngôi nhà đang ở để lấy tiền làm phim.

Ngày trở lại Hà Nội đạo diễn Giôris Ivens và bà Marcelic Loridan được Bác Hồ đón tiếp như những người chiến thắng trở về. Nhưng đối với đạo diễn Giôris Ivens, phần thưởng quý giá nhất lúc này là được nghe Bác Hồ kể những bí ẩn về cuộc đời mình 46 năm trước.

46 năm trước - năm 1922, Bác Hồ (lúc ấy là Nguyễn Ái Quốc) đem số báo “Người cùng khổ” mới phát hành ở Paris đến biểu văn hào Henri Barbusse. Cũng đúng lúc ấy nhà danh họa Picasso đến. Ông mặc nguyên chiếc áo còn lấm thuốc vẽ, nói giọng sôi nổi:

- Anh Hăngri, anh Nguyễn! Xếp chuyện báo chí lại đi. Đi xem phim mới, thật là bản lĩnh của Giôris Ivens (bộ phim tài liệu “Tư bản và tôn giáo”).

Sau khi xem phim, Nguyễn Ái Quốc được Vaillant Couturier cho biết tác giả bộ phim là đạo diễn Giôris Ivens, người Hà Lan. Ngay từ khi ra đời, bộ phim “Tư bản và tôn giáo”

đã bị cầm chiếu. Tác giả đã bị vua Hà Lan trục xuất ra khỏi đất nước của mình.

Bác Hồ kể: “Ngày ấy bạn bè đã trao một nhiệm vụ nặng nề cho tôi: “Anh Nguyễn phải viết ngay một bài bình luận về nội dung bộ phim tố cáo tư bản đã lợi dụng tôn giáo để áp bức và đi xâm lược các dân tộc... và ca ngợi bản lĩnh nghệ sĩ tài hoa của Giôris Ivens”. Bài báo ấy tôi đã đăng trên báo *Nhân đạo* tháng 6 năm 1922”.

Nghe Bác Hồ kể, đạo diễn Giôris Ivens vô cùng cảm động. Ông không ngờ bước đi đầu tiên của cuộc đời nghệ thuật của mình đã được Nguyễn Ái Quốc - một nhà bình luận Điện ảnh Việt Nam đồng tình và bảo vệ cách đây gần nửa thế kỷ. Và giờ đây trước mắt ông là Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Hôm đạo diễn Giôris Ivens đến chào từ biệt, Bác Hồ nói: “Trước đây tôi xem phim của đồng chí, chỉ sau mấy tiếng đồng hồ tôi đã viết được bài đăng báo. Ngày ấy tôi mới ngoài 30 tuổi, là một người dân mất nước, mất tự do. Lần này tôi lại được xem phim của đồng chí, phim về Việt Nam đã được độc lập và đang tiếp tục chiến đấu giành độc lập thống nhất Tổ quốc, bảo vệ hòa bình và tiến bộ xã hội. Rất tiếc là tôi không viết được bài đăng báo về bộ phim mới này của đồng chí. Tôi gần 80 tuổi rồi phải biết sức mình”.

Năm 1990, Phrideuman - một đạo diễn phim tài liệu, người cộng sự thân thiết của đạo diễn Giôris Ivens đến Việt Nam để làm bộ phim tài liệu về Hồ Chí Minh “Người anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới” - mà Tổ chức văn hóa, giáo dục, khoa học (UNESCO) của Liên Hiệp Quốc đã ghi nhận và tôn vinh.

Đạo diễn Phrideuman đã hết sức xúc động kể lại: “... Lúc lâm bệnh nặng, đạo diễn Giôris Ivens đã gọi tôi đến bên ông.

Ông đã nói với tôi: Tôi có một món nợ với Chủ tịch Hồ Chí Minh mà tôi sẽ không đền đáp được với Người. Giữa những năm đế quốc Hoa Kỳ rải thảm lửa xuống hai miền đất nước Việt Nam, tôi đã đến với nhân dân, với Tổ quốc của Bác Hồ. Tôi định mình sẽ sớm cất cao tiếng ngợi ca Người, một vĩ nhân của những vĩ nhân trong thời đại nhiều biến cố, nhiều đỉnh cao của thành tựu. Nào ngờ tôi đã muộn màng đến với Hồ Chí Minh. Trái lại Bác Hồ, chính Bác Hồ đã phát hiện ra tôi, lúc tôi hãy còn chấp chững đi vào con đường Điện ảnh. Tôi đã tìm được bài của Nguyễn Ái Quốc viết về tôi đăng trên tờ báo Nhân đạo tháng 6/1922. Nhiều giọt nước mắt của tôi nhỏ xuống trang báo, giấy đã ngả màu gần nửa thế kỷ nay. Cuộc đời nghệ thuật Điện ảnh của tôi có biết bao nhiêu nhà bình luận trên thế giới đánh giá. Nhưng lúc này, cái lúc tôi đang ngã lưng xuống ván thì mới thấy những bài viết của Bác Hồ về con đường nghệ thuật của tôi từ ngày mới lên đường, mà lại đúng với tôi hơn tất cả. Hồ Chí Minh - người là nhà nghệ thuật lớn trong diện mạo của một vĩ nhân”.

(<http://vnca.com.vn>, Thứ hai, 09/04/2007)

PHÔNG XỐ IXCAXỐN

Nhà văn Thụy Điển

Ở THỜI ĐẠI NÀY RẤT ÍT CÓ NHÂN VẬT CHÍNH TRỊ NÀO LẠI HẾT SỨC GẦN GŨI NHÂN DÂN NHƯ HỒ CHỦ TỊCH

Đối với người Việt Nam, mùa xuân này là mùa xuân của hòa bình, mùa xuân của giải phóng, nhưng niềm vui ấy có được một chút đau buồn bởi lẽ Bác Hồ không thể tham gia lễ mừng thắng lợi. Tuy vậy, con người ấy, con người đã từ biệt nhân dân Việt Nam vào buổi sáng ngày 3-9-1969, vẫn có mặt dưới nhiều hình thức: Sài Gòn bây giờ được gọi là Thành Phố Hồ Chí Minh; 55 ngày long trời lở đất, chấm dứt cuộc chiến đấu 30 năm được đặt tên là Chiến dịch Hồ Chí Minh. Và đó là biểu hiện về lòng biết ơn của hàng triệu người Việt Nam. Ở thời đại này rất ít có một nhân vật chính trị nào lại hết sức gần gũi với nhân dân của mình như nhà hoạt động chính trị sinh ra ở xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An ấy.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh chú trọng đến hoàn cảnh sống cho con người hơn là đến những chính trị giáo điều.

Ở Người, một tác phong rất quán triệt là sự giản dị, giản dị từ bên ngoài, đôi dép, nếp sống, cho đến chương trình làm việc. Người rất ghét những gì giả dối, nặng về hình thức. Người chủ trương giáo dục con người. Làm thế nào để giáo dục cả một dân tộc có ý thức và nghị lực đứng lên chống lại quân thù. Người có tài biến những sự việc phức tạp trở nên giản đơn, dễ hiểu. Người còn là một nhà thương lượng phi thường.

Trích bài đăng trên báo "Tin hàng ngày" (Thụy Điển), số ra ngày 17-5-1975// "Hồ Chủ tịch trong lòng nhân dân thế giới" - Nxb Sự Thật, H.:1979

ĐARA KALANHA

Lào

NHỚ BÁC HỒ

Đêm khuya con nhớ Bác Hồ
Ngày Bác tạm biệt đất bờ, đi xa
Bác tìm chân lý thiết tha
Đem vui gửi đến quê nhà cho dân
Đảng cách mạng, Bác yêu thương
Sáng trưng bán đảo Đông Dương ngày nào

Đêm nay thành phố đẹp sao
Sáng trưng tên Bác, lòng bao ấm lòng!

Con mong Bác đứng đây trông
Việt Nam thống nhất mệnh mông côi bờ

Đàn con, dòng máu Bác Hồ
Hiên ngang, dũng cảm bây giờ, mai sau
Vươn tầm thế giới bạn bầu
Hạt giống Bác vãi, đơm màu quê hương

Hạt giống đầy đặn khác thường
Xinh tươi hoa lá, mùi hương ngát ngào
Nhớ lời Bác dạy thuở nào
Anh em Việt, Khmer, Lào có nhau.

NGUYỄN XUÂN SANH dịch

Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

VILAY KEOMANI

Lào

LÒNG HỒ OI!

Viết theo thể thơ Lào "Muha Xinthumali"

Mẹ ơi! Mẹ có nghe
tiếng khóc?
Tự trái tim con khóc
thôi hết!
Một Cọp - Già - Bạc - Tóc
rụng rời
Ngôi sao ấy kéo vệt
vạch ngang thế giới
Sáng nay trên đỉnh núi,
ngàn khe
Đứng lặng lặng nghiêng nghe:
còn sóng
Nhạc chiều hồn tái tê
tiếc thương;
Chim không hót, chim trông
lá cành lặng ngắt

Phương Đông mất Một Người -
Bác Hồ
Dân Lào vắng "Lòng Hồ"(*)
Bạn Lào

(*) Lòng Hồ: Bác Hồ (tiếng Lào).

Thế giới đâu còn có
 Chủ tịch
 Hồ Chí Minh - đỉnh cao
 hạnh phúc muôn người
 Trên đất Lào những ngày
 lễ tang
 Người dân, những già làng
 cầu khẩn
 Nén sáp ong cháy vàng
 ngôi "sim"
 Áo cà sa cỗi trần
 run rẩy bàn tay...
 Giữa vườn chàm-pa hương
 tỏa ngát
 Hoa thêm đẹp, cánh to
 thêm hồng
 Ôi! Đẹp làm gì, thơm
 cho ai?
 Người chẳng còn, con nai
 ngơ ngác
 Đoạc-kha-nhom nhạt phai,
 sắc buồn;
 Khẽ đôi cánh, ơi bạc!
 cây vườn lay lá
 Chú thỏ ơi nhè nhẹ
 đừng vội!
 Người mới ngủ đó thôi,
 ngàn thu

Dép Người đây, đừng lười,
 kéo động
Bộ Ka-ki, giấc ngủ,
 nhà sàn đơn sơ...
Nín lặng đi! Đừng nức,
 Đừng buồn!
Dòng thác vẫn trào tuôn;
 Người mong
Khởi người đoàn kết,
 muôn người một
Người sùng sững đó
 trong đôi mắt
Đi, đi rồi, không chờ;
 Bác đi
Vớ Cũ Mác, Lênin
 bên này
Dân Lào vững niềm tin
 chiến thắng
Và tin Người đắp xây
 tình nghĩa Lào - Việt
Suối ấy, lối xưa đi,
 dấu Người
Rừng kháng chiến, tóc bạc
 trán cao
"Chòm râu nhé, râu Bác
 chẳng rậm"
Nói vài câu tiếng Lào
 "sa-bai, sa-bai!"

Gặp "những nhạc"(*)

khó khăn khắc phục
Phải xông pha hàng chục
năm trời...

Chú cứ đi, nhớ lúc

đoàn tụ
Ngày ấy vui cuộc đời
kháng chiến thành công...

Việt Nam mất một người

vĩ đại
Thế giới mất đôi tay
chèo vững -
Một con - Người - vĩ - đại
đúng tên
Người dân Lào sờ sờ
lặng trong tim đau

Từ đây bấy trẻ nhỏ

không Bác
Hết lú lo quanh Bác
quanh Người
Đưa tay vuốt râu bạc
tôn kính

(*) Tên một loài chim.

Và những miệng cười tươi
tắt ngấm những ngày
Từ bên này Trường Sơn
kề sát
Đền Cà Boong không tắt,
dẫn lối
Chỉ đường, rọi đôi mắt;
ngược nhìn
Đường Người đi, đi tới
mở đường tương lai

Mẹ ơi! Mẹ có nghe
tiếng khóc?
Tự trái tim con khóc,
thôi hết
Một Cụ - già - bạc - tóc
rụng rời -
Ngôi sao ấy kéo vệt
vạch ngang thế giới.

Tác giả tự dịch ra tiếng Việt

Săm Nửa 9-1969

Hồ Chí Minh - Hợp tuyển thơ, Nxb. Hội Nhà văn - 2005

KIYOSI KOMATSU

Nhà văn Nhật

CUỘC TÁI NGỘ - TRUYỆN NGẮN

*(Trích đoạn về nhân vật bạn của tác giả Komatsu
- tức Nguyễn Ái Quốc)*

Tóm tắt những kỳ trước

Tác giả là một du học sinh Nhật. Trên đất Pháp, tác giả có hai mối tình: Tình yêu một thiếu nữ Pháp và tình yêu hội họa.

Vì một biến cố xảy ra trong gia đình, tác giả phải từ giã đất Pháp trở về Nhật và sau sang Đông Dương. Ở đây, tác giả gặp một bạn thân cũ ở Pháp: Lê Văn Thái.

Những cuộc giao thiệp với những thanh niên, thiếu nữ tri thức Đông Dương và cuộc đời hoạt động về chính trị đã làm tác giả quên được những mối tình xưa cũ và thường cùng Lê Văn Thái trao đổi những chính kiến.

Khi chúng tôi ngồi vào bàn ăn thì trời đã tối mịt. Bữa cơm tối hôm ấy ở cái nhà nhỏ của anh Lê Văn Thái ngoài cửa có đề ba chữ nho *Nam - phong - trang*, nét bút tươi như hoa nở. Thật là một bữa cơm Việt Nam chân chính. Đúng như lời chủ nhân đã trân trọng khoe trước với tôi một câu về các món ăn Việt Nam, tuy rằng bữa cơm hôm ấy là bữa cơm Việt Nam chân chính đầu tiên tôi được ăn ở Hà Nội, vậy mà tôi cũng phải công nhận ngay rằng nó thật xứng đáng được gọi là một bữa tiệc cho các khách sành ăn của bất cứ nước nào (...)

Khi đã ăn đến món đồ nước, trong khi câu chuyện đang liên miên về hoàn cảnh chính trị sau hồi đại chiến, tức là lúc anh Thái với tôi cùng sống với nhau ở bên Pháp, thì một người trạc độ bốn mươi, tên là ông Nam Cao (theo lời ông Thái, ông là một vị trạng sư rất hùng biện tại Toà án Hà Nội, cách ăn mặc như có vẻ gì chênh mảng, nhưng rõ là thứ chênh mảng hữu ý của người rất thận trọng thời trang) bỗng quay lại tôi, đổi bản câu chuyện mà hỏi rằng:

- Thưa ông, trong khi ở bên Pháp, ông có dịp làm quen với người Việt Nam chúng tôi không?

Tôi nhìn anh Thái và trả lời rất tự nhiên:

- Thì đây, chủ nhân đây là một người bạn rất cũ của tôi... Và tôi còn quen (...)

- Vâng, ông còn quen những ai nữa?

- Thưa ông, tôi sang Pháp và tới Paris vào mùa thu năm 1921. Chỉ mới vài ngày, nên tôi nhớ kỹ, thì độ mười ngày sau hôm tới Paris, một sự tình cờ run rủi, tôi gặp một người thanh niên Việt Nam trong một nơi hội họp công khai. Người thanh niên Việt Nam ấy chính là người Á Đông đầu tiên đã cùng tôi giao du trong một thời gian khá dài trên đất Pháp.

Câu mào đầu chắc hẳn càng khơi thêm lòng tò mò của vị trạng sư trẻ tuổi, ông ta lại hỏi dồn tôi:

- Vâng, thế người Việt Nam ông quen biết là người thế nào?

Trước câu hỏi ấy tôi thấy ngần ngại lạ lùng, chẳng biết có nên nói phắt cho ông ta nghe không, mà tại sao một câu chuyện tầm thường như thế, đứng ở trường hợp này lại làm cho mình phải ngập ngừng đắn đo nhiều đến thế. Tuy rằng đối với ông ta, tôi thấy có thiện cảm ngay từ lúc đầu, nhưng tôi không thể nói rằng, đã hiểu biết ông ta tường tận để có thể chuyện trò cời mờ một cách hoàn toàn phóng túng. Tuy nhiên, vì câu chuyện đã đề lộ mới đầu mà tôi như đã có lời trót hứa với các bạn cùng bàn,

nên xin giữ trọn lời hứa mà nói ra hết những điều tiện nói. Và chẳng, tôi tự xét mình cũng thấy như có đôi chút bồn phận phải nói vì tình bằng hữu, vì những kỷ niệm bất diệt nối liền tâm hồn tôi với linh hồn người bạn Việt Nam trong thời niên thiếu đó, tôi bèn cảm động mà rằng:

- Vâng, ông để tôi xin kể nốt câu chuyện đó, chỉ xin ông cho phép tôi không phải nói rõ tên người ấy ra. Tôi tưởng rằng ông hiểu cho, vì e rằng có điều không tiện. Và chẳng đó không phải là điều quan trọng nhất, thì chi bằng ta cứ kín đáo là hơn. Tôi có thể nói ngay với ông rằng người Việt Nam đó thật là một người xứng đáng với cái danh hiệu là *Một - Người*. Xin ông chớ cho là tôi chí tâm muốn nói mập mờ để làm duyên với thánh giả. Kể cũng oái ăm thật, vì sao lại có thể có người đáng kính phục mà phải ngại ngùng nói tên đến như thế!...

Nhưng thôi, tôi xin nói về người ấy và tôi. Người ấy với tôi, xưa kia chẳng phải cùng chung một chí hướng. Quan niệm của chúng tôi về cuộc đời, về văn chương cũng như về nhiều thứ khác đều chẳng giống nhau. Nhất là những tư tưởng và phương diện văn hoá, chúng tôi lại có phần xa nhau lắm. Ý kiến của chúng tôi nhiều khi tương phản nhau một cách đầy gay go kịch liệt. Chúng tôi đương lúc trẻ trung, chẳng phải để mà nhường nhịn chằm chước cho nhau được. Đẹp đẽ thay cái tuổi thanh niên thẳng ngắc, chẳng bao giờ dung túng những sự nửa vời ba phải! Tuy nhiên, về đường lý tưởng chúng tôi đều có điều khác nhau thật, vậy mà người thanh niên Việt Nam ấy bao giờ cũng để lại trong lòng tôi một mối tình thành thực tôn trọng, vì tôi biết hơn ai hết rằng bạn tôi là người luôn luôn trung thành với chí nguyện cùng tư tưởng của mình, mà lại đã bao phen có những hành động thiết thực chứng tỏ rõ rằng tấm gan sắt đá quyết tâm một đời phụng sự. Bạn tôi thật là một người yêu nước dù trong trường hợp nào, trên đường đời gặp phải những nỗi gian lao, cực khổ đến bậc nào, tấm lòng ái quốc vẫn giữ đỉnh ninh là một.

Các bạn hữu của anh Lê Văn Thái cùng lắng tai nghe tôi nói và càng tỏ vẻ nóng ruột muốn được nghe thêm nữa. Cái thân thể mập mờ, hừ hừ thực thực của người Việt Nam ấy hẳn đang khơi gợi trí tưởng tượng họ. Tôi lại nói tiếp:

- Người ấy làm một nghề ăn lương công nhật mà sống, các ông chẳng thể tưởng tượng được khổ cực là ngần nào. Người ấy ăn rất ít, ngủ rất ít, làm việc nhiều. Mỗi buổi chiều, khi đã làm xong công việc khó nhọc một chân thợ phụ trong xưởng máy, người ấy lại ngồi vào bàn viết lách hoặc đọc sách. Khốn nạn thay! Thân thể anh ta khi ấy đang bị tàn hại bởi một chứng bệnh ác nghiệt, mà ít khi người đã mắc còn có thể khỏi được. Hai mắt anh thường sáng quắc lên bởi cơn sốt râm rỉ bên trong. Đôi khi, anh ho rũ rượi như người sắp tắc thở. Thế vậy mà cuộc đời tinh thần của anh vẫn dồi dào phong phú, sự hoạt động của anh vẫn ráo riết không ngừng. Hai ba lần, tôi được dịp nghe anh ta nói trước mặt những thính giả người Pháp bằng tiếng Pháp, lời lẽ rất trôi chảy, hùng hồn. Anh làm trợ bút cho nhiều nhật báo và tuần báo ở Paris bằng cách cứ ngồi nhà viết bài mà gửi đều đặn.

Tôi còn nhớ mãi một buổi tối mùa đông, anh đến chơi tôi lần đầu tiên. Lúc bấy giờ vào cuối năm 1921. Ngoài đường phát phơ một thứ mưa phùn nhỏ thấm lạnh buốt đến xương. Anh đến chơi tôi từ xa lắm, vì khi ấy anh đang ở hộ Méniliméniat mà tôi thì ở hộ Montparnasse, đã khác nào như ở hai đầu kinh thành vậy. Căn phòng tôi thuê ở mãi trên tầng gác thứ tám một nhà. Anh phải trèo đủ tám cầu thang mới lên tới nơi. Khi anh bước vào căn phòng tôi ở thì mồ hôi ra như tắm, hồng hển như đã hết sức, vậy mà anh còn nói với tôi một câu: “Sao mà anh có thể tìm lên cái tầng trời thứ tám này mà ở được”. Anh nói với một giọng ồm ồm tươi tỉnh mà xưa nay anh vốn không phải là người hay đùa bông lơn. Nếu tôi ngồi mà nhắm nghĩ lại hết những khi gặp mặt anh, thì cái hiện ra trong tưởng tượng chẳng phải hình ảnh một người tươi cười hớn hở, mà trái lại, là hình ảnh một người tính tình nghiêm trang khắc khổ. Buổi tối hôm ấy, anh mang lại tặng

tôi tập khái luận đầu tiên của anh viết bằng tiếng Pháp in tại Paris. Anh có viết cho tôi mấy lời thân tặng vào ngay bìa sách. Tôi nhận thấy trên mặt anh một tia sáng của nỗi vui mừng ngấm ngấm trong lòng. Tôi cảm động mà nói cho anh biết rằng tôi thành thật vui sướng mà nhận lấy cuốn sách của anh, nó là kết quả của bao nhiêu công khó nhọc, gắng gỏi và kiên nhẫn. Anh nghe tôi nói thì cũng lộ vẻ cảm động, ngỏ ra vài lời toại nguyện, nhưng vẫn nguyên vẹn cái tính cách nhún nhường kín đáo của Đông phương.

- Thưa ông, thể cuốn sách ấy nhan đề là gì?

Một ông khách ăn, làm giáo sư dạy sử ký ở một trường trung học, có vẻ để ý đến câu chuyện, bỗng hỏi tôi như vậy.

- Thưa ông, xin ông tha lỗi và cho phép tôi còn giữ bí mật cả về chuyện đó. Trong lúc này tôi xin ông cứ hãy tạm coi người bạn tôi kể chuyện với ông đây chỉ là một người tưởng tượng, một người gương mẫu không có thật...

Và tôi xin nói nốt rằng khi ấy, trong gian phòng nhỏ hẹp của tôi ở trên cái tầng trời thứ tám ấy, chẳng làm gì để có đèn điện, cũng không làm gì có lò sưởi. Tôi bèn thắp một cây nến. Rồi tôi mở một chai rượu vang đỏ. Hai chúng tôi cùng ngồi ăn với nhau một bữa cơm thanh đạm chỉ có bánh, cá hộp, pho-mát và rượu để cùng nhau trò chuyện đến mãi quá nửa đêm. Những lời trao đổi trong buổi tối hôm ấy, tôi còn giữ nguyên trong ký ức.

Một người khách khác, ngồi ngay bên cạnh trạng sư Nam Cao bỗng nói to:

- Xin lỗi ông cho phép tôi ngắt lời. Chẳng biết người bạn ông đó có phải là Nguyễn Phục Hưng, thi sĩ và văn sĩ không?...

-Thưa ông, tôi vẫn không thể nói cho ông biết được. Một lần nữa, tôi xin cáo trả lời, và xin các ông cứ tạm coi đó chỉ là người tưởng tượng. Các ông muốn nghĩ ra là ai hay muốn mơ màng ra thế nào tùy ý.

- Trái lại, chính tôi phải xin lỗi ông vì đã quá tò mò, làm ông phải phiền lòng nhắc đi nhắc lại. Vậy xin không nói đến chuyện ấy nữa. Nhưng tôi lại xin phép hỏi ông một điều chỉ ở riêng trong phạm vi lý tưởng. Chẳng biết khi hai ông đàm luận với nhau, có bao giờ bàn đến vấn đề Đông phương không?

- Ông nói vấn đề Đông phương, nhưng theo quan điểm nào vậy?

- Đứng trước thế giới hiện đại, cái thái độ của người Đông phương ta phải như thế nào? Trong thế giới, sau cuộc Âu chiến trước, nhất là ở bên Âu châu các “nhân năng giá trị” đã trải qua bao nhiêu cuộc đảo ngược vàng thau trộn lộn. Vậy mà tôi muốn biết, cái cảnh tượng hỗn mang ấy đã gợi ra trong tâm hồn các ông là hai người Á châu những ý nghĩ, tư tưởng gì? Nếu tôi nhớ kỹ thì vào khoảng thời gian ấy ở bên Pháp đã có nhiều người nêu cao cái vấn đề Tây phương và Đông phương. Lại hình như đã có cả nhiều nhà tư tưởng trứ danh bên Âu châu chán ngán về tương lai của Tây phương, khi ấy quay đầu về Đông phương để tìm hy vọng và ánh sáng, có phải thế không, ông nhỉ? Vậy mà tôi nghĩ khi ấy tâm trí các ông hẳn cũng phải có lúc băn khoăn về vấn đề tinh thần hay tâm hồn Á châu, chắc thế.

Ông Vũ Quý Bình vừa nói vừa nhìn tôi dăm dăm... Kịch thích bởi những tia sáng của cặp mắt ông, tôi bèn ngồi quay mình lại mà trả lời:

- Vâng, thưa ông, quả là vấn đề ông nói đó, chúng tôi có bàn đến luôn. Mỗi người chúng tôi đã xét về vấn đề ấy theo một phương diện, với một quan niệm, một ý kiến riêng biệt. Tuy nhiên, ngày nay thì tôi hình như đối với vấn đề ấy, thái độ của cả hai chúng tôi khi ấy đều có nhiều tính cách cảm tình hơn là tính cách lý tưởng, đều là liên can đến lượng năng, khí tính, nhiều hơn là đến tri năng, ý thức. Về phần bạn tôi thì tôi có thể nhầm được, chứ riêng về phần tôi thì chính như thế. Tôi phải thú nhận rằng khi ấy tôi cũng trải qua một cơn khủng hoảng về tinh thần,

ngơ ngác nhìn mình lênh đênh giữa một cõi đời hỗn độn ghê gớm; lẽ cố nhiên, cái tâm hồn Nhật Bản hay là Á châu của mình khi ấy tất không sao có thể cứ yên lặng bằng phẳng như mặt nước ao tù, không có lúc tự tỉnh sát bản khoản sôi nổi. Tuy nhiên, dẫu rằng khi ấy cũng như ngày nay, xét về phương diện tư tưởng thì khi ấy tôi thường nghĩ ngợi suy xét như một người Âu Tây. Ông vừa nói với tôi về những nhà tư tưởng Tây phương họ quay đầu nhìn về Đông phương chúng ta. Trái lại, tôi xin nói để ông biết rằng giữa lúc ấy ở bên nước Nhật chúng tôi, cả một thế hệ mới lại đang xô nhau nhấc bỏ hết những điều cũ, mà đi học Tây phương. Chả nói giấu gì ông, chính tôi là một người trong thế hệ đó... Vì thế mà sự tự giác của cái tâm hồn Đông phương ở trong mình tôi nó chỉ mập mờ phảng phất, có thể chỉ coi như một thứ tiềm giác không có ảnh hưởng gì to tát. Thế là sự thực về tôi thế nào, tôi đã nói rõ hết.

Bạn tôi khi ấy lại ở trong một sự trạng khác. Về phương diện lý thuyết, anh đã thâm nhận tâm can của mình một hệ thống triết lý hoàn toàn Tây phương. Tuy nhiên, thâm ý của anh chỉ là dựa vào cái hệ thống triết lý ấy để đạt tới một mục đích, đối với anh là cao hơn hết; cuộc sống an lạc với cái địa vị xứng đáng của nước anh trong thế giới. Tôi tin rằng khi ấy anh là một người có nhiều tính cách Á châu, hơn tôi, vì trong sự suy xét nghĩ ngợi của tôi, chỉ có rất ít tính cách Á châu, thì anh hoạt động hoàn toàn là một người Á châu, chẳng cần phải bận tâm, tìm biết mình có tâm hồn Á châu hay không, hoặc tâm hồn ấy tự giác ra thế nào trong khi hành động.

- Điều đó có lẽ do sự hai ông khác tính tình nhau, mà có lẽ cũng bởi mỗi người thuộc một chủng tộc khác nhau chăng?

Nhà văn sĩ hỏi tôi như vậy. Hẳn là có cả hai có, nhưng tôi rất ít tin ở có thứ nhất. Trái lại tôi coi có thứ hai quan trọng hơn nhiều. Vì khi ấy, tuy rằng sự nghĩ ngợi suy xét của tôi có ngả theo cách Âu Tây thật, nhưng cái cột trụ đời tôi thì vẫn đứng

nguyên là Nhật Bản. Tôi sống theo lối Nhật Bản. Tôi cảm thấy rõ ràng, mặc dầu tôi nghĩ ngợi tư tưởng theo cách nào cũng vẫn là tôi dựa luôn luôn vào tổ quốc mà nghĩ ngợi tư tưởng. Là người con trai hai mươi tuổi, khi ấy tôi đang thu phục những tư tưởng của nhà triết học Nietzsche, tôi tưởng như óc não tôi đã luyện được đúng theo như óc não nhà triết học ấy. Vậy mà nhiều khi có những trường hợp khiến tôi phải ngờ ngợ ngạc nhiên xét thấy mình đang nghĩ ngợi tư tưởng đúng theo cách thức nhà võ sĩ, lại có những hành vi bất giác khuôn theo các quy luật của Võ sĩ đạo. Bạn tôi thì trái lại...

Anh Thái từ trước vẫn ngồi lặng yên, bỗng ngắt lời tôi:

- Anh ấy đã lấy sự khác chủng tộc làm quan trọng nhất thì còn biết quái gì được mà nói?...

- Tôi xin nói anh nghe: đằng sau lưng tôi khi ấy là nước Nhật Bản, đằng sau lưng bạn tôi khi ấy là nước Việt Nam. Chẳng qua là tôi muốn nói về hai cái “nhân sinh, điều kiện” khác nhau gây ra bởi sự khác chủng tộc. Chủng tộc này có một lũ con đi ra ngoài, trong số ấy hoặc giả có kẻ đi sai đường lạc lối, làm những điều “không hay, không phải” nhưng đã là con thì với ai cũng vậy, đã cho đi, tất bảo đảm cho lúc muốn về... Chủng tộc kia thì trái lại, bắt buộc lũ con đi ra ngoài, ai có tư tưởng gì, ai ngẫm thấy số mệnh đời mình ra sao, thì cứ phải nhắm mắt mà ôm chặt lấy tư tưởng ấy, lấy số mệnh ấy mãi mãi làm chỗ nương tựa độc nhất cho suốt đời. Tôi nghĩ vậy thiết tưởng các ông đủ hiểu, chẳng cần phải nghe tôi giảng giải phê bình gì hơn nữa.

- Thừa ông, nếu tôi hiểu rõ, thì tôi muốn nói rằng về phần ông tuy bởi linh tính sống theo lối Nhật Bản, nhưng tâm trí ông đã được thanh thoi để nghĩ ngợi tư tưởng về những điều có tính cách triu tượng và quốc tế. Trái lại, với bạn ông thì tuy nghĩ ngợi tư tưởng trên địa điểm quốc tế, nhưng bởi linh tính lại chỉ thực lòng băn khoăn riêng về số phận đồng bào trong một nước...

Trạng sư Nam Cao nói một câu đủ cho tôi hiểu rằng sự lo lắng của tôi ở nơi này là vô nghĩa.

- Thừa ông, lời ông nói thật là đúng. Tôi xin chịu là ông có tài phân biện rõ ràng lắm. Chính vì thế mà tôi chẳng ngại ngừng nói với ông rằng người ấy thật đáng cho chúng ta sùng phục và tán dương, chỉ vì người ấy đúng là một người Á châu mà hoạt động chẳng cần biết người ấy trong khi hoạt động có nghĩ đến cái tinh thần Đông phương mang trong mình hay không? Cái “Nhân sinh, điều kiện” của anh ta đã khiến cho anh ta gần Á châu hơn tôi, đó là ý kiến của tôi về anh ta vậy.

- Thế trong khi hai ông cùng ở Paris, có gặp mặt nhau luôn luôn không? - Nhà văn Vũ Quý Bình hỏi tôi như thế.

- Chúng tôi cũng chỉ đôi khi mới gặp nhau. Khi ấy, tôi thì sống cái đời một học sinh nghèo, anh ta thì đã có nghề để sống, nhưng vất vả lắm, vả chăng anh ta còn kiêm cả công việc viết sách, viết báo. Cho nên, về phần anh ta, không còn làm gì có thì giờ mà năng đi lại anh em được, dầu là những người thân thiết nhất cũng vậy. Trong giới các nhà viết báo, khi ấy tên tuổi anh ta đã được nhiều người nói đến.

- Vậy thế hai ông giao du với nhau mãi mãi đến năm nào mới thôi không gặp nhau nữa? Đây là lời ông Nam Cao hỏi tôi. Tôi còn phải nhớ lại kỹ càng trước khi đáp lại.

- Nếu tôi nhớ đúng thì đến mùa thu năm 1922 chúng tôi mới thôi gặp nhau hẳn. Lại một phần lớn cũng vì năm ấy trong mấy tháng trời tôi vắng mặt ở Paris nên sự gặp gỡ có điều thưa thớt (Tôi cũng phải đi làm thợ gặt ở miền Nam nước Pháp để kiếm ăn). Tôi lại phải nhắc lại một điều quan trọng lắm là điều hai chúng tôi theo hai chủ nghĩa văn chương khác nhau, nói khác đi, là có hai quan niệm triết lý về văn chương, khác nhau. Tuy đối với nhau là bạn bè, trong sự viết văn, chúng tôi có nhiều chỗ tương phản. Nếu tôi tạm nói vắn tắt sơ lược lại thì như thế này:

anh ta muốn viết văn cho đại đa số dân chúng, mà tôi thì chỉ muốn viết văn cho một số ít người đọc, tức là cho đám trí thức mà thôi vậy. Điều khác nhau này ngăn đôi chúng tôi như một bờ cản. Sau khi ra sống một độ ở miền Nam nước Pháp, ăn chung ở lộn với đám dân quê, tôi trở về Paris, lại cương quyết làm cách mạng cái chủ nghĩa mình vẫn theo từ trước. Đó lại là một cơ khiến tôi có so với anh ta đôi chút.

- Thưa ông, thế thì từ mùa thu năm 1922 trở đi, ông không gặp ông ta nữa à?...

- Thưa cô, không. Từ cuối năm 1922, tôi không còn gặp mặt ông ta bao giờ nữa. Với những tín ngưỡng vững chắc về lý thuyết cũng như về văn chương, sau rồi ông ta bỏ Paris, đi sang những nước ở phía Bắc Âu châu. Tôi thì, trái lại, cũng theo linh tính tự nhiên cùng những tư tưởng của mình mà đi xuống miền Nam nước Pháp, ở mấy năm trong một làng nhỏ hạt Provence trên bờ biển Đại trung hải, sống một đời ẩn sĩ.

- Thế rồi là hết. Hai ông mỗi người đi theo một định mệnh của mình. À thế thì hai ông không viết thư từ cho nhau nữa sao?

Đây vẫn là cô thiếu nữ xinh đẹp hỏi tôi như thế.

- Thưa cô, không. Sống cái đời ẩn sĩ, với những công việc làm vườn, làm ruộng, trồng cây, đào đất, trong một xó êm đềm tĩnh mịch luôn luôn có ánh mặt trời long lanh tươi sáng, tôi dần dần quên cả đến cuộc đời người bạn đó. Mãi sau, có một hôm, chừng một năm sau, nhân tôi về chơi Paris mấy ngày, một người trong số rất thưa những bạn bè của ông ta gặp lại tôi ngoài đường có cho biết rằng ông ta đã trở nên một nhà văn có tiếng tăm sau khi được mấy nhà xuất bản ở Berlin và Prague in cho các tác phẩm. Cô không thể tưởng tượng được sự sung sướng của tôi khi được tin vui mừng ấy. Mà lạ thay! Hình như cũng có thanh khí làm sao chẳng biết. Lần ấy cũng là lúc tôi vừa đăng một bài khái luận dài về nhà đại thi sĩ Nhật Banhin, vào một tờ

tuần báo ở Paris, bài khái luận ấy cũng được nhiều người đề ý. Tôi vừa mừng cho tôi vừa mừng cho bạn.

- Thế ông có viết thư cho ông ta không?

- Thưa cô, không. Vì chẳng ai biết địa chỉ ông ta. Ngay mấy người bạn Việt Nam quen biết nhất của ông ta cũng chẳng biết rõ khi ấy ông đang ở Berlin hay ở Prague. Duy tôi có nhận được về ông một tin nữa rất buồn: người ta nói về chứng bệnh của ông như không còn hy vọng gì chữa khỏi.

- Thưa ông, thế hiện giờ thì ông ta ra sao?

Đây là câu hỏi của một thiếu nữ khác, cũng đã học đến bậc trung học...

- Thưa cô, hiện giờ thì hẳn ông ta đang tiến bước trên con đường lý tưởng của mình, bao giờ cũng mang theo với ông ngân ấy mỗi khổ tâm hoặc hy vọng dầu là ở địa cầu này hay ở địa cầu khác cũng thế mà thôi.

Trong câu trả lời ồm ờ ấy, chẳng biết cô Tuyết Sơn xinh đẹp có nhận ra chút nào cái giọng xót xa kín đáo của nhà văn sĩ! Tôi bèn nói tiếp:

- Ông ta đã làm hết những sự mà trí khôn ông xét là cần phải làm. Chỉ thế thôi cũng đủ là đẹp, là lạ lùng, ly kỳ rồi, còn phải thêm gì hơn nữa? Một người như ông có thể buông xuôi hai tay, bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào, không chút hối hận gì trong lương tâm. Đối với số đông con người ta coi cuộc đời không có nghĩa gì cao hơn giá áo túi cơm, thì ông chỉ là một kẻ ngu ngốc, hy sinh đời mình vì một lý tưởng hoang đường, chẳng có kết quả gì thực hữu. Nhưng tôi thì trái lại với cái khôn ngoan tầm thường của đám tiểu nhân sống như lợn đó, tôi dám tin rằng đời ông là một cuộc đời rực rỡ đầy đủ. Đức thánh Khổng ngày xưa có câu: “Buổi sáng được nghe thấu Đạo, thì ngay buổi chiều chết được”. Tôi cũng tin rằng chỉ duy có những cái người có cái tin tưởng rất bền vững về một chân lý ở đời mới được hưởng cái sung sướng

chân thực của một người trong nhân loại... Chính bây giờ đây, tôi vẫn không tán đồng những quan niệm cùng lý tưởng của ông về cuộc đời, về thế giới, tuy vậy mà xét về nhân cách, tôi vẫn phải thành kính ngưỡng mộ lòng tin tưởng của ông trước sau bao giờ cũng vẫn là một, ảnh hưởng hành vi của ông dầu phải qua những lúc thất bại chán nản đến mức nào, cũng vẫn y nguyên cho đến chết. Tôi lại còn phải thành thực khen lại một lần nữa tấm lòng ái quốc của ông. Chính ông đã dạy cho tôi một bài học yêu nước mà không bao giờ tôi quên được...

Tôi nói vậy, thì thấy trên mặt hết thấy mọi người đều lộ vẻ âm thầm cảm động...

- Tôi muốn hỏi ông một điều khí nhô nhãng, có lẽ không đáng là câu hỏi ở miệng một người con gái nghiêm chỉnh. Nếu có điều vô phép thì xin ông tha lỗi. Thật tình tôi vẫn không biết có nên hỏi không... Xin ông cho biết ý kiến của ông bạn đó về đàn bà như thế nào?

Nghe xong câu hỏi bất ngờ ấy, tôi phải thú nhận là thấy khó trả lời quá...

Tôi thật chẳng biết trả lời ra thế nào. Sự thực thì tôi không biết chút gì về đời tư của người bạn tôi ở Paris hết. Tôi chỉ có thể biết được một điều là tự miệng người bạn ấy thì chưa bao giờ tôi có nghe thấy nói đến đàn bà hoặc ái tình, dầu là trong những buổi chuyện trò với nhau xuề xòa, thân mật nhất cũng vậy.

- Thừa cô, tôi tuyệt nhiên không biết chút gì về cuộc đời tình ái của người bạn ấy. Giả sử cô có hỏi, tôi cũng chịu không trả lời được là ông ấy có yêu ai bao giờ hay không. Nhớ lại hết những buổi gặp mặt, tôi chỉ có cảm tưởng rằng ông ta là một người cứ xa xăm tiến bước trên đường đời, không để cho có cái gì làm sao nhãng được ý định. Tôi tin rằng ông ta chẳng phải là người có thể có một cuộc đời hai mặt, tôi muốn nói là đã yêu nước, yêu lý tưởng mà lại yêu được cả đàn bà nữa. Về phương diện này thì ông ta với tôi khác nhau xa lắm. Bao giờ tôi cũng vẫn khâm phục ông là

người suốt đời trung thành với một chí nguyện, nhưng tôi phải thú nhận rằng không bao giờ lòng tôi có một mảy may cái cao vọng muốn bắt chước ông. Duyên do chỉ là vì ông với tôi, người nào có cái “nhân sinh điều kiện” của người ấy.

Khi tôi nói xong như thế thì thấy trên mặt bốn cô thiếu nữ đều phảng phất có một vẻ gì như không được toại nguyện, gần như thất vọng. Và sự lạ là trong giây phút yên lặng ấy, tôi bất chợt thấy lòng bồi hồi tưởng lại hình ảnh xa xăm của cô Hélène⁽¹⁾ trong dĩ vãng...

GIÁNG NGUYỄN dịch

* Tuần báo *Trung Bắc* chủ nhật

đoạn trích gồm 3 số từ 223 (8/10 đến 22/10/1994)

* *Tạp chí VHNN* số 4 - 2008

⁽¹⁾ Người yêu của tác giả khi lưu học ở Pháp.